

譯者簡介

- 蔣為文 國立成功大學越南研究中心主任、
台灣文學系教授
- 呂越雄 亞細亞國際傳播社越文主編
- 陳正雄 詩人、台文筆會常務理事、
台南一中退休教師
- 陳理揚 社團法人台越文化協會秘書、
亞細亞國際傳播社總編輯
- 蔡氏清水 國立成功大學台灣文學系碩士



DỊCH GIẢ

GS.TS. Trương Vĩ Văn
Giáo sư Khoa Văn học Đại Loan, kiêm
Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Việt
Nam, Đại học Quốc gia Thành Công

Lữ Việt Hùng
Chủ biên tiếng Việt Công ty Truyền
thông Á Châu
Hội viên Hội Nhà văn Đài Loan

Trần Chính Hùng
Nhà thơ, Ủy viên thường vụ Ban chấp
hành Hội Nhà văn Đài Loan

Trần Lý Dương
Thư ký Ban chấp hành Hiệp hội Văn hoá
Việt Đài
Tổng biên tập Công ty Truyền thông Á
Châu

Thái Thị Thanh Thủy
Thạc sĩ Khoa Văn học Đại Loan, Đại học
Quốc gia Thành Công

SÔNG NÚI TRÊN VAI 肩上江山

背對著烈日

滿載的背簍如山嶺般壓在肩膀上

滿載的背簍從未離開她們一秒

宛如從出生

她們的命運已與背簍相連

少女身高1米55

DK砲彈已超過頭半米高

生命與死亡在肩上交會

如女媧煉石補天

與我同一個世代的人

把江山背在瘦小的肩膀上

她們的貢獻遠大於她們的身影

--Anh Ngọc (英玉)



詩
越南現代
選

肩上江山

KENG-KAH-THÂU Ê KANG-SAN

SÔNG NÚI TRÊN VAI
Việt – Trung – Đài

蔣為文 主編



SÔNG NÚI TRÊN VAI

Tuyển Tập Thơ Việt Nam (Việt – Trung – Đài)

肩上江山 越南現代詩選/越中台三語版

KENG-KAH-THÂU Ê KANG-SAN Oát-lâm si-soán

蔣為文 主編

蔣為文 呂越雄 陳正雄 陳理揚 蔡氏清水 譯



Chít pún chheh sĩ kun-kù Oát-lâm
Chok-ka Hiáp-hôe tĩ 2019 nĩ 1 goêh
chhut-pán ê Sông Núi Trên Vai lâi
hoan-ék chhut-pán. Chheh cheng-soán
45 ũi 20 sê-kĩ í-lâi ũ-miâ koh ũ
tãi-piâu-seng ê Oát-lâm chok-ka. Thâu
kòe chít pún si-chip, thók-chiá ē-sái
jĩn-bat Oát-lâm-lâng tĩ tui-kiũ bĩn-chòk
tòk-lip kòe-teng ê phah-pià^a.



本書係依據越南作家協會於2019年1
月出版的Sông Núi Trên Vai詩選翻
譯成中文及台文出版。書中精選越南
20世紀以來知名且具代表性的作家共
45位的作品。透過這些詩選的內容，
讀者可以認識與體會越南人在反殖民
及獨立建國中所做的努力及遭遇的殖
民烙印。

本書榮獲

台灣文化部

新住民發展基金

台灣羅馬字協會

補助出版



SÔNG NÚI TRÊN VAI

Tuyển Tập Thơ Việt Nam (Việt – Trung – Đài)

肩上江山 越南現代詩選/越中台三語版



KENG-KAH-THAU Ê KANG-SAN

Oát-lâm si-soán

蔣為文 主編

蔣為文 呂越雄 陳正雄 陳理揚 蔡氏清水 譯



國家圖書館出版品預行編目 (CIP) 資料

肩上江山：越南現代詩選（越中台三語版）／友請等作；蔣為文等譯
-- 初版 -- 臺南市：亞細亞國際傳播社

2019.11

面；公分

ISBN: 978-986-94479-8-0(平裝)

越、中、台三語版

868.351

108019332

肩上江山

越南現代詩選 越 / 中 / 台三語版

SÔNG NÚI TRÊN VAI

Tuyển Tập Thơ Việt Nam (Việt – Trung – Đài)

作者 / 友請 (Hữu Thịnh)、陳登科 (Trần Đăng Khoa)、
陳潤明 (Trần Nhuận Minh)、英玉 (Anh Ngọc) 等

譯者 / 蔣為文、呂越雄、陳正雄、陳理揚、蔡氏清水

策劃 / 國立成功大學越南研究中心、台越文化協會、
台文筆會

主編 / 蔣為文

校對 / 呂越雄、陳理揚、潘秀蓮、穆伊莉

出版 / 亞細亞國際傳播社

網址 / <http://www.atsiu.com>

TEL / 06-2349881

FAX / 06-2094659

公元 2019 年 11 月 初版第 1 刷

Copyright © 2019 by Asian Atsiu International

ISBN : 978-986-94479-8-0



Printed in Taiwan NT 456

版權所有 · 翻印必究

本書榮獲台灣文化部、內政部移民署新住民發展基金、台灣羅馬字協會 補助出版



Lời nói đầu (Hữu Thịnh).....p12

Lời giới thiệu (Trường Vi Văn)p18

MỤC LỤC

Vietnamese

01. ANH NGỌC	26
Sông núi trên vai	
Bài ca về những đôi vai	
02. NGỌC BÁI	31
Mộ người chiến sĩ	
03. THU BỒN	33
Qua quê mẹ	
04. HUY CẬN	36
Tràng giang	
05. NÔNG QUỐC CHẤN	38
Nhớ	
06. LÂM THỊ MỸ DẠ	41
Khoảng trời, hồ bom	
07. XUÂN DIỆU	44
Nguyệt cầm	
08. PHẠM TIẾN DUẬT	46
Trường Sơn Đông Trường Sơn Tây	
09. QUANG DŨNG	49
Tây Tiến	
10. BÀN TÀI ĐOÀN	52
Muối của cù Hồ	
11. NGUYỄN KHOA ĐIỀM	55
Những bài hát, con đường và con người	
12. TẾ HANH	57
Bão	

MỤC LỤC

Vietnamese

13. TRẦN NINH HỒ	59
Viếng chồng	
14. THI HOÀNG	61
Ở giữa cây và nền trời	
15. CHÍNH HỮU	63
Đồng chí	
16. TỔ HỮU	65
Từ ấy	
17. TRẦN ĐĂNG KHOA	67
Thơ tình người lính biển	
18. NGUYỄN ĐỨC MẬU	69
Cánh rừng nhiều đom đóm bay	
19. LÊ THỊ MÂY	72
Những mùa trăng mong chờ	
20. TRẦN NHUẬN MINH	75
Cho ta hỏi...	
21. GIANG NAM	77
Quê hương	
22. PHAN THỊ THANH NHÀN	80
Hương thầm	
23. MAI VĂN PHẤN	82
Thuốc đắng	
24. VIỄN PHƯƠNG	84
Thơ anh và đời em	
25. VŨ QUẦN PHƯƠNG	86
Người về	
26. Y PHƯƠNG	88
Phòng tuyến Khau Liêu	

MỤC LỤC

Vietnamese

27. THANH QUẾ	90
Mình má ngôi nhà hoang	
28. BẾ KIẾN QUỐC	92
Tự nhủ	
29. TRẦN QUANG QUÝ	94
Đêm ở làng	
30. XUÂN QUỲNH	97
Gió Lào cát trắng	
31. TRẦN VÀNG SAO	100
Bài thơ của một người yêu nước mình	
32. LÒ NGÂN SỬN	108
Người mù	
33. NGUYỄN TRỌNG TẠO	110
Đồng dao cho người lớn	
34. THANH THẢO	112
Bài ca ông cống	
35. NGUYỄN ĐÌNH THI	115
Nhớ	
36. NGUYỄN QUANG THIỀU	117
Những ví dụ	
37. HỮU THỈNH	121
Phan Thiết có Anh tôi	
38. HOÀNG TRUNG THÔNG	125
Trong nghĩa trang liệt sĩ	
39. TRÚC THÔNG	128
Bờ sông vẫn gió	
40. CHIM TRẮNG	130
Chiều lạnh	
41. VƯƠNG TRỌNG	132
Khóc giữa chiêm bao	

MỤC LỤC

Vietnamese

42. CHẾ LAN VIÊN	134
Từ thể thi ca	
43. BẰNG VIỆT	137
Những gương mặt những khoảng trời	
44. LÊ ANH XUÂN - CA LÊ HIẾN	140
Trở về quê nội	
45. LƯU QUANG VŨ	144
Vườn trong phố	



目錄

Chinese

越南作家協會 序p14

蔣為文 序p20

01. 肩上江山 雙肩之歌	150
02. 戰士的墳墓	155
03. 經過母親家鄉	158
04. 滔滔江水	161
05. 思念	163
06. 天空，彈坑	166
07. 月琴	169
08. 在長山的兩端	171
09. 西進	174
10. 胡伯伯的鹽	178
11. 那些歌曲、小徑和人們	181
12. 颱風	183
13. 弔亡夫	185
14. 樹與天之間	187
15. 同志	189
16. 從此	191
17. 水兵的情書	193
18. 有無數螢火蟲飛繞的森林裡	196
19. 那些盼望的月亮季節	199
20. 讓我問……	202
21. 故鄉	204
22. 沉默的柚花香	207

目錄

Chinese

23. 苦藥	210
24. 我的詩與妳的人生	212
25. 歸人	214
26. 哭寮防線	216
27. 媽媽一個人待在空屋	219
28. 對自己的叮嚀	222
29. 村落的夜晚	224
30. 焚風與白沙	227
31. 一個愛國者的詩篇	230
32. 盲人	239
33. 給大人的童謠	241
34. 銘鐘之歌	243
35. 想念	246
36. 那些比喻	248
37. 潘切有我哥	251
38. 在忠烈祠	255
39. 河邊風仍吹	258
40. 寒冷的午後	260
41. 在夢中哭	262
42. 辭世詩歌	265
43. 那些臉孔那些天空	268
44. 回到祖父母的故鄉	271
45. 城市花園	275

BÒK-LIÒK

Taiwanese

Õe-thâu (Hữu Thỉnh).....p16

Õe-thâu (Chiúⁿ Ûi-bùn).....p22

1. KENG-KAH-THÂU Ê KANG-SAN SIANG KENG Ê KOA	280
2. CHIÂN-SŪ Ê BÔNG	286
3. KENG-KÒE A-BÚ Ê KÒ-HIONG	289
4. KHE-CHÚI TŨG CHHOAH-LÂU	292
5. SU-LIÂM	294
6. THI ⁿ , CHÀ-TÔA ⁿ -KHANG	297
7. GOEH-KHÎM	300
8. TĪ TŨG-SOA ⁿ Ê NŨG-PÊNG	302
9. SE CHĪN	305
10. Ô-PEH-KONG Ê IÂM	308
11. HIA Ê KOA, LŌ HĀM LÂNG	311
12. HONG-THAI	313
13. SIÊU-LIÂM ANG-SÀI	315
14. CHHIŪ-Á HĀM THI ⁿ CHI-KAN	317
15. TÔNG-CHĪ	319
16. ÛI HIT TANG-CHŪN	321
17. CHÚI-PENG Ê CHÊNG-PHOE	323
18. Ū HÓE-KIM-KO Ê CHHIŪ-NÂ	325
19. NĠG-BĀNG Ê GOEH-NIŪ KÙI-CHEH	328
20. CHIOH MŨG LEH.....	331
21. KÒ-HIONG	333

BÒK-LIÒK

Taiwanese

22. TIĂM-CHĚNG Ê IŨ-Á-HOE PHANG	336
23. KHÓ-IÒH	339
24. GÓA Ê SI HĂM LÍ Ê JĪN-SENG	341
25. KUI-JĪN	343
26. KHÀU LIÊU HÔNG-SÒA ⁿ	345
27. A-BÚ CHĪT-LÂNG TÒA CHHÙ	348
28. TÙI KA-TĪ Ê HOAN-HÙ	350
29. CHNG-THÂU Ê ẦM-MỈ	352
30. SIO-HONG HĂM PĚH-SOA	354
31. CHĪT-Ê ÀI-KOK-CHÍA Ê SI-PHIAN	357
32. CHHE ⁿ -MÊ-LÂNG	365
33. HỒ TỎA-LÂNG Ê GÍN-Á-KOA	367
34. KOÀN-THÂU Ê KOA	369
35. SIÊU-LIÂM	372
36. HIT KÓA PÍ-JŨ	374
37. PHOA ⁿ -CHHIAT Ũ GÚN HIA ⁿ -KO	377
38. TĪ TIONG-LIÁT-SŨ	381
39. KHE-PI ⁿ CHHUN HONG	384
40. HÂN-LÉNG Ê E-PO-SĪ	386
41. TĪ BĂNG-TIONG HÁU	388
42. SA ⁿ -SĪ Ê KOA-SI	391
43. HIT KÓA BĪN-IÔNG HIT PHIÀN THI ⁿ	394
44. TŨG-LÂI A-KONG A-MÁ Ê KÒ-HIONG	397
45. SIÂ ⁿ -CHHĪ HOE-HŨG	401

SÔNG NGÔI TRÊN VAI



序 | 越南作家協會

LỜI NÓI ĐẦU | VIETNAMESE

Thơ ca là bảo tàng đặc biệt của tâm hồn Việt Nam. Ở đó còn lưu giữ được biết bao vẻ đẹp về phẩm giá, sức mạnh và sự quyến rũ của tình yêu thương con người. Nó là những lời ru êm dịu đầu đời, là lời hò hẹn thiết tha, và cũng là bộ phóng tinh thần giúp cho các thế hệ Việt Nam lớn lên và vượt qua mọi thăng trầm của lịch sử. Đó quả là một ngôi đền tráng lệ và thiêng liêng mà tập sách nhỏ này mới chỉ là những ô cửa đầu tiên giúp bạn đọc đi vào một thế giới.

Cuộc gặp gỡ sẽ trở nên thú vị biết bao nếu chúng ta tìm được một sự mở đầu thích hợp. Suy nghĩ rằng, những người cầm trên tay cuốn sách này là những người cùng thời với các tác giả, nghĩa là những người có chung những trải nghiệm về thời đại mà chúng ta đang sống, nên những người làm sách chúng tôi muốn bắt đầu bằng thì hiện tại. Nhưng khó khăn lại chính là ở chỗ đó. Bởi vì thơ ca đương đại Việt Nam là giai đoạn phát triển phong phú, đa dạng nhất kết quả của những cuộc đụng độ lịch sử và giao tiếp cởi mở trong một thế kỷ bão táp vừa qua. Chọn ai và chọn những thi phẩm nào là

một bài toán khó, thậm chí rất khó. Trong công việc rất nhiều khó khăn này, chúng tôi học bài học của những chiếc đồng hồ nước, từng giọt, từng giọt, bền bỉ, rồi chúng ta sẽ bắt gặp biển lớn.

Để đến tay các thi hữu thân thiết vào dịp tổ chức Hội nghị quốc tế quảng bá văn học Việt Nam lần thứ IV và Liên hoan Thơ quốc tế lần thứ III đáng ghi nhớ này, chúng tôi chân thành cảm ơn sự cộng tác và những đóng góp đáng kính của Ban Tuyển chọn, các dịch giả và những người lặng lẽ làm việc ở phía sau trang sách.

Hy vọng những tập sách tiếp theo sẽ từng bước giúp bạn đọc ở nước ngoài có một cách nhìn đầy đủ hơn về toàn cảnh thơ Việt Nam, niềm tự hào của một dân tộc yêu hòa bình và nâng niu tình bạn.

Hà Nội, ngày 1/2/2019

Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam
Nhà thơ HỮU THỈNH

序 | 越南作家協會

CHINESE

詩歌，是越南人心靈的寶庫。在詩歌裡蘊含了無數對人類的美德與愛的力量和魅力；她是人生最溫暖的搖籃曲、渴望的誓言、精神的舞台，孕育了每個世代的越南人並陪伴走過歷史的起起落落。她的確是一座壯麗又神聖的殿堂，而這本書則是指引讀者進入這奧秘世界的第一道門。

若我們能找到適切的起點，則每次的相會就會更有意義。原本我們編輯團隊想要從「現在式」著手，讓手上拿著這本書的讀者能夠與書裡的詩人一同體驗同一個年代的生活經驗。但，這或許有困難之處。因為越南當代詩歌是發展最豐富、最多元的階段，是過去一個世紀裡在惡劣環境中逐漸克服困難才能獲得的豐收成果。要收錄哪位作家的作品是一個難題，且是最難解的。面對這高難度的工作，我們學到一個經驗，就是以「水鐘」運作的原理來解套，如同一滴又一滴的水滴，耐心地滴下，期許將來與「大海」匯聚相逢。

本書能夠在第四屆推廣越南文學國際研討會暨第三屆國際吟詩節這二大活動中送到摯愛的詩友手中，要特別感謝值得敬佩的評選委員們的合作及貢獻，以及幕後默默地促成詩集每一頁問世的翻譯、編輯團隊。

希望後續其他作品的出版，得以幫助國外讀者對越南詩歌的全景，意即一個熱愛和平與珍惜友情的族群之驕傲，能有全方面的認識。

詩人 友請
越南作家協會主席
河內，2019 年 2 月 1 日

（本文係原版越文版序言翻譯）

序 | 越南作家協會

Ōe-thâu | TAIWANESE

Koa-si sī Oát-lâm-lâng sim-lêng ê pó-chōng. Tī koa-si lāi-té ū pau-hâm bē-chió tùi lán lêng ê bí-tek hām thiàⁿ-sioh ê lék-liōng kap bī-lék. I sī jîn-seng siōng un-loán ê iō-eⁿ-á-kóa, òng-bāng ê sè-giân, cheng-sín ê bú-tâi. I pōe-phōaⁿ ták sè-tâi ê Oát-lâm-lâng kiâⁿ kòe hong-hong-ú-ú ê lék-sú. Koa-si khak-sit sī sîn-sèng koh chin phài-thâu ê tiān-tng, ah chit pún chheh tō sī beh jip-khì chit-ê ò-biāu sè-kài ê thâu 1 ê hō-tēng.

Lán nā ē-sái chhōe tiōh tú-hó ê khí-tiám, lán ták pái ê siong-hōe tō ē koh khah ū ì-gī. Goân-té lán pian-chip thoân-tui beh ùi “hiān-chāi-sek” lōh-chhiú, hō chhiú lín thèh chit pún chheh ê thòk-chiá ē-tàng hām chheh lín ê si-jîn chò-hóe thè-giām kâng 1 ê nī-tâi ê seng-oāh keng-giām. M̄-koh, ká-ná ū kí-sùt-siōng ê khùn-lân. Oát-lâm tong-tâi ê koa-si hoat-tián sī siōng hong-hù koh to-goân ê sī-chūn, sī kòe-khì tī khám-khiat ê khoân-kéng lāi-té tauh-tauh kheh-hók khùn-lân chiah tit-tiōh ê hong-siu sêng-kó. Beh kéng tó 1 ê chok-ka ê chok-phín sit-chāi chin ūi-lân. Bīn-tui chit khoán lân-tê, lán òh tiōh 1 ê keng-giām. Tō-sī òh “chúi-cheng” ūn-chok ê goân-lí, iōng nāi-sim tán-thāi

chúi-chu chít tih chít tih táuh-táuh-á lúi-chek chò tōa-hái
chiah koh siong-hông.

Chít pún chheh ē-tàng tī tē 4 kài chhui-sak Oát-lâm
bùn-hák gián-thó-hōe hām tē 3 kài kok-chè gîm-si-cheh
chít 2 tiûⁿ lău-jiát ê oáh-tōng lăi-té sàng hō' bat-chih ê si-
iú, sít-chāi ài kám-siā chín chē lāng ê phah-piàⁿ, in tō
sī phêng-soán úi-oân-hōe, hoan-ék-chiá hām pian-chip
thoân-túi.

Ng-bāng āu-sòa ē-tàng ũ kî-thaⁿ chok-phín chhut-
pán thang pang-chān kok-gōa ê thók-chiá jîn-bat Oát-lâm
bùn-hák, chít-ê jiát-ài hó-pêng koh tin-sioh iú-chêng ê
bîn-chòk só chhòng-chō ê bún-hák.

Si-jîn Hữu Thịnh

Oát-lâm Chok-ka Hiáp-hōe chú-sék

Hô-lăi, 2019/2/1

(Pún-bùn sī goân-pán ê Oát-lâm-bùn òe-thâu hoan-ék)

序 | 蔣為文 VIETNAMESE

Văn học là nhịp cầu kết nối giữa Việt Nam và Đài Loan

“Sông núi trên vai” là một tuyển tập thơ đáng được ca ngợi và tán dương, là một tuyển tập thơ khiến độc giả cảm động đến rơi nước mắt của thơ ca Việt Nam. Tuyển tập thơ này đã ghi chép lại những phần đấu, hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh chống chính quyền thực dân, theo đuổi nền độc lập dân chủ của nhân dân Việt Nam trong thời cận đại. Đài Loan cũng giống Việt Nam, đều đã từng bị Trung Quốc và các chính quyền ngoại bang chiếm đóng và thống trị. Người dân Đài Loan khi đọc tập thơ được viết bằng máu và nước mắt này có lẽ sẽ có những cảm xúc và nhận thức sâu sắc hơn.

Văn học là nhịp cầu kết nối giữa Việt Nam và Đài Loan! Tiếp nối việc phiên dịch và xuất bản tập thơ “Đi ngang thế gian” (với ba ngôn ngữ Việt-Trung-Đài) của nhà thơ Việt Nam-Trần Nhuận Minh được đánh giá rất cao vào năm 2018, năm nay một lần nữa chúng tôi cho xuất bản tập tinh tuyển thơ “Sông núi trên vai”, tác phẩm của 45 nhà thơ Việt Nam. Tập tinh tuyển thơ này vốn là để phục vụ cho Liên Hoan Thơ Quốc tế do Hội Nhà Văn Việt Nam xuất bản tại Việt Nam vào tháng 1 năm 2019. Lúc

đó tôi và đoàn đại biểu Hội Nhà Văn Đài Loan đại diện cho Đài Loan tham dự Liên Hoan Thơ Quốc tế do Việt Nam tổ chức. Khi chúng tôi nhận được tập thơ này thì mọi người trong đoàn đều cảm thấy nội dung của nó rất hay, rất có ý nghĩa. Vì thế, chúng tôi đã tranh thủ trao đổi ngay với Hội Nhà Văn Việt Nam để nhận được quyền phiên dịch tập thơ này sang tiếng Đài và tiếng Trung rồi xuất bản ở Đài Loan. Chúng tôi vô cùng cảm ơn Chủ tịch Hội Nhà Văn Việt Nam - nhà thơ Hữu Thỉnh, ông đã rất khảng khái, lập tức đồng ý trao quyền phiên dịch cho chúng tôi. Chúng tôi cũng rất lấy làm vinh dự có thể trở thành đơn vị có quyền xuất bản ở nước ngoài đầu tiên của tập thơ “Sông núi trên vai”.

Cuối cùng, chúng tôi xin cảm ơn 45 nhà thơ tác giả, khi các vị đã dùng ngòi bút của mình ghi lại những kinh nghiệm từng trải của bản thân hay cảnh ngộ của bạn bè, của những người xung quanh. Chúng tôi cũng đặc biệt cảm ơn các dịch giả, ban biên tập và các đơn vị như trường Đại Học Quốc Gia Thành Công, Hội Nhà Văn Đài Loan, Hiệp Hội Văn Hóa Việt Đài, Hiệp Hội Chữ La-tinh Đài Loan, Sở Di Dân Bộ Nội Chính, Bộ Văn Hóa Đài Loan v.v... đã đóng góp tiền bạc và công sức để hoàn thành việc xuất bản tập thơ này.

Tưởng Vi Văn

Giáo sư Khoa Văn học Đài Loan &
Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Việt Nam
Đại học Quốc gia Thành Công

序 | 蔣為文 CHINESE

文學是台越交流的橋樑

《肩上江山》是一部可歌可泣的越南詩選集。它記錄了近代越南人民反抗外來殖民政權，追求民族獨立所做的犧牲與奮鬥。台灣和越南一樣，都曾被中國及其他外來政權殖民統治過。台灣人在閱讀這本用血淚撰寫的詩集時應該會有更深的體會與感受。

文學是台越交流的橋樑！繼 2018 年翻譯出版越南詩人陳潤明的《戰火人生》（越、中、台三語版）頗受好評之後，我們今年再度推出精選 45 位越南作家作品的《肩上江山》。這本書原本是越南作家協會為配合辦理越南文學及國際吟詩節而於 2019 年 1 月在越南出版。當時我和台文筆會代表團代表台灣出席越南主辦的這個文學盛會。當我們收到這本書時，全團團員都覺得內容非常好，非常有意義。因此，我們於第一時間就向越南作家協會爭取授權翻譯成台文及中文並在台灣出版。非常感謝越南作家協會會長「友請」很阿莎力馬上同意授

權。我們也很榮幸可以成為《肩上江山》第一份授權在外國出版的單位。

最後，感謝這 45 位作家把他們的親身經歷或親友的遭遇用文學的筆記錄下來。也特別感謝譯者、編輯團隊及國立成功大學、台文筆會、台越文化協會、台灣羅馬字協會、內政部移民署、文化部等單位出錢出力才能順利出版這本書。



蔣為文

國立成功大學
越南研究中心主任、台灣文學系教授

序 | 蔣為文 TAIWANESE

Bûn-hák sī Tâi-Oát kau-liû ê kiô-niû

Keng-kah-thâu ê Kang-san sī chhit pún hō' lâng thak tiōh ē kám-tōng bák-sái póc bē-lī ê Oát-lâm si-soán. I kì-lók kīn-tāi Oát-lâm jîn-bîn té-khòng gōa-lâi sít-bîn cheng-koân, tui-kiû bîn-chók tók-lip só' chò ê hi-seng hām phah-piàⁿ. Tâi-oân hām Oát-lâm kâng-khoán, lóng bat hō' Chi-ná kah kī-thaⁿ gōa-lâi cheng-koân sít-bîn thóng-tī kòe. Tâi-oân-lâng teh thak chhit pún iōng hoeh kām bák-sái siá ê si-chip ê sī, eng-kai ē ū chin chhim ê kám-siū chiah tiōh.

Bûn-hák sī Tâi-Oát kau-liû ê kiô-niû! Chiap-sòa kû-ni hoan-ék chhut-pán Oát-lâm si-jîn Tân Lûn-bêng ê Chiàn-hóe Jîn-seng, lán kin-ni koh chhut-pán chhit pún cheng-soán 45 ūi Oát-lâm chok-ka ê Keng-kah-thâu ê Kang-san. Chhit pún chheh goân-té sī Oát-lâm Chok-ka Hiáp-hōe phòe-háp kí-pān Oát-lâm bûn-hák hām kok-hè gîm-si-cheh, tī 2019 nî 1 goeh té chhut-pán ê. Hit tong-si góa hām Tâi-bûn Pit-hōe tãi-piáu-thoân tãi-piáu Tâi-oân chhut-sèk Oát-lâm chú-pān ê chhit-ê bûn-hák oáh-tōng. Tng goán siu tiōh chhit pún chheh, tak-ke lóng kám-kak lâi-iōng chin hó, chin ū ì-gī. Goán tē-it sĩ-kan tō ká Oát-lâm Chok-ka Hiáp-hōe cheng-chhú siū-koân

hoan-ék chò Tâi-bûn hām Tiong-bûn thang tiàm Tâi-oân
 chhut-pán. Chín kám-siā Oát-lâm Chok-ka Hiáp-hōe hōe-
 tiúⁿ Hữu Thỉnh chín a-sá-lih sủi tông-ì siū-koân. Goán mã
 chín êng-hēng ē-tàng chiâⁿ chò Keng-kah-thâu ê Kang-
 san tē-it hũn siū-koân tĩ gōa-kok chhut-pán ê tan-ũi.

Siōng-bóe, tiòh kám-siā chit 45 ũi chok-ka kã in ka-
 tĩ iah-sĩ chhin-chiâⁿ pêng-iú ê keng-lék iōng bûn-hák ê
 pít kì-lók lóh-lâi. Mã ték-piát kám-siā êk-chiá, pian-chip
 thoân-tũi hām Kok-líp Sêng-kong Tâi-hák, Tâi-bûn Pit-
 hōe, Tâi-Oát Bûn-hòa Hiáp-hōe, Tâi-oân Lô-má-jĩ Hiáp-
 hōe, Lãi-chèng-po' Í-bîn-sú, Bûn-hòa-pō' téng chia-ê tan-
 ũi chhut chĩⁿ chhut lát, chiah ē-tàng sũn-lĩ chhut-pán chit
 pún chheh.



Kok-líp Sêng-kong Tâi-hák
 Oát-lâm Gián-kiú Tiong-sim chú-jĩm
 Tâi-oân Bûn-hák-hē kàu-siū



The logo features a green globe with white grid lines. A brown tree trunk is superimposed over the globe, with a small green tree canopy at the top. Above the globe are three small black dots.

... Vietnamese
Asian



ANH NGỌC

Nhà thơ Anh Ngọc tên thật là Nguyễn Đức Ngọc. Sinh năm 1943 tại Nghi Lộc, Nghệ An. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam. Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật.

aslan

Sông núi trên vai

(Trường ca)

***Kính tặng các nữ chiến sĩ Đoàn vận
tải H50, Cục Nam Trung Bộ.***

• • •

Như chiếc cầu bắc qua dòng sông rộng
Họ bắc qua dòng thác xiết chiến tranh
Gửi lại mai sau hình bóng của mình
Những đường nét in trên nền năm tháng
Và lịch sử từ những trang giấy trắng
Sẽ đứng lên cao vút những dáng người.

• • •

Họ lên đường
Một buổi chiều Cục Nam xao xác lá khộp rơi
Nát vụn dưới chân người như kính vỡ
Từ cửa rừng gió chiều vừa mở
Đã hiện lên gương mặt đầu tiên
Dưới vành mũ lá sen
Bắt gặp một khoảng trời gió nắng
Hổ mắt to hồm sâu đôi giếng cạn
Động ngàn đêm thức trắng đường dài
Nếp khăn rằn nhàu nát trên vai
Vết quai gùi hằn sâu chín đỏ
Đôi bờ vai nho nhỏ
Đong đầy ngàn cân

.....

Họ lại lên đường
Một buổi chiều như thế
Người đang đi cùng thế hệ với tôi
Trong vụn nắng rụng rơi
Chân trời cháy một màu vàng hoả hoạn
Những cánh chim lang thang tìm bạn
Những bông hoa khép cánh qua đêm
Trời cao xanh và êm
Hàng mây bạc nồng nàn như mặt gối
Họ rào bước đi
Vàng trán chạm vào bóng tối
Lưng quay về phía mặt trời
Những gùi hàng như trái núi trên vai
Những gùi hàng chưa một giây rời họ
Như thể từ thuở nhỏ
Họ sinh ra đã gắn với những gùi hàng
Con gái cao một mét năm nhăm
Quả đạn DK vượt quá đầu nửa mét
Gùi trên lưng sự sống và cái chết
Như Bà Nữ Oa xưa đội đá vá trời
Những người đi cùng thế hệ với tôi
Gùi sông núi trên đôi vai bé nhỏ
Tầm vóc họ lớn hơn chính họ.

|| *Bài ca về những đôi vai*

Sau chuyến đi tải về
Đôi vai còn bốc lửa
Chiếc gùi hàng vừa dỡ
Đôi vai khuyết lại tròn

Mưa nắng đã mài mòn
Thịt da thành sắt đá
Chiếc khăn rằn trẻ quá
Bờ vai chưa chịu già

Cuộc chiến tranh đi qua
Đôi vai còn ấm mãi
Ngược về thời con gái
Tóc xõa trên vai trần

Hai mươi năm hành quân
Trọn một thời vất vả
Hơn người xưa vá đá
Vết sẹo trên da mềm

Vòng tay bạn thì êm
Cái quai gùi thì xốt
Thương đôi vai khó nhọc
Gùi tình yêu qua cầu

Ta lại về bên nhau
Qua muôn trùng bom đạn
Thường tình và bí ẩn
Như vai kề bên vai.

.....

Cực Nam Trung Bộ, tháng 3 – 4 năm 1975

Hà Nội, tháng 3 – 5 năm 1977

Sửa : 1993



NGỌC BÁI

Ngọc Bái sinh năm 1943 tại Trấn Yên, Yên Bái. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam. Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật.

asian

|| *Mộ người chiến sĩ*

Ba mươi năm anh nằm giữa rừng già
Ba mươi năm lá xác xào trên mộ
Không bia đá, không một dòng tên nhỏ
Thương xót anh dân bản đốt hương thờ

Giặc giết anh dưới gốc Pơ Mu
Anh với Pơ Mu cùng chung vết đạn
Máu anh đỏ thấm vào đất đỏ
Nuôi cây xanh đến trọn đời mình

Người vô danh hoa cỏ vô danh
Một nắm đất trời lên trên ngực đá
Tán lá thắm như mắt người thức ngủ
Như mắt người thương nhớ chớp không ngừng

Người lính thời Anh tuổi đã già rồi
Mái tóc bạc qua bao nhiêu chiến trận
Những đạo quân mọc dậy như rừng
Anh vẫn xanh với tuổi cây xanh

Thắp nén nhang trên phần mộ của anh
Gió vẫn thổi dọc rừng già da diết
Gió cứ thổi dọc cuộc đời thân thiết
Trên một phần xương thịt đất đai

03

*THU BỒN*

Nhà thơ Thu Bồn tên khai sinh là Hà Đức Trọng. Sinh 1/12/1935 tại Điện Thắng, Điện Bàn, Quảng Nam. Mất 17/6/2003. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam. Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học nghệ thuật.

aslan

|| Qua quê mẹ

Con sông bên bồi lo cho bên lở
anh đứng nơi này rất mệt với thời gian
qua quê mẹ không ghé về thăm mẹ
sông cứ chảy vòng quanh sông bỗng hóa sông Hàn

hải âu bay cánh trắng trăm vòng
đôi cánh dẻo như cuộc đời bằng nhựa
đêm sập tối nhà ai vừa nhen lửa
ngôi sao nào cũng mọc phía xa xôi

em đã về chưa mảnh đất hẹp vô cùng
hẹp như thể một con đường qua lại
anh vẫn tưởng không bao giờ hái
quả đầu mùa thơm ngọt tựa môi em

qua đồng bằng giọng hát thân quen
quen như thể không bao giờ lạ được
quen như thể cơn mưa nào cũng ướt
tóc em giờ nắng đã khô chưa?

quê hương tôi biển nhiều hơn là nước
giọt tận trời cao giọt tận đất sâu
biển đã thổi cồn cào cơn khát
giọt đầu nguồn trong - mắt em đâu?

nước đã tràn bờ nước đã về khơi
dòng sông suốt đời không đuổi kịp
những ghềnh thác thét gào khủng khiếp
khúc ngàn năm mây vẫn thấp ngang trời

chim riu ran ngọn gió chào mời
ngực anh trống như ngôi nhà không cửa
tim rực cháy than hồng bốc lửa
bay lên cao siết cháy cả nền trời

từ phía vườn em trăng cứ mọc
mặt em đây trăng mấy cũng rằm
em đừng trách anh là ngọn gió
của trăm miền giờ vẫn thổi xa xăm...

1985 - 1990



HUY CẬN

Huy Cận sinh ngày 31 tháng 5 năm 1919, ở làng Ân Phú, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh. Huy Cận mất ngày 19 tháng 2 năm 2005. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam. Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học nghệ thuật.

|| Tràng giang

Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp,
Con thuyền xuôi mái nước song song.
Thuyền về nước lại, sầu trăm ngả;
Củi một cành khô lạc mấy dòng.

Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu,
Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều
Nắng xuống, trời lên sâu chót vót;
Sông dài, trời rộng, bến cô liêu.

Bèo giạt về đâu, hàng nối hàng;
Mênh mông không một chuyến đò ngang.
Không cầu gợi chút niềm thân mật,
Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng.

Lớp lớp mây cao đùn núi bạc,
Chim nghiêng cánh nhỏ: bóng chiều sa.
Lòng quê dợn dợn vời con nước,
Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà.

05

***NÔNG QUỐC CHẤN***

Nông Quốc Chấn (1923-2002). Tên thật là Nông Văn Quỳnh. Quê quán: xã Cốc Đán, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam. Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học nghệ thuật.

asian

|| **Nhớ**

*... Đèn thương nhớ ai
Mà đèn không tắt...
(Ca dao)*

Con suối nhớ ai
Róc rách róc rách
Đêm đêm ngày ngày
Nhắc thầm không trách.

Con chim nhớ ai
Bay đi bay lại
Mây chiều nắng mai
Xa xôi không ngại.

Cái nón nhớ ai
Dầm mưa dãi nắng
Đi trên đường dài
Không quên lời dặn.

Chiếc khăn nhớ ai
Bời bời trong óc
Chỉ màu không phai
Trùm lên mái tóc.

Chiếc cày nhớ ai
Sáng chiều xới đất
Con trâu chiếc vai
Hẹn mùa lúa tốt.

Chiếc quạt nhớ ai
Bay như cánh bướm
Gió thoảng bên người
Lòng thêm mát đượm.

Ngọn đèn nhớ ai
Suốt đêm không ngủ
Như mắt canh trời
Bùng bùng tia lửa.

Ai nhớ cứ nhớ
Ai đi cứ đi
Chiến trường súng nổ
Thắng giặc, lại về!

06

LÂM THỊ MỸ DẠ

Lâm Thị Mỹ Dạ sinh ngày 18 tháng 9 năm 1949 tại huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, cha là người gốc Hoa, mẹ người Huế. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam. Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật.

aslan

|| *Khoảng trời, hố bom*

Chuyện kể rằng: em, cô gái mở đường
Để cứu con đường đêm ấy khỏi bị thương
Cho đoàn xe kịp giờ ra trận
Em đã lấy tình yêu Tổ quốc của mình thắp lên ngọn lửa
Đánh lạc hướng thù. Hứng lấy luồng bom...

Đơn vị tôi hành quân qua con đường mòn
Gặp hố bom nhắc chuyện người con gái
Một năm mộ, nắng ngời bao sắc đá
Tình yêu thương bồi đắp cao lên...

Tôi nhìn xuống hố bom đã giết em
Mưa đọng lại một khoảng trời nho nhỏ
Đất nước mình nhân hậu
Có nước trời xoa dịu vết thương đau

Em nằm dưới đất sâu
Như khoảng trời đã nằm yên trong đất
Đêm đêm, tâm hồn em tỏa sáng
Những vì sao ngời chói, lung linh

Có phải thịt da em mềm mại, trắng trong
Đã hoá thành những làn mây trắng?
Và ban ngày khoảng trời ngập nắng
Đi qua khoảng trời em
- Vàng dương thao thức
Hỡi mặt trời, hay chính trái tim em trong ngực
Soi cho tôi
Ngày hôm nay bước tiếp quãng đường dài?

Tên con đường là tên em gửi lại
Cái chết em xanh khoảng-trời-con-gái
Tôi soi lòng mình trong cuộc sống của em

Gương mặt em, bạn bè tôi không biết
Nên mỗi người có gương mặt em riêng!

Trường Sơn, 10-1972



XUÂN DIỆU

Xuân Diệu tên thật là Ngô Xuân Diệu, sinh ngày 2/2/1916 tại Tuy Phước, tỉnh Bình Định. Quê quán làng Trảo Nha, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. Ông mất ngày 18/12/1985. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam. Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học nghệ thuật.

|| *Nguyệt cầm*

Trăng nhập vào đây cung nguyệt lạnh,
Trăng thương, trăng nhớ, hơi trăng ngần.
Đàn buồn, đàn lặng, ôi đàn chậm!
Mỗi giọt rơi tàn như lệ ngân.

Mây vắng, trời trong, đêm thủy tinh;
Lung linh bóng sáng bỗng rung mình
Vì nghe nương tử trong câu hát
Đã chết đêm rằm theo nước xanh.

Thu lạnh càng thêm nguyệt tỏ ngời,
Đàn ghê như nước, lạnh, trời ơi...
Long lanh tiếng sỏi vang vang hận:
Trăng nhớ Tầm Dương, nhạc nhớ người...

Bốn bề ánh nhạc: biển pha lê.
Chiếc đảo hồn tôi rợn bốn bề
Sương bạc làm thình, khuya nín thở
Nghe sâu âm nhạc đến sao Khuê.



PHẠM TIẾN DUẬT

Phạm Tiến Duật sinh ngày 14/1/1941, mất 4/12/2007. Quê gốc: thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam. Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật. Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học nghệ thuật.

|| Trường Sơn Đông Trường Sơn Tây

Cùng mắc võng trên rừng Trường Sơn
Hai đứa ở hai đầu xa thăm
Đường ra trận mùa này đẹp lắm
Trường Sơn Đông nhớ Trường Sơn Tây.

Một dãy núi mà hai màu mây
Nơi nắng nơi mưa, khí trời cũng khác
Như anh với em, như Nam với Bắc
Như Đông với Tây một dải rừng liền.

Trường Sơn Tây anh đi, thương em
Bên ấy mưa nhiều, con đường gánh gạo
Muối bay rừng già cho dài tay áo
Rau hết rồi, em có lấy măng không.

Em thương anh bên Tây mùa đông
Nước khe cạn bướm bay lên đá
Biết lòng Anh say miền đất lạ
Chắc em lo đường chấn bom thù

Anh lên xe, trời đổ cơn mưa
Cái gạt nước xua đi nỗi nhớ
Em xuống núi nắng về rực rỡ
Cái nhành cây gạt nỗi riêng tư.

Đông sang Tây không phải đường như
Đường chuyển đạn và đường chuyển gạo
Đông Trường Sơn, cô gái "ba sẵn sàng" xanh áo
Tây Trường Sơn bộ đội áo màu xanh.

Từ nơi em gửi đến nơi anh
Những đoàn quân, trùng trùng ra trận
Như tình yêu nổi lời vô tận
Đông Trường Sơn, nỗi Tây Trường Sơn.



QUANG DŨNG

Quang Dũng tên thật Bùi Đình Diệm, sinh năm 1921 tại làng Phượng Trì, huyện Đan Phượng (nay thuộc Hà Nội), mất 1988. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam. Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật.

|| *Tây Tiến*

Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi!
Nhớ về rừng núi, nhớ chơi vơi
Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi
Mường Lát hoa về trong đêm hơi

Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm
Heo hút cồn mây, súng ngửi trời
Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống
Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi

Anh bạn dãi dầu không bước nữa
Gục lên súng mũ bỏ quên đời!
Chiều chiều oai linh thác gầm thét
Đêm đêm Mường Hịch cọp trêu người

Nhớ ôi Tây Tiến cơm lên khói
Mai Châu mùa em thơm nếp xôi

Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa
Kìa em xiêm áo tự bao giờ
Khèn lên man điệu nàng e ấp
Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ

Người đi Châu Mộc chiều sương ấy
Có thấy hồn lau nẻo bến bờ
Có nhớ dáng người trên độc mộc
Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa

Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc
Quân xanh màu lá dữ oai hùm
Mắt trừng gửi mộng qua biên giới
Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm

Rải rác biên cương mồ viễn xứ
Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh
Áo bào thay chiếu, anh về đất
Sông Mã gầm lên khúc độc hành

Tây Tiến người đi không hẹn ước
Đường lên thăm thẳm một chia phôi
Ai lên Tây Tiến mùa xuân ấy
Hồn về Sầm Nứa chẳng về xuôi.

Phù Lưu Chanh, 1948



BÀN TÀI ĐOÀN

Bàn Tài Đoàn (1913-2007) tên thật là Bàn Tài Tuyên. Quê quán: Xã Trung Yên, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam. Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật.

aslan

|| *Muối của cụ Hồ*

Người Mèo ngày xưa bao đời lại
Ở đất Đồng Văn đói khổ nghèo
Ngẩng đầu thấy núi cao chót vót
Cúi đầu thấy đá chồng chất nhau
Bắc gùi xuống đất trên khe đá
Nó mọc lên không chịu ra hoa
Con khóc đòi ăn cơm chấm muối
Mẹ tìm đâu hạt muối cho con?
Mẹ dỗ: Con ơi đừng khóc nữa
Bố gánh củi đi chợ đổi muối rồi
Con nín nghe theo lời mẹ bảo
Bố về được muối đầu đĩa ngon
Cánh cửa nát xưa kẹt hé mở
Vui sướng biết bao thấy bố về
Nhưng sao yên lặng bố không nói
Con hỏi muối đâu bố lắc đầu
Không đủ tiền, người giàu không bán
Niềm mong thất vọng đến với con
Nước mắt con chảy quanh má nhỏ
Bố chỉ nhìn con biết làm sao?

Đến ngày không có tàu bay giặc
Quân Pháp phải bỏ đất Hà Giang
Một buổi sáng đất trời âm áp
Nắng non dọi chiếu qua đầu làng
Có một người lạ đến vùng cao
Trên người mặc bộ quần áo nâu
Nói tiếng gì, mẹ nghe không hiểu
Anh tìm hỏi đến những nhà nghèo
Mẹ hỏi: Anh người ở đâu đến?
Vào đây sưởi lửa uống chè xanh
Người lạ tươi cười đáp lời mẹ
Tôi là người cán bộ cụ Hồ.

Từ khi cán bộ cụ Hồ đến
Ngoài chợ có bán nhiều thứ hàng
Có hàng bán muối tha hồ chọn
Có hàng bán vải đỏ, vải xanh
Cụ Hồ mang áo về, dân mặc
Cụ Hồ đem muối về, dân ăn
Nay Bác bảo ta đi đào đất
Mở thêm đường cái lên Đồng Văn
Có xe mang thêm nhiều muối đến
Người Mèo ta không sợ đói nghèo.



NGUYỄN KHOA ĐIỀM

Nguyễn Khoa Điềm sinh ngày 15/4/1943. Quê quán: làng An Cựu, xã Thuỷ An, thành phố Huế. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam. Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật.

aslan

|| *Những bài hát, con đường và con người*

Những bài hát không ai hát nữa
Đã vỡ trên môi anh ngọn gió dịu dàng
Sẫm bên đường mỗi sợi cỏ hoàng hôn
Nghe thương mền lại thấp từng ngọn lửa
Những bài hát không ai hát nữa
Đã vỡ trên môi anh ngọn gió dịu dàng.

Những con đường không ai trở lại
Đã xuyên qua anh những mạch máu âm thầm
Anh nghe đập những bước chân đồng đội
Bao lối mòn chớp lửa chiến tranh
Những con đường không ai trở lại
Đã xuyên qua anh những mạch máu âm thầm.

Những con người không ai gặp nữa
Đã đặt trên vai anh gánh nặng cuối cùng
Bao khuôn mặt gầy xanh, mơ mộng
Như cánh rừng, đã thuộc về anh
Những con người không ai gặp nữa
Đang sống cùng anh trọn tuổi xuân...



TỂ HANH

Tể Hanh sinh ngày 20/6/1921. Quê quán: xã Bình Dương, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi. Mất ngày 16/7/2009 tại Hà Nội. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam. Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học nghệ thuật.

|| ***Bão***

Cơn bão nghiêng đêm
Cây gãy cành bay lá
Ta nắm tay em
Cùng nhau qua đường cho khỏi ngã

Cơn bão tạnh lâu rồi
Hàng cây xanh thắm lại
Nhưng em đã xa xôi

Và cơn bão lòng ta thổi mãi.

aslan 1957

13

TRẦN NINH HỒ

Trần Ninh Hồ tên thật là Trần Hữu Hỷ, sinh năm 1943 tại Bắc Giang. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam. Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật

aslan

|| Viếng chồng

Chị ơi!...

Chỉ gọi được thể thôi

Anh chiến sĩ đưa đường bỗng thấy ghen lời

Không làm sao anh còn nói nổi:

- Chị đặt hoa nhầm rồi

Mộ anh ấy ở bên tay trái

Chỉ có một vòng hoa chị mang từ quê lại

Hoa viếng mộ bên này đã có chúng tôi!

- Chị hiểu ý em rồi

Xin cho chị đặt hoa bên mộ đó

Cả cánh rừng chỉ có hai ngôi mộ

Viếng mộ anh, có chị đến đây rồi!

14

THI HOÀNG

Thi Hoàng tên thật là Hoàng Văn Bộ, sinh ngày 25/5/1943 tại xã Vĩnh Tiến, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam. Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật

aslan

|| Ở giữa cây và nền trời

Dường như là chưa có buổi chiều nào
Xanh như buổi chiều nay, xanh ngút mắt
Cây cứ đứng với nền trời khao khát
Nâng chiếc mầm trên tận đỉnh cây cao.

Sau chiều nay ta phải tốt lên nhiều
Thiên nhiên ở với mình cao cả quá
Tiếng lá động ân cần như tiếng mẹ
Và vòm trời mong ngóng lại như cha

Đừng phút giây quên đôi mắt quân thù
Đừng hồ hững với đời như bọt bể
Sắc điệp lục um tùm đang nói thể
Sắc trời xanh day dứt chẳng vô tình

Trời thì xanh như rút ruột mà xanh
Cây thì biếc như vắn mình mà biếc
Mặt trời toả như trái tim nồng nhiệt
Trong cái chiều nhân nghĩa đến sâu xa.

Một tên người ai gọi cứ ngân nga...



CHÍNH HỮU

Chính Hữu tên thật là Trần Đình Đắc. Sinh ngày 15 tháng 12 năm 1926 tại Vinh (Nghệ An). Mất ngày 27 tháng 11 năm 2007. Nguyên quán của ông là huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam. Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học nghệ thuật.

|| *Đồng chí*

Quê hương anh nước mặn, đồng chua
Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá
Anh với tôi đôi người xa lạ
Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau.
Súng bên súng, đầu sát bên đầu
Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỷ
Đồng chí!

Ruộng nương anh gửi bạn thân cày
Gian nhà không mặc kệ gió lung lay
Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính.
Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh,
Sốt run người, vừng trán ướt mồ hôi.

Áo anh rách vai
Quần tôi có vài mảnh vá
Miệng cười buốt giá
Chân không giày
Thương nhau tay nắm lấy bàn tay!

Đêm nay rừng hoang sương muối
Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới
Đầu súng trăng treo.

16

TỔ HỮU



Tổ Hữu tên thật là Nguyễn Kim Thành, sinh năm 1920. Quê gốc ở làng Phù Lai, nay thuộc xã Quảng Thọ, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên-Huế. Mất năm 2002. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam. Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học nghệ thuật

|| *Từ ấy*

Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ
Mặt trời chân lý chói qua tim
Hồn tôi là một vườn hoa lá
Rất đậm hương và rộn tiếng chim...

Tôi buộc lòng tôi với mọi người
Để tình trang trải với trăm nơi
Để hồn tôi với bao hồn khổ
Gần gũi nhau thêm mạnh khối đời

Tôi đã là con của vạn nhà
Là em của vạn kiếp phôi pha
Là anh của vạn đầu em nhỏ
Không áo cơm, cù bắt cù bơ...



TRẦN ĐĂNG KHOA

Trần Đăng Khoa sinh ngày 26/4/1958 tại thôn Điền Trì, xã Quốc Tuấn, huyện Nam Thanh, Hải Dương. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam. Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật.

aslan

|| *Thơ Tình Người Lính Biển*

Anh ra khơi

Mây treo ngang trời những cánh buồm trắng

Phút chia tay, anh dạo trên bến cảng

Biển một bên và em một bên

Biển ồn ào, em lại dịu êm

Em vừa nói câu chi rồi mỉm cười lặng lẽ

Anh như con tàu lẳng sóng từ hai phía

Biển một bên và em một bên

Ngày mai, ngày mai khi thành phố lên đèn

Tàu anh buông neo dưới chùm sao xa lắc

Thăm thẳm nước trời, nhưng anh không cô độc

Biển một bên và em một bên

Đất nước gian lao chưa bao giờ bình yên

Bão thổi chưa ngừng trong những vành tang trắng

Anh đứng gác. Trời khuya. Đảo vắng

Biển một bên và em một bên

Vòm trời kia có thể sẽ không em

Không biển nữa. Chỉ mình anh với cỏ

Cho dù thế thì anh vẫn nhớ

Biển một bên và em một bên...

18

NGUYỄN ĐỨC MẬU



Nguyễn Đức Mậu sinh năm 1948 tại Nam Ninh, Nam Hà. Quê quán: Nam Điền, Nam Trực, Nam Định. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam. Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật.

aslan

|| *Cánh Rừng Nhiều Đom Đóm Bay*

Đêm. Đơn vị dừng chân trong sâu hút cánh rừng. Có giếng nước ai đào dưới lòng suối cạn? Mức nước lên, chúng tôi uống trong cơn khát cháy khô vòm họng. Nước ngọt mát râm ran cơ thể cỗi cằn. Chúng tôi biết đâu trong lòng giếng có xác người chết. Đêm mịt mùng, cánh rừng nhiều đom đóm bay, những sợi mỏng chập chờn như ảo giác.

Tôi rời võng, khoác súng vào phiên gác. Khi bước giữa hàng cây tối đen, tôi vấp phải vật gì mềm nhũn, một mùi tanh lờm lờm xông lên. Có lẽ xác một con hoẵng trúng bom? Tôi mệt mỏi nghĩ thầm. Hết phiên gác, tôi ngủ vùi trong võng. Đom đóm rơi đầy giấc mơ của lính. Tôi đang ngủ, đang mơ, tôi nào hay bên những gốc cây bầy mối đục mòn đêm trên những xác người?

Sáng. Tổ anh nuôi mức nước nấu cơm và hoảng hốt nhận ra xác hai cô gái. Tiểu đội tôi sục vào các hốc đá, lùm cây, tìm thấy xác ba chàng trai nữa. Chúng tôi đắp

năm ngôi mộ không ngày sinh, ngày mất, không họ tên, không địa chỉ thôn làng. Nhìn những cuộn dây điện, những chiếc máy bộ đàm im lặng. Chúng tôi đoán họ là lính thông tin bị giặc chặn đường.

Chiến tranh lùi xa, con đường mòn Trường Sơn bao giờ tôi trở lại? Đâu cái giếng nước hòa máu người tôi uống trong cơn khát, gốc cây rào rào bầy mối đục mòn đêm. Đâu năm ngôi mộ vô danh đắp bằng nỗi đau, nước mắt. Nơi cánh rừng nhiều đom đóm bay.



LÊ THỊ MÂY

Lê Thị Mây tên thật là Phạm Thị Tuyết Bông. Sinh năm 1948 tại An Mô, Triệu Long, Triệu Phong, Quảng Trị. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam. Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật.

aslan

|| *Những mùa trăng mong chờ*

Thư anh tin ngày về
Cho vàng trăng hẹn mọc
Trong ngàn cao hoa thơm
Mây chớm màu tha thiết

Trăng non nghiêng qua rồi
Bom rung vàng trăng khuyết
Xô thuyền trong xa xôi
Giữa gập ghềnh núi biếc

Anh khoác ba lô về
Đất trời dòn chặt lại
Em tái nhợt niềm vui
Như trăng mọc ban ngày

Gặp nhau tròn mùa trăng
Em trẻ như bầu trời
Vòng tay anh đầm ấm
Giàu lời ru trên môi

Mai lại tiến xa nhau
Vàng trắng cong chến lúa
Đêm đêm chín ngàn sao
Rỏ vào tim giọt lửa

Mong chờ em mong chờ
Vàng trắng xinh... gương mặt
Sáng sáng đầy theo anh
Suốt chặng đường đánh giặc.

1973





TRẦN NHUẬN MINH

Trần Nhuận Minh sinh ngày 20/8/1944, quê ở làng Điền Trì, xã Quốc Tuấn, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam. Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật.

aslan

|| *Cho ta hỏi...*

Cho ta hỏi Cây, cố chi mà nảy lộc
Dù mưa xuân, nắng ấm chẳng bay về
Nỗi buồn cũ gào lên trong im lặng
Mảnh trăng chiều rơi cuối bến sông Mê...

Cho ta hỏi Con Tàu, cố chi mà dừng lại
Nơi đến là đâu? Giữa bát ngát Ga Đồi
Có thể chuyển sau, ta đã không có mặt
Và mọi người quên ta... thì thường vẫn thế thôi...

Cho ta hỏi Em, cố chi mà giận dỗi
Rồi đến lượt ta... ta cũng phải ra đi...
Chỉ có trái tim yêu, là còn băng khuâng đập
Thảng thốt, xót đau...

Dưới nắm cỏ xanh rì...



GIANG NAM

Giang Nam. Tên khai sinh: Nguyễn Dung. Sinh năm 1929. Quê quán: Khánh Hòa. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam. Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật

aslan

|| *Quê hương*

Thuở còn thơ ngày hai buổi đến trường
Yêu quê hương qua từng trang sách nhỏ:
“Ai bảo chăn trâu là khổ?”
Tôi mơ màng nghe chim hót trên cao
Những ngày trốn học
Đuổi bướm cầu ao
Mẹ bắt được...
Chưa đánh roi nào đã khóc!
Có cô bé nhà bên
Nhìn tôi cười khúc khích...
Cách mạng bùng lên
Rồi kháng chiến trường kỳ
Quê tôi đầy bóng giặc
Từ biệt mẹ tôi đi
Cô bé nhà bên - (có ai ngờ!)
Cũng vào du kích
Hôm gặp tôi vẫn cười khúc khích
Mắt đen tròn (thương thương quá đi thôi!)
Giữa cuộc hành quân không nói được một lời
Đơn vị đi qua, tôi ngoái đầu nhìn lại...
Mưa đầy trời nhưng lòng tôi ẩm mãi...

Hoà bình tôi trở về đây
Với mái trường xưa, bãi mía, luống cày
Lại gặp em
Thẹn thùng nép sau cánh cửa...
Vẫn khúc khích cười khi tôi hỏi nhỏ
Chuyện chồng con (khó nói lắm anh ơi!)
Tôi nắm bàn tay nhỏ nhắn ngậm ngùi
Em vẫn để yên trong tay tôi nóng bỏng...

Hôm nay nhận được tin em
Không tin được dù đó là sự thật
Giặc bắn em rồi quăng mất xác
Chỉ vì em là du kích, em ơi!
Đau xé lòng anh, chết nửa con người!

Xưa yêu quê hương vì có chim có bướm
Có những ngày trốn học bị đòn roi...
Nay yêu quê hương vì trong từng nắm đất
Có một phần xương thịt của em tôi

1960



PHAN THỊ THANH NHÂN

Phan Thị Thanh Nhân sinh năm 1943. Quê quán: Hà Nội. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam. Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật.

asian

|| *Hương thầm*

Cửa sổ hai nhà cuối phố
Không hiểu vì sao không khép bao giờ
Đôi bạn ngày xưa học chung một lớp
Cây bưởi sau nhà ngan ngát hương đưa

Giấu một chùm hoa trong chiếc khăn tay
Cô gái ngập ngừng sang nhà hàng xóm
Bên ấy có người ngày mai ra trận

Họ ngồi im không biết nói năng chi
Mất chợt tìm nhau rồi lại quay đi
Nào ai đã một lần dám nói?...
Hương Bưởi thơm cho lòng bồi rồi
Anh không dám xin - cô gái chẳng dám trao
Chỉ mùi hương đầm ấm thanh tao
Không giấu được, cứ bay dịu nhẹ

Cô gái như chùm hoa lặng lẽ
Nhờ hương thơm nói hộ tình yêu
"Anh vô tình, anh chẳng biết điều
tôi đã đến với anh rồi đấy"...

Họ chia tay, vẫn không nói điều gì
Mà hương thầm thơm mãi bước người đi...



MAI VĂN PHẤN

Mai Văn Phấn sinh 1955, tại Kim Sơn - Ninh Bình, hiện sống và sáng tác tại thành phố Hải Phòng. Đoạt một số giải thưởng Văn học Việt Nam và quốc tế, trong đó có Giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam 2010, Giải Văn học Cikada của Thụy Điển 2017.

|| *Thuốc đắng*

(Cho Ngọc Trâm)

Cơn sốt thiêu con trên giàn lửa
Cha cũng có thể thành tro nữa
Thuốc đắng không chờ được rồi
Giữ tay con

Cha đổ
Ngậm ngùi thả lòng chén vơi...

Con ơi! Tỉ tách sương rơi
Nhọc nhằn vất qua đêm lạnh
Và những cánh hoa mỏng mảnh
Đưa hương phải nhờ rế cay.

Mồ hôi keo thành chai tay
Mùa xuân tràn vào chén đắng
Tuổi cha nước mắt lặng lặng
Sự thật khóc òa vu vơ.

Con đang ăn gì trong mơ
Cha để chén lên cửa sổ
Khi lớn bằng cha bây giờ
Đáy chén chắc còn bão tố.



VIỄN PHƯƠNG

Viễn Phương (1928-2005).
Tên thật là Phan Thanh
Viễn. Quê quán: Tân Châu,
Châu Đốc, An Giang. Hội
viên Hội Nhà văn Việt
Nam. Giải thưởng Nhà
nước về Văn học nghệ
thuật.

asian

|| *Thơ anh và đời em*

Đêm mịt mù... em bán tình yêu
Sương... Cỏ ướt hay lệ em tràn ướt cỏ
Tiếng ân ái lả lơi chìm trong gió
Nhưng tình yêu... em có biết bao giờ!

Anh suốt đời mê mải việc làm thơ
Thơ anh viết, chữ ngọt ngào trong sáng
Anh những tưởng nhờn nhợt con bướm trắng
Giương cánh xinh là hương sắc đến cho đời

Nhưng bão gầm, vũ trụ cũng đầy vơi!
Cánh bướm mỏng bài thơ sao mỏng quá?!
Như chiếc lá qua bến bờ xa lạ
Muốn chở che nhưng gió đập sóng đời

Anh thương em bán hương sắc cho đời
Đời trả lại đắng cay và tủi nhục.
Thơ anh viết những dòng xanh bất lực
Gởi cho em và để khóc cho mình.



25

VŨ QUẦN PHƯƠNG

Vũ Quần Phương tên thật là Vũ Ngọc Chúc. Sinh 8/9/1940 tại Từ Liêm, Hà Nội. Quê quán: Hải Hậu, Nam Định. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam. Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật.

aslan

|| *Người về*

Tặng Thiền sư TNH

Gần rất gần mà xa rất xa
Phật là trời xanh nghiêng xuống mái nhà
Đồng đất quê hương mẹ cha dẫm bước
Trên con đường này Phật đã đi qua

Chuông thỉnh về đâu, mõ thỉnh về đâu
Tiếng sóng trong đêm lạnh dưới chân cầu
Chớp mắt kiếp người lặn vào dâu bể
Vằng vặc tình người muôn xưa, muôn sau

Suối chảy về sông, sông ra biển cả
Đi hết lòng người thì gặp lòng ta
Thế giới ba nghìn mịt mờ sương khói
Sáng quắc vàng trắng đợi trước hiên nhà

California 18/1/2005

26

**Y PHƯƠNG**

Y Phương tên thật là Hứa Vĩnh Sước. Sinh ngày 24 tháng 12 năm 1948. Quê quán: làng Hiếu Lễ, xã Lăng Hiếu, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam. Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật.

|| *Phòng Tuyển Khau Liêu*

Ngô rang
Nước suối
Khẩu súng
Đeo quanh người
Người đeo quanh núi

Vợ bên chồng
Cha bên con
Người yêu bên người yêu
Lấn vào đèo
Trong hoa
Dưới cỏ
Phòng tuyển thứ nhất
Nhọn hoắt lá
Sáng những mắt cườm
Bàn tay nhuộm chàm
Bàn tay hoa ra mặt vải
Bàn tay như củ gừng dẻo đá

Mẹ già em nhỏ
Đèo đầy nhớ thương
Cong cả đường cái quan

Phòng tuyển thứ hai
Mỗi mỏm đá một người cầm súng.

1979



THANH QUẾ

Thanh Quế tên thật là Phan Thanh Quế. Sinh năm 1945. Quê quán: Phú Yên. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam. Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật.

aslan

|| *Mình má ngôi nhà hoang*

Ba ra đi mãi mãi
Mình má ngôi nhà hoang
Quay vào gặp bàn thờ
Quay ra gặp nhang khói

Đêm gió lùa lay cửa
Tưởng như ai gọi mình
Nghe tiếng dép nhà bên
Tỉnh giấc nhìn ngơ ngác

Ngày nấu cơm cúng chồng
Cúng rồi ăn cơm cúng
Một mình ngồi một mâm
Và cơm mà nghẹn nghẹn

Con về chỉ vài bữa
Rồi biệt cách xa
Má một mình thăm thăm
Đêm ngày hình bóng ba

Ngôi nhà hoang đơn độc
Dáng má bước xiêu xiêu
Hoàng hôn trắng tóc bạc
Ruột con đau chín chiều...

15/2/1994



28

BẾ KIẾN QUỐC

Bế Kiến Quốc (1949-2002).
Quê quán: Hà Nội. Hội
viên Hội Nhà văn Việt
Nam. Giải thưởng Nhà
nước về Văn học nghệ
thuật

asian

|| *Tự như*

Bàn chân ơi ta đưa người đi
Mọi nẻo đường - dù có khi người vấp
Có khi dẫm vào gai, và biết đâu, có khi...
Ta phải đi, vì ta yêu mục đích.

Vành tai ơi, ta đưa người đi
Đến miệng đời - dù nghe lời đắng chát
Lời thô bỉ, và biết đâu, có khi...
Ta phải nghe, vì ta yêu tiếng hát.

Cặp mắt ơi, ta đưa người đi
Đến mọi nơi, thấy mọi điều đích thực
Dù thấy điều xót xa, và biết đâu, có khi...
Ta phải nhìn, vì ta yêu cái đẹp.

Trái tim ơi, ta đưa người đi
Khởi lồng ngực của ta
Hiển dăng người trái đất
Dù có buồn, dù có xót xa,
Dù có lúc nổi đau ngừng nhịp đập...

Ta phải yêu, vì ta tin hạnh phúc.



TRẦN QUANG QUÝ

Trần Quang Quý sinh ngày 2/1/1955 tại xã Xuân Lộc, huyện Tam Thanh, tỉnh Phú Thọ. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam. Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật.

asian

Đêm ở làng

Tôi lại về dưới mái nhà rêu mốc thả trong mơ
Qua những khu vườn hồi hộp quả
Tiếng chân trâu còn khắp khểnh giấc ngủ lão nông
Cánh đồng hồn hển bầu ngực trẻ nải thiếu phụ
Làng cắt nhọc nhàn vào bóng tối
Đêm cắt làng về thuở nghìn năm.

Những quạt nan vò võ sang canh
Gió cứ ở bờ sông thui thủi sóng
Thao thức trong tôi giọng gà muộn, một ánh lửa khuya
nhật cuối đường
Ước vọng còn xanh quả chuối non
Mẹ lại đốt đèn lần sang bờ thóc
Nghe thấp thỏm cánh đồng chưa hạt!

Bóng tối tự do đi rộng dưới trời
Tức tưởi những bờ tre rụng tóc
Thương đất, một trái cây chín vội
Rụng bâng hoàng vườn khuya!
Tôi ngủ lẫn tiếng ve lép dần mùa hạ
Mồ hôi làng trần trọc chảy sang tôi.

Nhưng mẹ vẫn ngồi kia nhóm lửa
Rậm rịch tinh mơ muôn thuở bước chân người...

Nguồn: *Giấc mơ hình chiếc thớt*, NXB Hội Nhà văn, 2003





XUÂN QUỲNH

Xuân Quỳnh tên thật là Nguyễn Thị Xuân Quỳnh. Sinh năm 1942. Quê quán: làng La Khê, xã Văn Khê, quận Hà Đông, Hà Nội. Mất năm 1988. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam. Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật. Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học nghệ thuật.

|| ***Gió Lào cát trắng***

Ngọn gió Lào cát trắng của đời tôi
Tôi của cát của gió Lào khắc nghiệt

Trong gió nóng những trưa hè ngọt ngào
Mẹ ru tôi hạt cát sạn hàm răng
Vừa lớn khôn tôi đã biết đào hầm
Dưới bom đạn gió Lào vẫn thổi
Và trên cát lại thêm cồn cát mới
Cỏ mặt trời lặn như bánh xe
Cuộc đời tôi có cát chở che
Khi đánh giặc cát lại làm công sự
Máu đồng đội và máu tôi đã đổ
Trên cát này mà gió quạt vừa se
Cây tôi trồng chưa đủ bóng che
Bom giặc cắt lá cành tôi tả
Củ khoai ở đây nhỏ hơn củ khoai cánh đồng màu mỡ

Trái măng cầu rám vỏ - gió đi qua
Động nắng thôi, cát chẳng động mưa
Bàn chân lún bàn chân thêm bóng rít

Giữa gió cát, giữa những ngày ác liệt
Tôi nghĩ về tha thiết một màu xanh
Một rừng cây trĩu quả trên cành
Tôi vun gốc và tay tôi sẽ hái
Nhà của tôi, tôi sẽ về dựng lại
Ánh ngói hồng những gương mặt mai sau

Em mới về em chưa thấy gì đâu
Chỉ có cát và gió Lào quạt lửa
Ngọn gió bỏng khi đi thành nỗi nhớ
Cát khô cằn ở mãi hóa yêu thương
Dấu đôi khi tôi chẳng bằng lòng
Với cái cát làm bàn chân rất bỏng
Với cái gió làm chín lừ da mặt
Mảnh đất cằn khoai sắn ít sinh sôi
Tôi sẵn lòng đem hiến cả đời tôi
Cho cát trắng và gió Lào quạt lửa.



TRẦN VÀNG SAO

Trần Vàng Sao tên thật là
Nguyễn Đình (1941-2018).
Quê quán: Thừa Thiên
Huế.

aslan

|| Bài thơ của một người yêu nước mình

buổi sáng tôi mặc áo đi giày ra đứng ngoài đường
gió thổi những bông nửa trắng bên sông
mùi tóc khô còn thơm lúa mùa qua
bầy chim sẻ đậu trước sân nhà
những đứa trẻ đứng nhìn ngấp nghé
tôi yêu đất nước này như thế
mỗi buổi mai
bầy chim sẻ ngoài sân
gió mát và trong
đường đi đầy cỏ may và muộng chuộng
tôi vẫn sống

vẫn ăn

vẫn thở

như mọi người

đôi khi chợt nhớ một tiếng cười lạ
một câu ca dao buồn có hoa bưởi hoa ngâu
một vết bùn khô trên mặt đá
không có ai chia tay
cũng nhớ một tiếng còi tàu

mẹ tôi thức khuya dậy sớm
năm nay ngoài năm mươi tuổi
chồng chết đã mười mấy năm
thuở tôi mới đọc được i tờ
mẹ thương tôi mẹ vẫn tảo tần
nước sông gạo chợ
ngày hai buổi
nhà không khi nào vắng người đòi nợ
sống qua ngày nên phải nghiêng rường
cũng không vui nên mẹ ít khi cười
những buổi trưa buổi tối
ngồi một mình hay khóc
vẫn thở dài mà không nói ra
thương con không cha
hầm hiu cô cút
tôi yêu đất nước này xót xa
mẹ tôi nuôi tôi
mười mấy năm không lấy chồng
thương tôi nên ở goá nuôi tôi
những đứa nhà giàu hằng ngày chửi bới
chúng cho mẹ con tôi áo quần tiền bạc,
như cho một đứa hủi
ngày kỵ cha họ hàng thân thích không ai tới
thắp ba cây hương
với mấy bông hải đường

mẹ tôi khóc thút thít
cầu cha tôi phù hộ tôi nên người
con nó còn nhỏ dại
trí chưa khôn chân chưa vững bước đi
tôi một mình nuôi nó có kể chi mưa nắng
tôi yêu đất nước này cay đắng
những năm dài thấp đuối đi đêm
quen thân rồi không ai còn nhớ tên
đi vãng đê trên lưng thấm nặng
áo mồ hôi những buổi chợ về
đời cúi thấp giành từng lon gạo mốc
từng cọng rau hột muối
vui sao khi con bữa đói bữa no
mẹ thương con nên cách trở sông đò
hàng gánh nặng phải qua cầu xuống dốc
đêm nào mẹ cũng khóc
đêm nào mẹ cũng khấn thầm
mong con khôn lớn cất mặt với đời
tôi yêu đất nước này khôn nguôi
tôi yêu mẹ tôi áo rách
chẳng khi nào nhớ tuổi mình bao nhiêu

tôi bước đi
mưa mỗi lúc mỗi to,
sao hôm nay lòng thấy chật

như buổi sáng mùa đông chưa thấy mặt trời mọc
con sông dài nằm nhớ những chặng rừng đi qua
nổi mệt mỏi, rừng rừng từng con nước
chim đậu trên cành chim không hót
khoảng vắng mùa thu ngủ trên cỏ may
tôi yêu đất nước này những buổi mai
không ai cười không tiếng hát trẻ con
đất đá cỏ cây ơi
lòng vẫn thương mẹ nhớ cha
ăn quán nằm cầu
hai hàng nước mắt chảy ra
mỗi đêm cầu trời khẩn phật, tai qua nạn khỏi
tôi yêu đất nước này áo rách
căn nhà dột phên không ngăn nổi gió
vẫn yêu nhau trong từng hơi thở
lòng vẫn thương cây nhớ cội hoài
thắp đèn đêm ngồi đợi mặt trời mai
tôi yêu đất nước này như thế
như yêu cây cỏ ở trong vườn
như yêu mẹ tôi chịu khó chịu thương
nuôi tôi thành người hôm nay
yêu một giọng hát hay
có bài mái đẩy thơm hoa dại
có sáu câu vịnh cổ chứa chan
có ba ông táo thờ trong bếp
và tuổi thơ buồn như giọt nước trong lá sen

tôi yêu đất nước này và tôi yêu em
thưở tóc kẹp tuổi ngoan học trò
áo trắng và chùm hoa phượng đỏ
trong bước chân chim sẻ
ngồi học bài và gọi nhỏ tên tôi
hay nói chuyện huyền thuyên
chuyện trên trời dưới đất rất lạ
chuyện bông hoa mọc một mình trên đá
cứ hay cười mà không biết có người buồn.
sáng hôm nay gió lạnh vẫn còn
khi xa nhà vẫn muốn ngoái lại
ngó cây cam cây vải
thương mẹ già như chuối ba hương
em chưa buồn
vì chưa rách áo
tôi yêu đất nước này rau cháo
bốn ngàn năm cuộc bầm cày sâu
áo đút nút qua cầu gió bay

tuổi thơ em hãy giữ cho ngoan

tôi yêu đất nước này lắm than
mẹ đốt củi trên rừng cha làm cá ngoài biển
ăn rau rìu rau éo rau trai
nuôi lớn người từ ngày mở đất

bốn ngàn năm nằm gai nệm mật
một tác lòng cũng trứng Âu Cơ
một tiếng nói cũng đầy hồn Thánh Gióng

tôi đi hết một ngày
gặp toàn người lạ
chưa ai biết chưa ai quen
không biết tuổi không biết tên
cùng sống chung trên đất
cùng nổi đau chia cắt Bắc Nam
cùng có chung tên gọi Việt Nam
mang vết thương chảy máu ngoài tim
cùng nhức nhối với người chết oan ức
đắm ngực giận hờn tức tối
cùng anh em cất cao tiếng nói
bản tuyên ngôn mười bốn triệu người đòi độc lập tự do
bữa ăn nào cũng phải được no
mùa lạnh phải có áo ấm
được nói cười hát ca yêu đương không ai cấm
được thờ cúng những người mình tôn kính
hai mươi năm cuộc đời chưa khi nào định

tôi trở về căn nhà nhỏ
đèn thấp ngọn lù mù
gió thổi trong lá cây xào xạc

vườn đêm thơm mát
bát canh rau dền có ớt chìa vôi
bên hàng xóm có tiếng trẻ con khóc
mẹ bỗng con lên non ngồi cầu ái tử
đất nước hôm nay đã thấm hồn người
ve sắp kêu mùa hạ
nên không còn mấy thu
đất nước này còn chua xót
nên trông ngày thống nhất
cho bên kia không gọi bên này là người miền Nam
cho bên này không gọi bên kia là người miền Bắc
lòng vui hôm nay không thấy chật
tôi yêu đất nước này chân thật
như yêu căn nhà nhỏ có mẹ của tôi
như yêu em nụ hôn ngọt trên môi
và yêu tôi đã biết làm người
cứ trông đất nước mình thống nhất.

19/12/1967



LÒ NGÂN SỦN

Lò Ngân Sủn (1945-2013).
Quê quán: Bản Vền, Bản
Qua, Bát Xát, Lào Cai. Hội
viên Hội Nhà văn Việt
Nam. Giải thưởng Nhà
nước về Văn học nghệ
thuật.

asian

|| *Người mù*

Người mù nhìn bằng tai, xem bằng chân,
ngắm bằng tay
Chủ nhiệm mù đang say sưa học ngoại ngữ
Giám đốc mù đang nghiên cứu kỹ thuật nuôi ong
Họa sĩ mù đang vẽ bức tranh sự sống
Ca sĩ mù đang hát vang bài ca yêu đời
Nhà thơ mù đang đọc vang bài thơ ánh sáng...

Tôi bàng hoàng trước những người mù
mà không mù
Tôi càng bàng hoàng trước những người không mù
mà lại mù.



NGUYỄN TRỌNG TẠO

Nguyễn Trọng Tạo sinh ngày 25/8/1947 tại Diễn Châu, Nghệ An. Mất ngày 7/1/2019. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam. Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật.

asian

|| *Đồng dao cho người lớn*

có cánh rừng chết vẫn xanh trong tôi
có con người sống mà như qua đời

có câu trả lời biến thành câu hỏi
có kẻ ngoại tình ngỡ là tiệc cưới

có cha có mẹ có trẻ mồ côi
có ông trăng tròn nào phải mâm xôi

có cả đất trời mà không nhà ở
có vui nhỏ nhỏ có buồn mênh mông

mà thuyền vẫn sông mà xanh vẫn cỏ
mà đời vẫn say mà hồn vẫn gió

có thương có nhớ có khóc có cười
có cái chớp mắt đã nghìn năm trôi.

1992

34



THANH THẢO

Thanh Thảo tên thật là Hồ Thành Công, sinh năm 1946, quê ở xã Đức Tân, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam. Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật.

aslan

|| *Bài ca ống cống*

Những tráng ca thuở trước
Còn hát trong sách thời
Những thanh gươm yên ngựa
Giờ đã cũ mềm rồi

Bài ca của chúng tôi
Là bài ca ống cống
Hành trang quân giải phóng
Đơn giản nhất trên đời

Cơm chín vừa dỡ ra
Đến món canh môn thực
Nước chè rừng hơi chất
Xúm vào uống, khen ngon

Từ một chiếc lon nhôm
Chúng tôi làm trăm việc
Cái khó mở cái khôn
Lính mình nhanh ra phết

Những anh chàng sốt rét
Tưởng đuổi ruồi không bay

Thế mà qua từng trạm
Cát cơn là đi ngay

Ngang lưng đeo ống cống
Nồi Thạch Sanh đời nay
Bao anh hùng vụt lớn
Ăn cơm ở nồi này

Tháng năm sẽ dần phai
Bao bài ca duyên dáng
Nhưng tôi biết từ đây
Như khắc vào đá tảng
Như vạch vào thân cây

Bài hát của hôm nay
Thơ sơ và hực sáng
Mang lễ đời đơn giản
Ngọt ngào và chua cay.



NGUYỄN ĐÌNH THI

Nguyễn Đình Thi sinh ngày 20 tháng 12 năm 1924 ở Luông Prabăng (Lào). Mất ngày 18 tháng 4 năm 2003. Nguyên quán của ông là ở làng Vũ Thạch, hiện nay là phố Bà Triệu, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam. Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học nghệ thuật.

|| Nhớ

Ngôi sao nhớ ai mà sao lấp lánh
Soi sáng đường chiến sĩ giữa đèo mây
Ngọn lửa nhớ ai mà hồng đêm lạnh
Sưởi ấm lòng chiến sĩ dưới ngàn cây

Anh yêu em như anh yêu đất nước
Vết vả đau thương tươi thắm vô ngần
Anh nhớ em mỗi bước đường anh bước
Mỗi tối anh nằm mỗi miếng anh ăn

Ngôi sao trong đêm không bao giờ tắt
Chúng ta yêu nhau chiến đấu suốt đời
Ngọn lửa trong rừng bập bùng đỏ rực
Chúng ta yêu nhau kiêu hãnh làm người

1945



NGUYỄN QUANG THIỀU

Nguyễn Quang Thiều sinh năm 1957 tại Thôn Hoàng Dương (Làng Chùa), xã Sơn Công, huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Tây. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam. Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật.

aslan

|| Những ví dụ

Kính dâng những người vợ liệt sĩ làng tôi

Thời gian cứ lặng lẽ chảy vào chiếc bình gốm cổ khổng lồ. Những người đàn bà góa bụa làng tôi như những con cào cào áo nâu khuất dần sau cỏ. Từ chân trời xa chạy về những ngọn gió loang lổ màu đỏ. Những ngón tay của gió như điên cuồng, như kiệt sức bối rối tung từng đám lá cỏ gai. Tôi đứng trên con đường cuối làng khóc run lên như đứa trẻ mất mẹ. Tôi làm sao lật hết từng lá cỏ trên đất đai rộng lớn nhường kia, để tìm lại những người đàn bà góa bụa...

Những người đàn bà góa bụa làng tôi gồng gánh trên vai, trên những con đường mòn như cột sống dị tật của ngàn đời vất vả. Họ mộng du qua những cơn gió hồng hoang nổi lên lúc mặt trời lặn vòng cuối cùng vào bóng tối. Họ mộng du trong những cơn mưa tiền sử lúc bình minh vừa vực dậy sau một cơn sốt đêm và tôi như kẻ mắc bệnh tâm thần đứng đếm họ. Tôi đếm từng ví dụ.

Những người đàn bà góa bụa làng tôi - những ví dụ - chân không giày không đẹp. Họ trách con đường dẫn đến những đêm trăng. Bầu vú họ mệt mỏi nằm ngoẹo đầu và trở lên ngẩng ngẩng, không còn nghe được tiếng gọi đàn ông nồng mùi thuốc lào và ruộng bùn ngai ngái, trong những đêm gió từng đôi quần nhau qua vườn hỏn hển. Chỉ tiếng chuột nhắt cắn thóc trong những chiếc áo quan gỗ gạo đóng sẵn làm họ thức giấc. và họ nằm lo âu trong tiếng một căn gỗ vọng ra từ cổ áo quan.

Thời gian cứ lặng lẽ... lặng lẽ chảy ào vào chiếc bình gốm cổ khổng lồ. Những người đàn bà góa bụa làng tôi như những con cào cào áo nâu cứ khuất dần... khuất dần sau cỏ. Tôi như kẻ mắc bệnh tâm thần đứng khóc. Tôi khóc vì những ví dụ đã vĩnh viễn ra đi.

Và đến khi tôi không còn gì để đếm. Những người đàn bà góa bụa làng tôi từ sau cỏ trở về. Họ đi trên ánh trăng gồ ghề dọc con đường phơi đầy rơm rạ tháng Mười. Mái tóc đầm hương lá bưởi của họ chảy lênh láng trong trăng. Bầu vú họ vươn về phía ngọn lửa giới tính vừa nhóm lên đầu đó. Sau bước chân họ, sau tiếng kẹt cửa trong khuya là bài hát. Bài hát vút lên xuyên

qua đỉnh đầu những người mắc bệnh tâm thần
mất ngủ nhìn trăng. Những người mắc bệnh tâm
thần mất ngủ nhìn trăng mở cửa và bước ra khỏi
nhà. Họ cùng bài hát kia đi mãi, đi mãi, và đi mãi,
về nơi không có những Ví Dụ bao giờ.

Làng Chùa, 1992.





HỮU THỈNH

Hữu Thịnh tên thật là Nguyễn Hữu Thịnh. Sinh năm 1942. Nơi sinh Duy Phiên - Tam Dương (nay là huyện Tam Đảo), Vĩnh Phúc. Hiện ông là Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam, Chủ tịch Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam. Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học nghệ thuật.

|| *Phan Thiết Có Anh Tôi*

Anh không giữ cho mình dù chỉ là ngọn cỏ
Đồi thì rộng, anh không vương đất nhỏ
Đất và trời Phan Thiết có anh tôi
Chính nơi đây anh thấy biển lần đầu.

Qua cửa hầm
Sau những ngày vượt dốc
Biển thì rộng, căn hầm quá chật
Khé trở mình, cát đỏ trắng hai vai.

Trong căn hầm mùi thuốc súng, mồ hôi
Tìm anh đập không sao ghìm lại được
Gió nồng nàn hơi nước
Biển như một con tàu sắp sửa kéo còi đi.

Những ngôi sao tìm cách sáng về khuya
Những người lính mở đường đi lấy nước
Họ lách qua những cánh đồi tháng Chạp
Trong đoàn người dò dẫm có anh tôi.

Biển ùa ra xoắn lấy mọi người
Vì yêu biển mà họ thành sơ hở
Anh tôi mất sau loạt bom tọa độ
Mặt anh còn cách nước một vài gang!

Anh ở đây mà em mãi đi tìm
Em hy vọng để lấy đà vượt dốc
Tân Cảnh
Sa Thầy
Đắc Pét
Đắc Tô.

Em đã qua những cơn sốt anh qua
Em đã gặp trận mưa rừng anh gặp
Vẫn không ngờ có một trưa Phan Thiết
Em một mình đứng khóc ở sau xe.

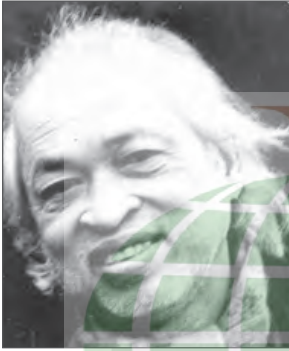
Cánh rừng còn kia, trận mạc còn kia
Vài bước nữa là tới đường số Một
Vài bước nữa
Thế mà
Không thể khác.

Biển màu gì thăm thẳm lúc anh đi
Anh không hay cánh đôi ấy tên gì
Nhưng em biết ngày ngày anh vẫn đứng
Anh chưa biết đã tan cơn bão động
Chưa biết tin nhà, không nhận ra em
Không nằm trong nghĩa trang

Anh ở với đôi anh xanh vào cỏ
Cỏ ở đây thành nhang khói của nhà mình
Đôi ở đây cũng là con của mẹ
Lo liệu trong nhà dồn xuống vai em.

Tiếng còi xe Phan Thiết bước vào đêm
Đèn thành phố soi người đi câu cá
Anh không ngủ, người đi câu không ngủ
Biển đêm đêm trò chuyện với hai người.
Cứ thế từng ngày Phan Thiết có anh tôi.

38

***HOÀNG TRUNG THÔNG***

Hoàng Trung Thông (1925-1993). Quê quán: Nghệ An. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam. Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật.

aslan

|| *Trong nghĩa trang liệt sĩ*

Tôi đứng đây với gió quê hương
Với ngọn cỏ xanh xanh mồ liệt sĩ
Biết nói gì đồng chí?
Buổi chiều hè chói chang
Lúa mấy lần xanh
Hoa mấy độ vàng
Tôi đứng giữa biển thời gian thăm thẳm
Gió đưa hương trên hàng bia im lặng
Tiếng thì thầm những lá cây rơi
Các đồng chí ơi
Mỗi giọt lá như từng giọt máu
Nhắc tới mãi con đường chiến đấu
Đã giải bằng muôn vạn hy sinh
Đất nước ta từ biển cả đến rừng xanh
Đâu cũng trắng những nghĩa trang liệt sĩ.

Tôi cúi đọc từng tên trên mộ chí
Cúi đọc từng chiến công
Nghe dòng kênh róc rách nước lên đồng
Nghe tiếng trẻ đánh vần theo nhịp gõ

Nghe bước chân đàn trâu ai gặm cỏ
Nghe tiếng máy cày, nghe tiếng tình ca
Nơi chiến trường bom đạn thét, ngày qua
Giờ tiếng cuộc đời vui biết mấy
Tôi muốn thúc các đồng chí dậy
Cùng tôi nhìn đất nước hôm nay

Nghĩa trang. Gió thổi lá cây
Giữa hàng bia im lặng
Những bông hoa vàng thắm
Buổi chiều hè chói chang.

39

**TRÚC THÔNG**

Trúc Thông tên thật là Đào Mạnh Thông. Sinh năm 1940. Sống ở Hà Nội. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam. Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật.

asian

|| *Bờ sông vẫn gió*

Chị em con kính dâng hương hồn mẹ

lá ngô lay ở bờ sông
bờ sông vẫn gió
người không thấy về
xin người hãy trở về quê
một lần cuối... một lần về cuối thời
về thương lại bến sông trôi
về buồn lại đã một thời tóc xanh
lệ xin giọt cuối để dành
trên phần mộ mẹ vương hình bóng cha
cây cau cũ giải¹ hiên nhà
còn nghe gió thổi sóng xa một lần

con xin ngăn lại đường gần
một lần... rồi mẹ hãy dần dần đi...

1. Giải: cái giải, một thứ như bình phong đan bằng tre dựng trước hiên nhà ở những vùng quê Bắc bộ.

40



CHIM TRẮNG

Chim Trắng (1938-2011).
Tên thật là Hồ Văn Ba. Quê
quán: Bến Tre. Hội viên Hội
Nhà văn Việt Nam. Giải
thưởng Nhà nước về Văn
học nghệ thuật.

aslan

|| *Chiều lạnh*

Tháng Chạp, chồng chân lên dấu cũ
Cỏ non lấp kín lối xưa rồi
Xương mục rã dưới chân đôi - gió hú.
Máu đầu còn đỏ thắm dưới chân tôi!

Thế là hết một thời quá khứ
Cỏ non xanh xanh đến lạnh người
Máu xương - xương máu không màu ấy
Chiều lạnh - đường xa - chiều lạnh ời.

41

**VƯƠNG TRỌNG**

Vương Trọng tên thật là Vương Đình Trọng. Sinh năm 1943 tại Đô Lương, Nghệ An. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam. Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật.

aslan

|| *Khóc giữa chiêm bao*

Tưởng nhớ Mẹ

Đã có lần con khóc giữa chiêm bao
Khi hình mẹ hiện về năm khốn khó
Đồng sau lụt, bờ đê sụt lở
Mẹ gánh gồng xộc xệch hoàng hôn.

Anh em con chịu đói suốt ngày tròn
Trong chạng vạng ngồi co ro bậc cửa
Có gì nấu đậu mà nhóm lửa
Ngô hay khoai còn ở phía mẹ về...

Chiêm bao tan nước mắt đầm đề
Con gọi mẹ một mình trong đêm vắng
Dù biết lời con chẳng thể nào vang vọng
Tới vương đất mẹ nằm lưng núi quê hương.

Con lang thang vất vưởng giữa đời thường
Đâu cũng sống, không đâu thành quê được
Còn quê mẹ cuối chân trời tím tắp
Con ít về từ ngày mẹ ra đi.

Đêm tha hương con tìm lại những gì
Với đời thực chẳng bao giờ gặp nữa
Mong hình mẹ lại hiện về giấc ngủ
Dù thêm lần con khóc giữa chiêm bao!

1988



CHẾ LAN VIÊN

Chế Lan Viên tên thật là Phan Ngọc Hoan. Sinh ngày 20 tháng 10 năm 1920 tại Nghệ An. Quê quán: xã Cam An, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị. Ông mất ngày 19 tháng 6 năm 1989 tại thành phố Hồ Chí Minh. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam. Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học nghệ thuật.

|| *Từ thể thi ca*

I.

Anh không ở lại yêu hoa mãi được
Thieu xong, anh về các trời khác cũng đầy hoa
Chỉ tiếc không có tình yêu ở đó!

II.

Anh thành một nhúm xương gio trong bình
Em đừng khóc
Ngoài vườn hoa cỏ mọc

III.

Cho dù trái đất không còn anh
Anh vẫn còn nguyên trái đất
Tặng cho mình

IV.

Những kẻ nguyên rửa anh sẽ buồn
Chả còn anh cho họ giết
Dao sẵn rồi, họ không dễ để yên

V.

Những bạn bè yêu anh sẽ gặp anh
trong cỏ
trong hạt sương
trong đá
trong những gì
không phải anh

Anh tồn tại mãi
Không bằng tuổi tên
Mà như tro bụi
Như ngọn cỏ tàn đến tiết lại trỗi lên.

aslan



BẰNG VIỆT

Bằng Việt tên thật Nguyễn Việt Bằng, sinh 15 tháng 6 năm 1941. Quê quán: xã Chàng Sơn, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam. Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật.

|| Những gương mặt những khoảng trời

Chiến trường quen, mới đó lại xa rồi,
Gió thổi theo tôi dọc những vùng trời
Những chiến sĩ trẻ măng hẹn ngày gặp lại
Những gương mặt bình thường như lẽ phải
Mỗi gương mặt sinh ra để đón một vòm trời!

Dấu ở nơi đâu cũng mắc nợ cuộc đời,
Những binh trạm tiền tiêu thổi cơm trong lòng đất
Những em bé Văn Kiêu, đôi mắt tươi như hát
Quen nhìn xuyên trăm đám lửa mù đen
Bống mở xanh lạ lòng trước một khoảng trời yên!

Nhớ bà mẹ Trường Sơn, thăm thăm trước rừng đêm
Nấu bát canh dong tây, nhường con ăn khỏi đói,
Nhớ em gái Thừa Thiên, hy sinh rồi chẳng nói
Mãi mãi để dành ta một khoảng thăm bầu trời
Ta vuốt mắt cho em, đôi mắt vẫn trong ngời!

Im lặng trước cơn đau và khóc trước niềm vui
Ôi tôi nhớ đêm công đồn Quảng Trị
Một vạn quả pháo ta bay lên trời kỳ dị
Rực thác lửa vàng xanh, tuôn xuống mặt quân thù,
Phút đứng dậy xung phong, mắt rớm lệ không ngờ.

Sống cảm động suốt đời, đất nước chiến trường ơi!
Mỗi gương mặt tôi quen, một lần nhìn, thương mãi...
Bao em bé ngây thơ, bao mẹ già từng trải,
Những chiến sĩ băng qua khắp đất nước hăm hào,
Mỗi gương mặt bình thường, sau nghìn lần sống chết
Rọi ánh sáng vào tôi, cùng những khoảng trời cao!

1970

aslan



44

LÊ ANH XUÂN - CA LÊ HIỂN

Lê Anh Xuân tên khai sinh là Ca Lê Hiến, sinh ngày 5/6/1940 tại Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Là liệt sĩ, hy sinh trên chiến trường miền Nam năm 1968. Được truy tặng là Anh hùng lực lượng vũ trang. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam. Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật.

|| *Trở về quê nội*

Ôi quê hương xanh biếc bóng dừa
Có ngờ đâu hôm nay ta trở lại
Quê hương ta tất cả vẫn còn đây
Dù người thân đã ngã xuống đất này
Ta lại gặp những mặt người ta yêu biết mấy
Ta nhìn ta, ta ngắm, ta say
Ta run run nắm những bàn tay
Thương nhớ dồn trong tay ta nóng bỏng.

Đây rồi đoạn đường xưa
Nơi ta vẫn thường đi trong mộng
Kéo kẹt nhà ai tiếng vông trưa
Àu ơ... thương nhớ lắm
Ơi những bông trang trắng, những bông trang hồng.
Như tấm lòng em trong trắng thủy chung
Như trái tim em đẹp màu đỏ thắm
Con sông nhỏ tuổi thơ ta đã tắm
Vẫn còn đây nước chẳng đổi dòng
Hoa lục bình tím cả bờ sông.

Mẹ lưng còng tóc bạc
Ngậm ngùi kể chuyện ta nghe
Tám em bé chết vì bom xăng đặc
Trên đường đi học trở về.
Giặc giết mười người trong một ấp
Bà con khiêng xác chất đầy ghe

Chở lên Bến Tre đấu tranh với giặc
Làng ta mấy lần bom giội nát
Dừa ngã ngổn ngang, xơ xác bờ tre,
Mẹ dựng tạm mái lều che mưa che gió.
Ta có ngờ đâu mái lều của mẹ
Dưới lớp đất kia ngọn lửa vẫn còn
Mẹ ta tần tảo sớm hôm
Nuôi các anh ta dưới hầm bí mật
Cả đời mẹ hy sinh gan góc
Hai mươi năm giữ đất, giữ làng
Ôi mẹ là bà mẹ miền Nam.
Ta có ngờ đâu em ta đây
Dưới mái lều kia em đã lớn lên
Em đẹp lắm như mùa xuân bùng dậy
Súng trên vai cũng đẹp như em
Em ơi! Sao tóc em thơm vậy
Hay em vừa đi qua vườn sầu riêng

Ta yêu giọng em cười trong trẻo
Ngọt ngào như nước dừa xiêm

Yêu dáng em đi qua cầu tre lắt léo
Dịu dàng như những nàng tiên
Em là du kích, em là giao liên
Em là chính quê hương ta đó
Mười một năm rồi ta nhớ, ta thương

Đêm đầu tiên ta ngủ giữa quê hương
Sao thấy lòng ấm lạ
Dù ngoài trời tầm tã mưa tuôn
Tiếng đại bác gầm rung vách lá
Ôi quê hương ta đẹp quá!
Dù trên đường còn những hố bom
Dù áo em vẫn còn mảnh vá
Chỉ có trái tim chung thủy, sắt son
Và khẩu súng trong tay cháy bỏng căm hờn.

9/1965



LƯU QUANG VŨ

Lưu Quang Vũ (1948-1988).
Quê gốc Quảng Nam. Hội
viên Hội Nhà văn Việt
Nam. Giải thưởng Hồ Chí
Minh về Văn học nghệ
thuật.

|| Vườn trong phố

Trong thành phố có một vườn cây mát
Trong triệu người có em của ta
Buổi trưa nắng bầy ong đi kiếm mật
Vào vườn rồi ong chẳng nhớ lối ra.

Vườn em là nơi động gió trời xa
Hoa tím chim kêu bằng thưa lá nắng
Con nhện đi về giăng tơ trắng
Trái tròn căng mạp nhựa sinh sôi.

Nơi ban mai cỏ ướt sương rơi
Một hạt nhỏ mơ hồ trên má
Hơi lạnh nào ngón tay cầm se giá?
Suốt cuộc đời cũng chẳng hiểu vì sao...

Nơi đêm khuya vọng lại tiếng còi tàu
Bỗng nhớ xa xôi những miền đất nước
Nơi bài hát lên đường ta hẹn ước
Nơi góc vườn ta để quên chùm hoa...

Nơi vòm lá rì rào xao động cơn mưa
Quả ngọt chín khi mùa ve lại đến
Những chân trời màu hồng những chân trời màu tím
Những ngôi sao bàng bạc cả hoàng hôn.

Nơi lá chuối che nghiêng như một cánh bướm
Cánh bướm xanh đi về trong hạnh phúc
Se sẽ chứ, không cánh bướm bay mất
Qua dịu dàng ẩm ướt cửa làn môi.

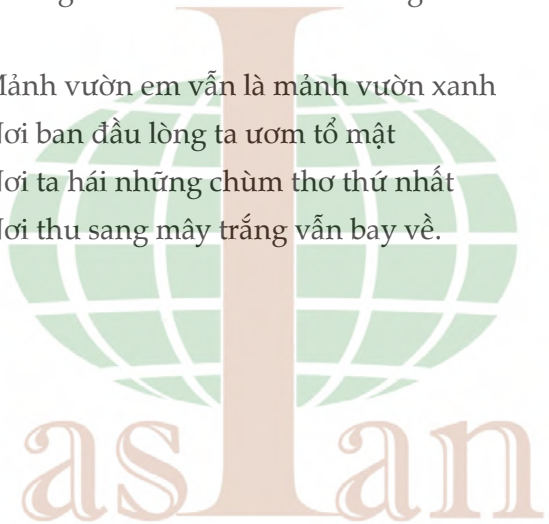
Dưa hấu bổ ra thơm suốt ngày dài
Em cũng mát lành như trái cây mùa hạ
Nước da nâu và nụ cười bờ ngõ
Em như cầu vồng bảy sắc hiện sau mưa.

Đến bây giờ đánh giấc anh đi xa
Nhìn lại mảnh vườn xưa thấy hẹp
Biết bao điều anh còn chưa nói được
Rối rít trong lòng một nỗi em em.

Rừng rậm đèo cao anh đã vượt lên
Theo tiếng gọi con tàu ngày bé dại
Vườn không nín được bước chân trở lại
Nhưng lá còn che mát suốt đường anh.

Mảnh vườn em vẫn là mảnh vườn xanh
Nơi ban đầu lòng ta ước tổ mật
Nơi ta hái những chùm thơ thú nhất
Nơi thu sang mây trắng vẫn bay về.

1967



aslan







英玉

ANH NGỌC

詩人英玉本名為阮德玉。
1943 年出生於義安省義祿
縣。越南作家協會會員。
曾獲國家文藝獎。

肩上江山（長篇詩歌）

Sông núi trên vai (trường ca)

● ● ●

敬贈中部南端 H50 運載團的女戰士們

*

如橋樑跨過寬闊的河流
她們跨過戰爭兇猛的瀑布
留給將來自己的形影
輪廓印在歲月的滄桑
歷史在白色的紙張上
記錄著她們風起雲湧的身軀

*

她們上路
南端一個下午，龍腦香林葉颯颯落下
像玻璃般在人的腳下破碎
午後的風開起森林之門
第一張臉已經出現
在蓮葉的帽沿下
遇見風和陽光的天空
大眼窩深凹似乾涸的雙井
累積千夜深熬的長路
戰鬥圍巾的摺痕皺在肩上
背簍的痕跡又深又紅
瘦小的雙肩
卻撐滿千斤

.....
她們又上路
如那樣一個下午
與我同一個世代的人
在破碎的陽光下
天涯燃燒著烈火的黃色
流浪尋偶的鳥兒們
夜裡花瓣緊閉的花朵
天空晴朗又寧靜
銀色的雲朵濃厚如枕頭
她們加快腳步走
額頭碰觸黑暗
背對著烈日
滿載的背簍如山嶺般壓在肩膀上
滿載的背簍從未離開她們一秒
宛如從出生
她們的命運已與背簍相連
少女身高 1 米 55
DK 砲彈已超過頭半米高
生命與死亡在肩上交會
如女媧煉石補天
與我同一個世代的人
把江山背在瘦小的肩膀上
她們的貢獻遠大於她們的身影

雙肩之歌

Bài ca về những đôi vai

● ● ●

載貨回來後
雙肩滿焰火
背簍剛卸貨
雙肩缺又滿

風雨已磨平
皮肉變鐵石
圍巾太年輕
肩膀不服老

戰爭已過去
雙肩仍溫熱
回憶少女時
裸肩上撥髮

二十年行軍
一輩子艱辛
如古人補天
皮膚滿傷疤

妳溫柔擁抱
背簍仍帶刺
心疼那雙肩
背愛情過橋

回到妳身邊
經萬重戰火
常情與奧秘
相依肩併肩

.....

中部南端，1975 年 3~4 月
河內，1977 年 3~5 月
修改：1993



玉拜

NGỌC BÁI

詩人玉拜，1943 年生於安
沛省鎮安縣。越南作家協
會會員。曾獲國家文藝獎。

aslan

戰士的墳墓

Mộ người chiến sĩ

● ● ●

三十年您躺在古老的森林中
三十年樹葉颯颯落在墳墓上
沒有石碑，沒有姓名
只有憐憫您的村民點香拜

敵人在柏樹下殺死您
您和柏樹一起中槍
您鮮紅的血滲入紅土
捍衛青翠的家園一輩子

人無名，花草也無名
一撮土散落在石頭上
散落的葉子像熬夜的黑眼圈
如思念的眼睛，眨不停

與您同時代的戰士已經老了
那經歷無數場戰役的頭髮也已斑白

如大樹林立般的那些軍隊
您就像那些新生的樹林一樣翠青

在您的墳墓上點一支香
風仍沿著古老森林徐徐地吹
風仍沿著人生親切地吹
在這片熱愛的土地上

aslan 1982 年 4 月



秋湓

THU BỒN

詩人秋湓本名為何德忠。1935年12月1日生於廣南省奠盤縣奠勝社，2003年6月17日辭世。越南作家協會會員。曾獲胡志明文藝獎。

asian

經過母親家鄉

Qua quê mẹ

● ● ●

這條河左岸擔心右岸
我站在此處時間直曬臉龐
經過母親的家鄉卻無法回去探望母親
河一直彎曲地流，突然變韓河¹

白色翅膀的海鷗飛了百圈
雙翅堅韌如我的人生
夜幕降臨，炊煙裊裊
那星星都在浩瀚宇宙駐守

這個狹窄的一塊地妳來過嗎
狹窄得像戰時的一條小徑
我還以為永遠不會摘下
妳嘴唇似的香甜早熟果實

經過平原聽那熟悉歌聲
熟悉得永遠不會陌生
熟悉那每一場雨都淋濕
陽光已把妳的頭髮曬乾了嗎？

1. 譯者註：韓河 (sông Hàn) 一條位於越南峴港市的河。

我家鄉海比水還要多
湧入高空，滲入深土
海已經吹出飢餓的渴望
天真純潔的源頭——妳的眼睛在哪？

水已經退潮
這條河一輩子也追不上
那些瀑布仰天吶喊
千年雲朵仍然橫掛於天空

鳥啾啾叫，風也在迎接
我胸懷空如沒有門的房子
心燃燒如赤焰的炭火
往上飛，燒盡整個天空

在你的院子裡月亮依然明亮
妳的臉龐都是月圓
妳別責怪我是風
永遠伴隨你而吹……

1985-1990

04

輝近

HUY CẬN



詩人輝近，1919年5月31日生於河靜省香山縣恩福村，2005年2月19日辭世。越南作家協會會員。曾獲胡志明文藝獎。

aslan

滔滔江水

Tràng giang

● ● ●

滔滔江水攪亂人心
船隻撥開浪水前進
船已靠岸，心頭仍戚戚
像一支小火柴，孤伶在水面

蕭瑟的風吹過小沙洲
遠方傳來村莊黃昏市場的關門聲
望著落日餘暉與高聳的天空
江水綿延，浩瀚大地，孤單的堤岸

片片的浮萍漂去哪
江水如此遼闊，連一艘渡河的船也沒有
連接我們感情的橋也沒有
只有寧靜的綠草堤與黃土岸

層層高雲堆成銀山
孤鳥斜飛的身影伴隨黃昏降臨
滔滔江水是家鄉的心跳
沒有炊煙的黃昏也思鄉

05

農國振

NÔNG QUỐC CHẤN



詩人農國振 (1923-2002) ,
本名為農文瓊。籍貫為北
乾省銀山縣谷旦社。越南
作家協會會員。曾獲胡志
明文藝獎。

asian

思念

Nhớ

● ● ●

……燈思念誰
而燈不息……
(歌謠)

溪思念誰
溪水潺潺
日日夜夜
毫無抱怨

鳥思念誰
飛來飛去
日出日落
無懼遙遠

斗笠想誰
日曬雨淋
走在長路
不忘付託

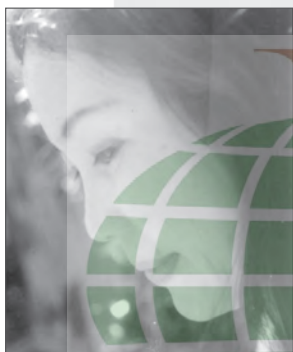
圍巾想誰
思緒雜亂
色線不退
鋪蓋頭髮



犁思念誰
早晚耕耘
水牛肩膀
期待豐收

扇思念誰
宛如蝶翅
輕輕吹動
心更涼快

燈思念誰
整夜不睡
睜眼守天
熊熊火焰
誰想就想
誰去就去
戰場槍聲
勝利，返鄉！



林氏美夜

LÂM THỊ MỸ DẠ

詩人林氏美夜，1949 年 9 月 18 日生於廣平省麗水縣。父親是華裔，母親是順化人。越南作家協會會員。曾獲國家文藝獎。

asian

天空，彈坑

Khoảng trời, hố bom

● ● ●

故事說：妳，開路的少女
那個夜晚，為了避免道路受損
以便車團趕上出戰場的時刻
妳以對祖國的愛點亮一把火
以身軀抵抗整顆炸彈的轟炸……

我單位行軍經過小路徑
遇到彈坑提起少女的故事
一個墳墓，燦爛的陽光灑在石頭上
對您的敬仰如太陽……

我凝視著那殺人的彈坑
雨水已累積成一片小小的天空
我們祖國如此慈祥
有雨水撫慰傷痛的痕跡

妳躺在深土裡
在星空平靜下安息著
星星是你的靈魂

夜夜閃爍著
是不是妳那白皙、純潔的皮肉
已變成那些白色雲朵？
晴日時，那天空灑滿陽光
經過妳的天空
烈日發威
是太陽還是妳的心
照亮我
讓我繼續走這段漫長之路？

妳的名字留下當路名
妳的死已成為藍天白雲
我看見自己在妳的生活裡

妳的臉孔，我朋友都不熟悉
所以每個人都有想像中的妳！

長山，1972 年 10 月



春妙

XUÂN DIỆU

詩人春妙，本名為吳春妙，1916年2月2日出生於平定省雖福縣，1985年12月18日辭世。籍貫為河靜省干祿縣爪牙村。越南作家協會會員。曾獲胡志明文藝獎。

aslan

月琴

Nguyệt cầm

● ● ●

月落此處月宮冷，
月疼愛，月思念，月純白。
琴憂愁，琴寧靜，琴緩慢！
琴聲如殘銀掉淚。

雲散，天淨，夜如玻璃；
玲瓏的光影忽然搖動身體
歌聲中傾訴著
娘子在月圓夜跳河自盡。

冷秋的月更明亮，
琴如冰水，冷，天啊……
月琴聲聲訴哀愁：
明月照流水，樂曲感動人……

四段樂曲：像水晶海。
我靈魂像一座荒蕪的孤島
天降冷霜，深夜憋氣
聽著音樂憂愁到魁星。



范進聿

PHẠM TIẾN DUẬT

詩人范進聿生於 1941 年 1 月 14 日，2007 年 12 月 4 日辭世。籍貫為富壽省富壽省會。越南作家協會會員。曾獲胡志明文藝獎。

aslan

在長山的兩端

Trường Sơn Đông Trường Sơn Tây

● ● ●

同樣在長山森林掛上吊床
兩人在遙遠的兩端
上戰場的路，這季節正美
東長山想念西長山。

一個山脈，兩種雲色
這邊下雨那邊日曬，氣候迥異
像我和妳，像南和北
像森林的東邊和西邊。

我走在西長山，心疼妳
那邊多雨，是扛米的小徑
森林蚊子多，記得穿長袖
青菜沒了，妳要竹筍嗎？

我心疼你在寒冬的西邊
溪水乾枯蝴蝶飛在岩石上
你知道我迷上這個陌生地
卻也擔心我如何擋住敵人的炸彈

我上車，大雨滂沱
雨刷抹去思念
妳下山，陽光燦爛
樹枝撥開心思。

東邊到西邊不是送信路
而是運送彈藥和糧食
東長山，喊著「預備」口號的綠衣少女
西長山，穿著綠色軍服的部隊。

從妳那到我這
我方軍團，接應上戰場
如愛情言語訴不盡
東長山，連接西長山。



09
光勇

QUANG DŨNG

詩人光勇本名為裴廷琰，
1921 年生於丹鳳縣（今屬
河內）鳳池村，1988 年辭
世。越南作家協會會員。
曾獲國家文藝獎。

asian

西進

Tây Tiến

● ● ●

馬河² 遠了，西進！
 思念山林，魂牽夢縈
 濃霧籠罩，軍團在塞考³ 駐營
 在磨刺⁴ 的霧夜裡飄來花香

蜿蜒上坡，陡峭下坡
 在雲海裡，槍枝一柱擎天
 攀岩千尺，下嶺千尺
 誰家在法輪⁵ 遠方的雨中

淌血的戰友無法再行走
 倒臥槍枝軍帽上，撒手人寰！
 磅礴瀑布日日怒吼
 崙溪⁶ 的猛虎夜夜嚇人

-
2. 譯者註：河流名，位於越南和寮國邊界。
 3. 譯者註：村莊名，位於越南清化省氓叻縣氓里社。
 4. 譯者註：地名，位於越南清化省氓叻縣。
 5. 譯者註：山名，位於氓叻縣氓里社。
 6. 譯者註：越南和平省梅州縣氓撒社。

西進，熱騰騰的飯啊！想念！
梅州縣⁷ 糯米飯香的季節

火炬烈焰點亮晚會營火
何時穿上禮服的妳
竹笛聲繚繞羞澀的妳
樂聲充滿築夢詩般的永珍⁸

重重暮靄前往木州⁹的人
是否看見岸邊的蘆葦魂
是否懷念獨木舟上的身影
沿著水流搖曳的花朵

西進軍團各個掉髮
青如綠葉威風似虎

我們帶著夢想越過邊界
夜晚抱著河內¹⁰ 入香夢

7. 譯者註：越南和平省梅州縣。

8. 譯者註：寮國首都。

9. 譯者註：越南山羅省木州縣。

10. 譯者註：越南首都。

遠處邊疆四處墳墓
不惜青春踏上戰場
草蓆代替壽衣，歸於塵土
馬河嘶吼像獨行曲

西進兵不敢承諾會再見
踏上險惡之路等同分離
那年的春天，誰往西進
靈魂留在桑怒¹¹ 遠離故鄉

Phù Lưu Chanh¹², 1948 年

aslan

11. 譯者註：寮國桑怒市。

12. 譯者註：村莊名，位於越南河南省金榜縣。



10

磐才團

BÀN TÀI ĐOÀN

詩人磐才團 (1913-2007)，
本名為磐才宣。籍貫為宣
光省山陽縣中安社。越南
作家協會會員。曾獲國家
文藝獎。

aslan

胡伯伯的鹽

Muối của cụ Hồ

● ● ●

苗族人從前世世代代
在同文高地窮苦飢餓
抬頭看見高聳的山頂
低頭看見石頭彼此堆疊
將種子灑在石頭裂縫的地上
它發芽卻不肯開花
小孩哭討沾鹽巴的飯
媽媽從哪找出鹽巴呢？
媽媽安撫：你不要再哭了
爸爸將木材扛去市場換鹽了
你別哭，聽媽媽的話
爸爸若換鹽回來筷子頭也變好吃
老舊的門慢慢打開
高高興興地看見爸爸回來
可是為什麼爸爸安靜不說話
孩子問起鹽呢？爸爸搖頭
不夠錢，富人不賣
期望變失望打擊孩子
孩子淚水流滿小臉龐
爸爸只盯著孩子不知道該怎麼辦？

到了沒有敵機穿梭的日子
法軍從河江省撤退
一個溫暖的早晨
太陽照耀整個村落
有一個陌生人來高地
身上穿著土色的衣服
說什麼，媽媽聽不懂
他拜訪窮苦的家庭
媽媽問：你從哪裡來？
進來取暖喝杯茶
陌生人笑笑的回話
我是胡伯伯的幹部

自從胡伯伯的幹部來之後
市場那裡賣許多貨物
有的賣鹽隨便挑
有的賣紅布和綠布
胡伯伯帶衣服來，人民穿
胡伯伯帶鹽巴來，人民吃
今日您說我們一起去挖土
開出一條來同文的道路
讓車子帶來更多鹽
我們苗族人就不怕窮苦。



阮科恬

NGUYỄN KHOA ĐIỀM

詩人阮科恬 1943 年 4 月 15 日出生。籍貫為順化市水安社安舊村。越南作家協會會員。曾獲國家文藝獎。

aslan

那些歌曲、小徑和人們

Những bài hát, con đường và con người

● ● ●

那些沒有人再唱的歌曲
在我的嘴唇上像輕柔的風般破碎
黃昏，路邊的每一根草都暗掉了
因為疼惜又點亮每一把火
那些沒有人再唱的歌曲
在我的嘴唇上像輕柔的風般破碎。

那些沒有人再回去的小徑
已經靜默地化做我的血脈
我聽見戰友的腳步聲
在火海戰場的小路徑
那些沒有人再回去的路徑
已經靜默地化做我的血脈。

那些沒有人再見面的人們
已經將最後的負擔放在我的肩膀上
那些枯瘦又浪漫的臉龐
像那片森林般已經屬於我
那些沒有人再見面的人們
正在與我共享整個青春……

1984 年 7 月



12

祭亨

TẾ HẠNH

詩人祭亨，1921 年 6 月 20 日出生，2009 年 7 月 16 日於河內辭世。籍貫為廣義省平山縣平陽社。越南作家協會會員。曾獲胡志明文藝獎。

aslan

颱風

Bão

● ● ●

颱風來襲那晚
樹斷枝落葉
牽妳的手
一起過馬路避免跌倒

颱風早已遠離
那行樹已恢復翠青
但妳已遠離

而我心中的颱風從未平息。

aslan

1957 年



陳寧湖

TRẦN NINH HỒ

詩人陳寧湖本名為陳有喜，1943年出生於北江省。越南作家協會會員。曾獲國家文藝獎。

aslan

弔亡夫

Viếng chồng

● ● ●

- 嫂嫂！……

只能說出這句

帶路的阿兵哥突然講不出話

怎樣都講不出話來：

- 妳把花放錯邊了

他的墳墓在左邊

她從故鄉帶來一束花

另外一束花由我們負責！

- 我懂你的意思了

讓我把花放在那個墳墓上

整個森林只有兩個墳墓

我已在這準備獻花！



14

詩皇

THI HOÀNG

詩人詩皇，本名為黃文部，
1943年5月25日生於海
防市永保縣永進社。越南
作家協會會員。曾獲國家
文藝獎

asian

樹與天之間

Ở giữa cây và nền trời

● ● ●

好像從來沒有哪一個下午
比今天的下午還要清，高聳的藍天
樹高挺像要與天空比高下
樹頂盡力冒出嫩芽。

今後我們會更好
大自然與我們共處太偉大
葉子搖動像母親叮嚀的話
一望無際的天空像父親

別忘記面對敵人的時刻
別把人生當作海上的泡沫
翠綠的山林提醒我們
越南翠青會為我們存在

一望無際的天空是這麼的藍
樹為求生存而彎曲而茂密
太陽發出熱情的光芒
在一個如此仁義的下午。

我聽到某人的呼喚聲……



15

正友

CHÍNH HỮU

詩人正友本名為陳廷得，
1926年12月15日生於義
安省榮市，2007年11月
27日辭世。籍貫為河靜省
干祿縣。越南作家協會會
員。曾獲胡志明文藝獎。

aslan

同志

Đồng chí

● ● ●

你家鄉水鹹，土酸
我村莊窮苦，翻土淨是碎石
你和我陌生的兩人
來自何方不約而相識。
槍並槍，頭靠頭
寒夜共被，成為知己
同志！

田地你託親友犁
放任風雨吹襲的空屋
水井、榕樹想念從軍的你。
你我一起經歷寒天凍地，
高燒到顫抖，汗水濕額頭。

你衫破肩
我褲無數處已補
即使寒冷刺骨也嘴上笑著
雙腳無鞋，緊踏土地
互相疼惜，手緊握手！

今夜荒林霜凍
相依身旁等待敵人
月亮高掛在槍頭。

1948年2月



素友

TỐ HỮU

詩人素友本名為阮金成。1920 年 出 生，2002 年 辭世。籍貫為扶來村，今屬承天 - 順化省廣田縣廣壽社。越南作家協會會員。曾獲胡志明文藝獎。

aslan

從此

Từ ấy

● ● ●

從此我心裡燃起夏日的陽光
真理的太陽燦爛地穿過心底
我的靈魂宛如一座花園
濃郁芬芳，處處鳥鳴……

將自己的心與眾人連在一起
讓我的熱情蔓延萬方
讓我的靈魂與眾多痛苦的靈魂
彼此靠近添加生命的力量

我已是萬戶人家的孩子
成為數萬人的弟弟
成為數萬人的哥哥
無衣無食，流浪四處……

1938 年 7 月



17

陳登科

TRẦN ĐĂNG KHOA

詩人陳登科，1958 年 4 月 26 出生。故鄉在海洋省南策縣國俊社田池鄉。越南作家協會會員。曾獲國家文藝獎。

asian

水兵的情書

Thơ tình người lính biển

● ● ●

我出海

白雲似帆橫掛在天空上

分離時，我在港口散步

海一邊，妳一邊

海吵鬧，妳卻柔和

妳好像講什麼，然後靜靜地微笑

我像一艘船，從兩側浪中尋找平靜

海一邊，妳一邊

明日，明日，當都市亮燈時

我船會在遠方的星群下放錨

天遠海深，但我不孤獨

海一邊，妳一邊

艱苦的祖國從未平靜

颱風也未曾停止於白喪巾上

我守夜。深夜。荒島。

海一邊，妳一邊



那片天空下也許沒有妳
也沒有海。只剩下我和草
儘管如此，我還會記得
海一邊，妳一邊……

1981 年





18

阮德戊

NGUYỄN ĐỨC MẬU

詩人阮德戊，1948 年生於南河南寧。籍貫為南定省南直縣南田社。越南作家協會會員。曾獲國家文藝獎。

aslan

有無數螢火蟲飛繞的森林裡

Cánh rừng nhiều đom đóm bay

● ● ●

夜晚。我單位在森林裡的深處歇腳。在一條乾溪裡有人挖出一口水井。在喉嚨乾枯的口渴後我們盡情地喝著井水。甜涼水舒暢了我們枯萎的肉體。哪知道，後來發現水井裡有死人的屍體。朦朧的夜晚，有無數的螢火蟲在閃爍，如幻覺。

我離開吊床，背上槍，輪到我看守。當走在黑暗的樹林裡，我踢到某種腐爛的東西，被濃濃的腥味嗆到。或許是一隻中彈的斑鹿吧？我疲倦的默想。看守完後，我回到吊床繼續睡。那晚滿是螢火蟲，如夢，如睡。我分不清楚身旁樹下螞蟻在屍體上不停地鑽洞是夢魘還是真實？

隔天早晨，後勤大哥們撈水煮飯忽然看見兩個女兵的屍體。我們整個小隊搜索各個石頭縫、樹叢，還找到另外三位男兵屍體。他們身旁留下電線與安靜的無線電。我們猜，他們應是通訊兵，被敵人突襲了。我們為他們立了五個無名墓。

戰爭已遠去，長山的小路，我何時能回去？那裡有我親口喝下屍水的水井。那裡是螞蟻在深夜裡不停地鑽洞的地方。那裡有用傷痛和淚水蓋起的五個無名墳墓。那裡是有無數螢火蟲飛繞的森林。





19

黎氏雲

LÊ THỊ MÂY

詩人黎氏雲本名為范氏雪棉。1948 年出生於廣治省肇豐縣肇隆社安模村。越南作家協會會員。曾獲國家文藝獎。

aslan

那些盼望的月亮季節

Những mùa trăng mong chờ

● ● ●

你的信告知歸來日
月亮已高掛等待
花兒芬芳散發純潔
雲朵也露出渴望的顏色

明月傾斜
炸彈撼動殘月
遠方的船隻也被擊沉
在險惡的山林那頭

你背著背包回來
天地都為之倒轉
我高興到蒼白
像白日的月亮

相見整個月亮月季
我像天空那般年輕
你的懷抱好溫暖
嘴唇滿著哄睡的歌曲



明天又相送
月亮彎曲如一顆稻米
夜夜九千顆星星
滴入心底如火苗

盼望我盼望
月亮……美的臉龐
又亮又圓跟著你
整個戰鬥的路上

aslan

1973 年



陳潤明

TRẦN NHUẬN MINH

詩人陳潤明出生於 1944 年 8 月 20 日，故鄉在海洋省南策縣國俊社田池鄉。越南作家協會會員。曾獲國家文藝獎。

asian

讓我問……

Cho ta hỏi...

● ● ●

樹啊！請問你為何發芽
儘管春雨、暖陽遲遲不來
寧靜中繚繞著憂愁
傍晚的弦月掉入迷江……

火車啊！請問你何故而停下
寬闊的人生旅途中，目的地在哪？
也許下一班車，我已缺席
人們忘掉我……常常就如此……

讓我問妳，何故而生氣
輪到我……我也要離開……
只有愛情的心，仍然躊躇跳動
錯愕、沉痛……

在翠綠草皮墓下……

河內，K 醫院，2012 年 1 月 16 日



21

江南

GIANG NAM

詩人江南，本名為阮容。
生於 1929 年，籍貫為慶和
省。越南作家協會會員。
曾獲國家文藝獎。

asian

故鄉

Quê hương

● ● ●

小時候一天去學校兩次
小小教科書教導我們愛故鄉的大道理：
“誰說放牛為苦？”
我放空心情聽高處的鳥鳴
蹺課的那些日子
在水池的橋上追蝴蝶
被媽媽抓到……
還沒被打就哭了！
鄰居的小女孩
笑呵呵地看我……

革命爆發
接著長期抗戰
故鄉滿是敵軍
告別母親上戰場
誰知鄰居的小女孩
竟也加入游擊隊
遇見我那天一樣笑呵呵
她那又黑又圓可愛的眼睛
行軍中一句話也不能說
部隊經過，我回頭再看……
滿天雨水心卻如此溫暖……

和平，我回來了
往昔的學校、甘蔗園、水稻田
再見到妳
妳害羞躲在門後……
一樣笑呵呵，當我細聲問起
嫁人生子的事情妳難以啟齒呀！
我溫柔地握住妳細小的雙手
它靜靜地在我的手裡，發熱……

今天聽到妳的消息
無法相信儘管是事實
敵人槍殺妳還把屍體摧殘
只因為妳是游擊隊啊！
斷腸的痛，讓我的三魂七魄找不到身軀！

以前愛故鄉因為有鳥有蝴蝶
有翹課受罰的那些日子……
如今愛故鄉，因為每一寸土
有我深愛的妳的青春和血肉

1960 年



潘氏清嫻

PHAN THỊ THANH NHÂN

詩人潘氏清嫻，生於 1943 年。籍貫為河內。越南作家協會會員。曾獲國家文藝獎。

aslan

沉默的柚花香

Hương thầm

● ● ●

街尾那兩間房子的窗戶
不知為何，從未關上
從早期就讀同一班的兩人
房子後方的柚子樹香味芬芳

將一串花藏在手帕裡
少女猶豫地走去鄰居家
那邊有一個人隔天要上戰場

他們安靜地坐著，不知道要說什麼
視線忽然尋找彼此，然後又馬上轉開
從來沒有人敢先開口……

柚子花的香味使人心更凌亂
他不敢求，她不敢送
只有溫馨雅緻的香味
隱藏不了，不斷輕柔地散發

少女宛如那串靜默的花
託香味訴說愛情
“你無情，你無知
我已來到你身邊了”

他們分開，仍不語
沉默的柚花香繚繞著上戰場的腳步.....

aslan



梅文奮

MAI VĂN PHẤN

詩人梅文奮，1955 年出生於越南寧平省金山縣，現居住以及工作於越南海防市。他曾經獲得一些國際與越南文學的獎項，其中有越南作家協會獎（2010 年）和瑞典文學 Cikada 獎（2017 年）。

asian

苦藥

Thuốc đắng

● ● ●

(給玉簪)

發燒害妳宛如置身火爐
身為父親的我寧可代替妳變成灰燼
苦藥不能再等了
抓住妳的手
我將藥倒入
惆悵地放開空碗……

女兒啊！夜夜聽見霜降的聲音
辛苦熬過寒夜
那些脆弱的花瓣
仍需靠樹根的支撐才能傳遞香味。

汗水凝成手上的繭
春天湧進苦碗
我隨著歲月老去，滿臉淚痕
面對事實僅能放聲大哭。

妳夢見正在吃什麼
我將碗放在窗前
當妳成長至我這年齡
碗底也許還有風暴。



24
遠芳

VIỄN PHƯƠNG

詩人遠芳 (1928-2005)。本名為潘清遠。籍貫越南安江省朱篤縣新州。越南作家協會會員。曾獲越南國家文藝獎。

asian

我的詩與妳的人生

Thơ anh và đời em

● ● ●

漆黑的夜晚……妳販售愛情
是露水還是妳的眼淚滋潤了草地
恩愛的言語飄然在風裡
但是愛情……妳何時才會了解！

我一生沉迷於寫詩
我寫的詩，文字甜美、純潔
我認為翩翩起舞的白蝶
展開漂亮翅膀已為人生帶來色彩

但風暴咆哮，宇宙也倒轉！
為何詩篇猶如蝴蝶翅膀那般輕薄？！
像樹葉漂過陌生的河岸
想保護但無奈風浪摧殘

我心疼妳出賣青春給人生
人生卻回報妳艱辛與恥辱。
我寫的詩行都是力不從心
寄給妳也為我自己哭泣。



武群芳

VŨ QUẦN PHƯƠNG

詩人武群芳本名為武玉祝。出生於 1940 年 9 月 8 日越南河內慈廉縣。籍貫越南南定省海厚縣。越南作家協會會員。曾獲國家文藝獎。

asian

歸人

Người về

● ● ●

獻給釋一行禪師

近很近，遠則很遠
佛祖是傾斜於屋頂上的藍天
故鄉的田野仍留著父母的足跡
這條道路佛祖已經走過

廟鐘為誰而打，木魚為誰而敲
寒夜裡的浪聲撲在橋墩下
一眨眼，人生已淹沒在滄桑中
只剩像月亮光輝的愛流傳永世

溪流入河，河又注入汪洋
走遍人心再遇自己
看透花花世界
只剩屋簷前明皓的月亮在等待

加州 2005 年 1 月 18 日



伊方

Y PHƯƠNG

詩人伊方本名為許永山。
出生於 1948 年 12 月 24 日。
籍貫越南高平省重慶縣凌
孝社孝禮村。越南作家協
會會員。曾獲國家文藝獎。

asian

哭寮防線¹³

Phòng tuyến Khau Liêu

● ● ●

炒玉米
溪水
槍支
圍繞了全身
人圍繞了整座山嶺
妻在夫身邊
父親在子女身邊
情人在情人身邊
跟山坡合為一體
花叢間
草叢下
第一道防線
葉子的尖銳
眼睛射出明亮的光芒
染成靛藍色的雙手
突然染成猶如紅花布面
雙手就像能穿鑿石頭迎向陽光的薑株

13. 譯者註：哭寮 (Khau Liêu) 是越南的地名，位於越南高平省重慶和廣淵這兩個縣市的交界。在 1979 年越中邊界戰爭發生時，哭寮山坡是與中國軍激烈交戰的地方。

老母親與年幼弟妹
充滿思念的山坡
連大馬路也變彎曲

第二道防線
每一塊石頭後面都有一位拿槍的人。

1979 年





清桂

THANH QUẾ

詩人清桂本名為潘清桂。出生於 1945 年。籍貫越南富安省。越南作家協會會員。曾獲國家文藝獎。

aslan

媽媽一個人待在空屋

Mình má ngồi nhà hoang

● ● ●

爸爸永遠離開了
媽媽一個人待在空屋
轉身看到供桌
再轉身看見香煙裊裊

晚風穿梭搖動門
彷彿有人在呼喚自己
聽到鄰居的拖鞋聲
醒來呆坐愣視
白天煮飯拜丈夫
拜完就吃那些飯菜
一個人坐在餐桌前
扒飯而哽咽

兒子只回來幾天
然後一直杳無音信
媽媽一個人孤單
日夜思念爸爸的形影



房子孤單空曠
媽媽的身影步履蹣跚
黃昏的銀白髮
兒心痛欲絕……

1994 年 2 月 15 日





閉建國

BẾ KIẾN QUỐC

詩人閉建國 (1949-2002)。
籍貫越南河內市。越南作
家協會會員。曾獲國家文
藝獎。

asian

對自己的叮嚀

Tự nhủ

● ● ●

雙腳啊，請帶我走
哪怕有時你們會絆倒在路上
有時踩到荊棘，說不定，有時……
我們仍然必須邁步前進，朝著理想。

雙耳啊，請帶我走
即使聽到很酸澀的是非言語
粗鄙的話語，說不定，有時……
我們仍然必須張開耳朵，朝著歌聲。

雙眼啊，請帶我走
到四處看見事情的真相
即使看見痛苦的事情，說不定，有時……
我們必須看見，因為我們期待美好。

我的心啊，請帶我走
離開我的胸坎
將大地獻給你
即使有痛苦，即使有辛酸，
即使有時苦楚能使心跳停止……

我們必須相扶持，因為我們相信幸福會到來。

1987 年



陳光貴

TRẦN QUANG QUÝ

詩人陳光貴出生於 1955 年
1 月 2 日 越南富壽省三清
縣春祿社。越南作家協會
會員。曾獲國家文藝獎。

aslan

村落的夜晚

Đêm ở làng

● ● ●

我再次回到夢中佈滿苔蘚霉斑的屋簷
穿過結實累累的果園
蹣跚的水牛蹄聲和睡著的老農
田野渴望著少婦懶散的胸部
村落將疲倦藏於黑暗
夜晚將村落藏於千年時代。

那些竹扇整夜孤寂難眠
風仍孤伶伶待在河邊
晚啼的雞聲輾轉在我心中
一束黯淡火光在夜晚道路的盡頭
願望就像嫩綠的青香蕉
母親再次點燈躡足走向穀倉
忐忑地傾聽新生稻穗的呼吸聲！

黑影自由地在天空之下移動
心煩意亂的竹林掉落頭髮
為貼近土地，一顆果子急於成熟
慌忙掉落在夜晚的果園！

我跟蟬聲愈來愈少的夏天共眠
村落的汗水輾轉流到我身上。

但是母親還坐在那邊生火
早晨躁動的腳步聲……

資料來源：

《砧板形狀的睡夢》，作家協會出版社，2003 年





30

春瓊

XUÂN QUỲNH

詩人春瓊本名為阮氏春瓊。出生於 1942 年。籍貫河內市河東郡文溪社羅溪鄉。越南作家協會會員。曾獲國家文藝獎。曾獲胡志明文藝獎。

aslan

焚風¹⁴ 與白沙

Gió Lào cát trắng

● ● ●

我人生的焚風與白沙

炙熱焚風與白沙的我

在吹著焚風的那些悶熱午後

媽媽含著嘴角的白沙為我唱搖籃曲

剛剛長大我已經學會挖洞

炸彈之下白沙焚風依然襲擊

白沙上多出一個沙丘

南美蟛蜞菊花瓣像滾動的车輪

我的人生有沙在保護

打仗時沙又做碉堡

戰友和我的鮮血如泉水湧出

在白沙上被焚風搨乾

我種的樹還不足以庇蔭

敵人的炸彈已將枝葉炸爛

這裡的地瓜比豐饒田野的地瓜還小

14. 譯者註：Gió Lào 是一種出現於越南中部的廣平、廣治、承天－順化這幾個省份的焚風。

曬焦果皮的釋迦被風吹過
沙只蓄太陽而蓄不住雨
腳步一再淪陷灼熱之中
風沙中，惡劣的日子裡
我嚮往一種和諧的綠色
一座結實累累的森林
我施肥然後採摘果實
我的家，我將回去重建
紅磚屋與燦爛未來世代的面孔

妳剛回來什麼都還沒看到
只有沙與能點火的焚風
酷熱的風在離別後成為思念
強悍的沙終究昇華為疼惜
雖然有時我不甚滿意
這沙害我腳掌灼熱
這風害我臉皮發紅
即便貧瘠的土地使地瓜、樹薯難以茁壯
我願意將整个人生
奉獻給白沙與能煽火的焚風。



陳王山

TRẦN VÀNG SAO

詩人陳王山本名阮訂
(1941-2018)。籍貫越南承
天-順化市。

aslan

一個愛國者的詩篇

Bài thơ của một người yêu nước mình

● ● ●

早上我穿著衣服和鞋子孤獨站在馬路上
風吹著窗外的竹子白花
乾髮還瀰漫著上一季稻穀的香氣
孩子們正在偷瞄
停在家院子前的那群麻雀
我如此地愛這個國家
每天早晨
望著那群麻雀
享受那涼爽的風
看那路旁充滿活力的小草
我仍活著
吃著
呼吸著
像大家一樣
有時偶爾想到一個陌生的笑聲
或是一句有柚子花和米仔蘭¹⁵的悲傷民謠
石頭上有乾去的一痕泥跡
沒有誰離別
也記得一聲火車的汽笛

15. 譯者註：「米仔蘭」(hoa ngâu) 一種原生自越南的花，學名 *Aglaia duperreana*。

我母親早起晚睡
今年五十多歲
丈夫已經死十幾年了
我才開始識字的時候
母親辛苦撫養我
為了下一餐奔波
一天兩次不時都有人來討債
也僅能咬緊牙齒
母親臉上很少露出笑容
多少中午和晚上
常一個人坐著哭泣
一直嘆氣什麼都不說
可憐兒子沒父親
孤苦伶仃
我愛著這個國家，心疼地
母親一個人養我十幾年不再婚
因為疼我而守寡
被那些有錢無賴天天責罵
他們施捨我們母子衣服、金錢像給了癲瘋病人
父親忌日時親戚沒半個人會到
給父親點幾炷香
和幾朵海棠花
我母親啜泣
祈禱父親保佑我成人

老公啊兒子還很年幼
還沒長智慧、腳步還不夠穩健
一個人養兒子不論晴雨
我愛著這個國家，辛酸地
在漫漫長夜拿火把行走
太熟悉了因此沒人記得名字
過去壓著在背上很沉重
謀生的日子汗流浹背
人生很低賤，爭奪每罐發霉的米
每一根菜、每一粒鹽巴
當兒子三餐不繼怎能快樂
母親愛我不管交通多麼艱辛
擔著很重的貨物過橋爬坡
每天夜晚母親都哭泣
每天夜晚母親都低聲祈禱
希望我長大成人能抬頭挺胸
我愛著這個國家，不渝地
我愛母親破爛的衣服
從不記得自己年齡已有多高

我走離
雨越下越大
怎麼今天感覺心裡抑鬱
像冬天早晨還未看到日出

長河躺著邊想起曾路過的森林
多疲累、感動每一個潮水
鳥停在樹枝上而不鳴
秋天的寧靜睡在菅芒花上
我愛這個國家的那些早晨
沒有人的笑聲也沒有小孩的歌聲
土石草木啊
心中仍然愛母親、想念父親
餐風露宿
兩行眼淚流下
每天一晚都祈禱上天，能逢凶化吉
我愛這個國家的殘破衣裳
破屋漏水，陋牆無法遮風
在每一次呼吸中仍愛著彼此
心裡一直疼樹愛根
晚上點燈坐等天亮
我愛這個國家，如此地
像愛院子裡的草木
像愛我刻苦耐勞的母親
今日把我養大成人
愛一個好聽的歌聲
有野草香氣的划船歌

情感洋溢的六句望古曲¹⁶
有供奉在廚房的三尊灶君
跟蓮葉上水滴一樣不快樂的兒時
我愛這個國家，且我愛妳
綁馬尾乖巧的學生時代
白衣和串串紅色鳳凰花
在麻雀腳步中
坐著讀書和輕呼我名
經常不停地聊天
天上地下的奇怪故事
花朵孤獨長在石頭上的故事
常笑而不知有人難過。
今早冷風還在
離家時還想回望
再望一眼橘子樹、荔枝樹
疼愛加上珍惜老母親
妳還沒傷心
因為還沒穿過破衣服
我愛這個國家的粗茶淡飯
四千年的勤勞灌溉
衣釦鬆脫，過橋被風吹飛

16. 譯者註：望古曲 (vọng cổ) 是越南南部有名的戲劇曲調之一。

妳還是維持兒時的乖巧

我愛這個國家，塗炭地
母親在山上燒柴，父親在海邊捕魚
吃遍了各種野菜
養育百姓自開拓之時
四千年臥薪嘗膽
一寸心也是歐姬¹⁷子孫
一個聲音也充滿著扶董天王¹⁸的靈魂

我走完一天
遇見全是陌生人
無人知無人識
不知年齡不知名字
一起生活在這片土地上
一起承擔南北分割的痛苦
一起擁有同一個稱號叫越南
帶著在心外流血的傷口
一起共感含冤往生者的劇痛
盛怒氣憤而撻胸
跟同胞一起高聲疾呼

17. 譯者註：歐姬 (Âu Cơ) 是越南神話故事中的人物，相傳其是越南人的族母，與貉龍君結婚生下一百個男孩，他們就是越南人的祖先。

18. 譯者註：扶董天王 (Thánh Gióng)，越南神話故事中的人物，是英雄、勇敢對抗敵人的象徵。

一千四百萬人要求獨立自由的宣言
餐餐都能吃飽
冬天要能穿暖
能夠說、笑、高歌、戀愛不受人禁止
能夠祭拜自己尊敬的親人
二十年人生從不打算

我回來自己的小房子
點個微弱之油燈
蕭瑟的風吹在樹葉裡
清爽芬芳的夜晚院子
一碗莧菜加朝天椒的湯
隔壁鄰居有小孩的哭聲
母親抱孩子到愛子橋¹⁹上坐著
今日國家已經滲透人民的靈魂
即將蟬鳴的夏天
因此秋天所剩無幾
這個國家痛苦仍存
因此等待統一之日
讓北越不稱這邊人民是南越人
讓南越不稱那邊人民是北越人
歡喜之心今日不感到抑鬱

19. 譯者註：愛子橋 (cầu Ái Tử) 位於越南中部廣治省。

我愛這個國家，真誠地
像愛有我母親的小房子
像愛妳嘴唇上甜蜜的親吻
同時愛已經覺醒的我
一直期望自己國家的統一。

1967 年 12 月 19 日





盧銀沈

LÒ NGÂN SẦM

詩人盧銀沈 (1945-2013)。
籍貫越南老街 垵灑縣 Bản
Vền, Bản Qua 村落。越南作
家協會會員。曾獲國家文藝
獎。

aslan

盲人

Người mù

● ● ●

盲人用耳朵觀、用腳看、用手欣賞

盲人主任正陶醉學習外語

盲人經理正研究養蜜蜂的技術

盲人畫家正描畫生命這幅畫

盲人歌手正高唱讚頌人生的歌曲

盲人詩人正朗誦光亮的詩歌……

我驚訝於很多盲而不盲的人

我更驚訝於很多不盲而盲的人。

aslan



阮仲造

NGUYỄN TRỌNG TẠO

詩人阮仲造出生於 1947 年
8 月 25 日越南義安省濱州
縣。往生於 2019 年 1 月 7
日。越南作家協會會員。曾
獲國家文藝獎。

aslan

給大人的童謠

Đồng dao cho người lớn

● ● ●

有一片已死的森林仍在我心中翠綠
有還活著但像已死去的人

有答句卻成為問句的句子
有偷腥當作婚宴的傢伙

有父有母有孤兒
有很圓的月亮但不是菜餚
有整個宇宙但沒有可住的房子
有微小的快樂卻有瀾漫的傷心

而船仍在海上 而草仍很翠綠
而人生仍陶醉 而靈魂仍灑脫

有悲哀有思念有哭泣有歡笑
有一個已經過千年的眨眼

1992 年



青草

THANH THẢO

詩人青草本名為胡成功，出生於 1946 年，籍貫在越南廣義省慕德縣德新社。越南作家協會會員。曾獲國家文藝獎。

asian

鋁罐²⁰之歌

Bài ca ống cống

● ● ●

過往的那些悲壯歌謠
只在書裡吟誦
那些馬鞍上的劍
現在已太老舊了

我們的歌曲
是鋁罐之歌
解放軍的行李
是世界上最簡便的

飯熟剛剛掀鍋蓋
還有芋頭的湯品
山上的生茶葉有點澀
圍著喝還稱讚連連

從一個鋁罐
我們可做百樣事情

20. 譯者註：ống cống 是指用過、要丟棄的罐頭、鋁罐等。

困境中激發智慧
我們阿兵哥十分聰明

一些患瘡疾的阿兵哥
以為沒力氣趕走蒼蠅
但是過了一站又一站
一退燒就出發行軍

鋁罐掛在腰間
今世的石笙鍋子²¹
許多英雄瞬間長大
都曾吃過此鍋的飯

歲月逐漸淡化
很多迷人的歌曲
但我知道從這時間
像刻在磐石上
或刮劃在樹幹

今天的歌曲
粗糙與燦爛
帶著簡單的人生哲理
充滿甜蜜與辛酸。

21. 譯者註：石笙鍋子 (Nồi Thạch Sanh) 是出自於「石笙」，越南著名的傳說故事，描述名為石笙的年輕人，貧窮、老實、勇敢。故事中，石笙有個能源源不絕生出米飯的鍋子。



阮廷詩

NGUYỄN ĐÌNH THI

詩人阮廷詩出生於 1924 年 12 月 20 日在龍坡邦(寮國)。往生於 2003 年 4 月 18 日。他的籍貫在武石鄉，現為河內還劍郡場錢坊趙婆街。越南作家協會會員。曾獲胡志明文藝獎。

asian

想念

Nhớ

● ● ●

星星想念誰而閃爍著
照亮戰士們在雲坡行軍的道路
火焰想念誰而紅著寒冷的夜晚
烘暖森林中戰士的心房

我愛妳如我愛祖國
辛苦、悲傷、無比的燦爛
我想妳在每一步我踏過的路
每晚我入睡，每餐我進食

在夜裡的星星從不熄滅
我們相愛，一輩子並肩作戰
森林中的火焰赤紅竄動
我們相愛，驕傲地做人

1945 年



阮光韶

NGUYỄN QUANG THIỀU

詩人阮光韶出生於 1957 年
在越南河西省應和縣山功社
黃陽村（廟村）。越南作家
協會會員。曾獲國家文藝
獎。

aslan

那些比喻

Những ví dụ

● ● ●

敬獻給我村裡那些烈士的妻子

時間一直安靜地流進巨大的古陶瓷瓶。我村那些喪偶的婦女像穿棕色衣服的蚱蜢消匿在草叢後面。從很遠的地平線捲回來幾陣斑駁的紅風。風的手指如瘋狂，如精疲力竭地攪亂了一堆堆草。我站在村子盡頭的道路，顫哭得像丟失媽媽的孩子。我怎能在那片寬廣的土地上，翻盡每一片草葉來找回那些喪偶的婦女……

我村那些喪偶的婦女挑擔在肩上，在幾條如千年辛勞畸形脊椎的小徑上。她們夢遊經過了洪荒陣風升起如太陽旋入黑暗的最後一圈。她們夢遊在一陣夜晚發燒之後剛痊癒的黎明史前陣雨中，而我像精神病患正站著細數她們。我細數著每一個比喻。

我村那些喪偶的婦女——那些比喻——腳沒穿鞋不美。她們責備那條通往有月亮夜晚的道路。

她們的乳房疲倦歪頭和變得懶散，在每一對風吹過庭園氣喘交纏的夜晚中聽不到充滿煙草味和嗆鼻泥巴味男性呼叫的聲音了。只有當老鼠躲在棺木裡偷吃稻穀的聲音能讓這些婦女醒來。當棺木中傳來蛀蟲咬木頭的聲音也會讓她們擔心睡不著覺。

時間一直安靜地……安靜地大量流進巨大的古陶瓷瓶。我村那些喪偶的婦女像穿棕色衣服的蚱蜢消匿……消匿在草叢後面。我這像站著哭泣的精神病患。我因那些已經永遠離開的比喻而哭泣。

直到我沒什麼事物可數的時候。我村那些喪偶的婦女從草叢再次現蹤。她們走在崎嶇的月光沿著十月曬滿稻草的道路上。她們的秀髮濕潤著柚葉的香氣在月光下四處瀰漫。她們的乳房伸展往性別的火焰剛萌芽的某處。她們的腳步之後，夜間開門聲音之後是首歌曲。歌曲拉高音穿過那些失眠望月的精神病患頭頂。那些失眠望月的精神病患開門然後踏出去。她們也同唱那首歌曲，一直走，一直走，再一直走，走至從不存在那些比喻之處。

廟村，1992 年



友請

HỮU THỈNH

詩人友請本名為阮友請。出生於 1942 年越南永福省三陽縣維番社（現為三島縣）。他目前是越南作家協會主席、越南文藝聯合會主席。曾獲過胡志明文藝獎。

asian

潘切²² 有我哥

Phan Thiết có Anh tôi

● ● ●

你不留給自己哪怕只是一根草
山丘雖寬敞，你卻無一寸地
潘切的天與地有我哥
在此處你第一次看到海。

過防空洞口
再翻過山坡之後
海洋遼闊，防空洞顯得太狹窄
稍微翻身，沙就會掉落，白了雙肩。

防空洞中充斥著火藥味、汗味
你的心跳已無法控制
風中瀰漫著水氣
海洋像是鳴笛待發的一艘船。

星群想辦法越晚越亮
兵士們開路去找水
在一片片臘月森林中穿梭
在那摸索人群中有我哥。

22. 譯者註：潘切 (Phan Thiết) 是越南平順省的經濟、政治、文化中心。此地的美奈沙丘是最有名的旅遊景點。

海洋奔向且簇擁著大家
因為愛海使他們變得鬆懈
我哥在一次炸彈轟炸之後與世永別
他臉僅僅離水面幾公寸！

你在此而我一直去尋找
我希望有衝力翻過山坡

Tân Cảnh²³

Sa Thầy²⁴

Đắc Pét²⁵

Đắc Tô²⁶

我經過你經歷的發燒
我遇到你遇過的雨林
仍想不到有一個潘切的中午
我一人站在車後哭泣。

森林還在，戰場還在
再幾步就到國道一號了
再幾步
但是
不能改變什麼。

23. 譯者註：地名。

24. 譯者註：地名。

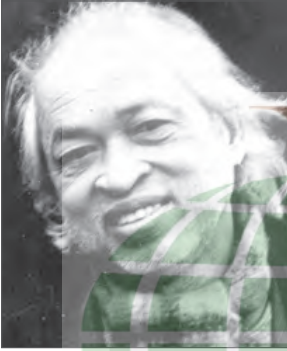
25. 譯者註：地名。

26. 譯者註：地名。

當你離開時，深邃的海是什麼顏色
你不知道那片森林叫什麼名字
但我知道，你還天天站在那裡
你還不知道警報已經取消
還不知道家中消息，認不出我這弟弟
弟弟我沒躺在義莊。

你與山丘同住 你和草地同綠
此地的草成為我們家的香火
此地的山丘也是我們母親的子女
家裡的生計都壓在我肩上。
潘切車的喇叭聲在夜晚
城市的燈光 照亮了釣客
你不睡，釣客也不睡
海每天晚上跟你們倆聊天。
就是這樣潘切天天有我哥。

1981 年



黃中聰

HOÀNG TRUNG THÔNG

詩人黃中聰 (1925-1993)。
籍貫越南義安省。越南作家
協會會員。曾獲國家文藝
獎。

aslan

在忠烈祠

Trong nghĩa trang liệt sĩ

● ● ●

我站在此地，故鄉的風徐徐吹著
望著草叢翠綠的烈士墳墓
不知說些什麼呢？
太陽熾熱的夏天下午
稻穀幾回綠
花朵幾回黃
我站在深邃的時間海之中
風為安靜的成行墓碑送上香氣
樹葉輕巧的掉落聲
同志們啊每一片葉子像每一滴血
一直提醒戰鬥的道路
已經用萬人的犧牲鋪成
我的祖國從海洋到森林
到處都是白皚皚的忠烈祠。

我低下頭讀墓誌上的每個名字

低下頭讀每個戰功

聽渠道中灌溉水的淅瀝聲

聽隨著節拍拼音的小孩聲音

聽誰家牛隻啃草的腳步聲

聽耕耘機聲、聽情歌聲

昨天，還充滿砲彈轟炸的戰場

現在生活是多快樂美滿

我想要喚醒同志們

跟我一起看看今天的祖國

忠烈祠，風吹著樹葉

在安靜的成行墓碑之間

深黃色的花朵

伴隨著熾熱的夏天下午。



39

竹聰

TRÚC THÔNG

詩人竹聰本名為陶孟聰。出生於 1940 年。住在越南河內市。越南作家協會會員。曾獲國家文藝獎。

asian

河邊風仍吹

Bờ sông vẫn gió

● ● ●

我們姊弟敬獻母親芳魂

玉米葉在河邊搖曳
河邊風仍吹
但沒看到人回來
請母親回故鄉吧
最後一次……只要最後一次
回來再次疼愛那河邊流水
回來再次感傷那逝去的青春年華
最後一滴眼淚請留著
母親的墳墓上牽掛爸爸的形影
老檳榔樹與屋簷前的竹屏風²⁷
再聽一遍遠處河邊的風吹

我期許縮短漫漫長路
只要一次……然後母親您再慢慢離去……

27. 譯者註：竹屏風 *giại* (*cái giại*) 是越南北部農村用竹子編製，放在屋簷前的屏風。



白鳥

CHIM TRẮNG

詩人白鳥 (1938-2011)。本名為胡文巴。籍貫越南檳榔省。越南作家協會會員。曾獲國家文藝獎。

asian



寒冷的午後

Chiều lạnh

● ● ●

臘月，踩過舊的腳印
嫩草蓋住了過往的路徑
山丘下腐爛的屍骨，風嘯
在我腳下的血跡還很鮮紅！

這樣就過完了那段光陰
嫩草綠，綠到讓人寒慄
那些血肉，已模糊無色
寒冷的午後，遙迢之路，寒冷的午後啊！





王仲

VƯƠNG TRỌNG

詩人王仲，本名為王廷仲。
出生於 1943 年越南義安省
都梁縣。越南作家協會會
員。曾獲國家文藝獎。

在夢中哭

Khóc giữa chiêm bao

● ● ●

思念媽媽

曾經有次我在夢中哭泣
當出現媽媽在艱苦那一年的形影
水災之後的田野，崩潰的河堤
媽媽黃昏時刻邋遢地挑擔。

我兄弟整天挨餓
黃昏中在門檻瑟縮坐著
沒有東西可煮為何生火
玉米或地瓜都得等媽媽回來……

夢醒了眼淚流淌
我一個人在靜夜中大喊媽媽
儘管知道我的話不可能迴盪
到媽媽在故鄉山腰的方形墳墓。

我在人生中四處流浪遊蕩
哪裡都住，但哪裡都不能成為故鄉
而媽媽的故鄉卻遠到不行
從媽媽離開之後我極少回去。

他鄉的日子我找回些什麼
在真實人生中永不可再現
期望在夢中媽媽的形影再次出現
即使我再次在夢中痛哭！

1988 年





制蘭園

CHẾ LAN VIÊN

詩人制蘭園本名為潘玉歡。
出生於 1920 年 10 月 20 日
越南義安省。籍貫越南廣治
省甘露縣甘安社。往生於胡
志明市 1989 年 06 月 19 日。
越南作家協會會員。曾獲胡
志明文藝獎

aslan

辭世詩歌

Từ thế thi ca

● ● ●

I.

我不能永遠留下來賞花
火葬之後，我將回到那鋪滿著花的天空
只可惜那裡沒有愛情！

II.

我變成瓶中一撮骨灰
妳不要哭
庭院外花草仍綠

III.

即使地球上沒了我
我仍還有整個地球
送給自己

IV.

詛咒我的那些人將會難過
沒有我能讓他們再殺害
刀子已準備好，他們不容易罷休

V.

愛我的親朋好友將會見到我
在草裡
在霜霧
在石中
無所不在

我永遠存在
不是以我的肉體
而如塵灰
如枯草春風吹又生。



朋越

BÀNG VIỆT

詩人朋越本名為阮越朋，出生於 1941 年 6 月 15 日。籍貫越南河內市石室縣僅山社。越南作家協會會員。曾獲國家文藝獎。

aslan

那些臉孔那些天空

Những gương mặt những khoảng trời

● ● ●

熟悉的戰場，一下子又要離開了
風伴隨我順著那些天空吹
那些極年輕的戰士相約後會有期
那些臉孔平凡如真理
每一個臉孔生來是為了迎接一個天空！

儘管在何處也與人生相欠
那些前哨站的士兵在土裡炊飯
那些雲橋族²⁸的孩子，眼睛明亮如歌唱
習慣看穿百場昏暗迷濛的火
一轉眼在平安的天空下睜大眼睛！

想念長山²⁹的母親，在深邃的夜晚森林
煮碗美人蕉湯，讓給孩子充飢
想念承天³⁰的妹妹，犧牲了無法說話
永遠留給我一個湛藍的天空
我為妹妹闔眼，雙眼依然明亮！

28. 譯者註：雲橋 (Vân Kiều) 是越南少數民族的其中一族，主要居住於越南中部廣平與承天-順化省。

29. 譯者註：長山 (Trường Sơn) 即「長山山脈」，是中南半島的主要山脈，為越南中部與寮國的分界山嶺，長約 1,100 公里。

30. 譯者註：承天 (Thừa Thiên) 即越南中部承天-順化省。

在痛苦前沉默，在歡樂前哭泣
我記得攻打廣治³¹ 據點的那天晚上啊
我方一萬台大砲奇異地飛向天空
繽紛燦爛如火海，向敵人的臉撲下，
起身衝鋒的時刻，眼眶不禁泛紅。

一生都活在感動之中，戰場祖國呀！
每一個我熟悉的臉孔，一次見過，一輩子疼愛……
多少天真無邪的孩子，多少經歷滄桑的老母
那些戰士穿越全國的戰壕
每個平凡的臉孔，經過千次生死之後
照耀我自己，和那片蒼穹！

1970 年

asian

31. 譯者註：廣治 (Quảng Trị) 即越南中部廣治省。



黎英春

LÊ ANH XUÂN - CA LÊ HIỂN

詩人黎英春，剛出生時也被命名為「哥黎憲」，出生於 1940 年 6 月 5 日越南檳榔省周城縣。他是犧牲於 1968 年在南部戰場的烈士。被追封為武裝力量英雄。越南作家協會會員。曾獲國家文藝獎。

asian

回到祖父母的故鄉

Trở về quê nội

● ● ●

碧綠椰樹形影的故鄉啊！
想不到今天我活著回來
我故鄉一切都還在
雖然親人已經淌血在這塊土地上
我再看見自己多麼疼愛的那些面容
我們互看、欣賞及陶醉
我們顫抖緊握彼此的手
思念聚塞使我的手熾熱。

這就是昔日的道路
我自己常於夢中神遊的地方
誰家午間吊床嘎吱的聲音
很疼愛、很思念的唔語聲
那些白色的、紅色的仙丹花啊！
如妳心地天真、有始有終
如妳心地多麼美麗純粹
我們兒時曾洗澡的小河
溪水仍不改變其路線
河邊滿佈了紫色的布袋蓮。

媽媽白髮蒼蒼駝著背
惆悵地說故事給我聽
八個小朋友在放學回家的路上
因猛烈的燃燒彈罹難。
敵人在一個村莊中殺了十個人
村民將屍體堆滿了一艘船

載到檳榔³²跟敵人抗爭
我們村落幾次遭到轟炸
椰樹倒成狼藉、竹林凋敝，
媽媽臨時蓋一個遮風避雨的小棚子。
我沒有想到媽媽的小棚子
在那層泥土中火苗仍在
媽媽日夜勤勞
在秘密的防空洞下養我們同志
媽媽一生勇敢犧牲。

二十年保護土地、保護村莊
妳是越南南部的媽媽啊
我沒想到我妹妹
在那臨時小棚下妳已經長大

32. 譯者註：檳榔 (Bên Tre) 即越南南部檳榔省，此地以種植椰子聞名。

妳很漂亮如生氣蓬勃的春天
肩膀上的槍枝也像妳一樣漂亮
妳啊！為何妳頭髮如此的香
還是妳剛經過榴槤的果園
我喜愛妳清脆的笑聲
甜蜜得像那椰子汁。

我深愛妳走過搖曳竹橋的姿態
溫柔如天上仙女
妳是游擊隊員、妳是傳令兵
妳是代表我們的故鄉
十一年了，我思，我念。

第一天晚上我在故鄉中入睡
心中感覺多麼溫暖
儘管外面正滂沱大雨
咆嘯的大砲聲震動了葉牆
哇！我們故鄉太美了
即使馬路上還有很多彈坑
即使妳衣服還有補丁
只有忠誠、有始有終的心
跟手中的槍枝燃燒著憤怒。

1965 年 9 月



劉光武

LƯU QUANG VŨ

詩人劉光武 (1948-1988)。
籍貫越南廣南省。越南作家
協會會員。曾獲胡志明文藝
獎。

aslan

城市花園

Vườn trong phố

● ● ●

城市中有一個涼快的花園
在人海當中有我的妳
炎熱午後蜂群出發尋蜜
進園後蜜蜂迷失了方向。

妳這花園是春風常駐的地方
紫花、鳥鳴、稀疏欖仁樹、太陽下的葉子
蜘蛛來回張羅白絲
果實豐碩、活力蓬勃。

早晨纖草濕漉、霜露落下之處
一粒霜朦朧在頰上
何種冷空氣冰冷了手掌？
一輩子也不知緣由……

夜晚火車汽笛回聲之處
突然想起那些遠處的故鄉土地
我們約定高歌軍樂之處
我們遺忘花束的花園一隅……

樹冠窸窣搖擺於陣雨之處
果實成熟、甜美當蟬季來臨
那些紅色、紫色的地平線
那些銀色星群閃耀整個黃昏。

蕉葉如船帆
往返於幸福中的希望帆船
輕輕喔，否則船帆會飛走
經由嘴唇的濕潤、溫柔。

半劈的西瓜香盈整天
妳也如夏天的果樹般清爽怡人
古銅般的膚色和含蓄的笑容
妳像雨後探頭的七色彩虹。

如今我因參戰而遠去
再次看從前的花園覺得狹窄
許多話我還未能說出口
一心只牽掛我的妳。

我曾跨越密林峻嶺
追隨兒時的火車汽笛聲
花園留不住回來的腳步
但枝葉仍為我在行軍路途中蔽蔭。

妳這花園仍是滿園翠綠
心中愛巢開始萌芽之處
我們摘取那些第一串詩之處
秋至白雲仍會歸來之處。

1967 年







Eng Giòk

ANH NGỌC

Eng Giòk pún-miâ Ng Tek-giòk, 1943 nî tī Gī-an séng ê Gī-liòk chhut-sì. Oát-lâm Chok-ka Hiáp-hōe hōe-oân. Bat tit tìoh Oát-lâm Kok-ka Bùn-gē Siú".

aslan

KENG-KAH-THÂU Ê KANG-SAN

SÔNG NÚI TRÊN VAI

(tâng-phiⁿ koa-si)

Kềng sàng hồ Tìong-pô lâm-pêng H50 ê lú-chiàn-sũ

*

Chhin-chhiūⁿ kiô hãⁿ kòe khoah-bóng-bóng ê hô-liū
 In hãⁿ-kòe chiàn-cheng pháiⁿ-chhèng-chhèng ê chúi-chhiang
 Lâu-lòh chiong-lâi ka-kī ê hêng-iaⁿ
 Bĩn-bô-á in tĩ sòe-goát ê chhong-song
 Lèk-sú tĩ pèh-sek ê chóa téng-bĩn
 Kì-liòk in chiaⁿ-iãⁿ koh úi-tâi ê sin-khu

*

In khí-kiãⁿ
 Lâm-pêng ê 1 ê e-po' chhiū-hiòh-á táuh-táuh-á lak--lòh-lâi
 Chhin-chhiūⁿ po-lê kãng-khoán tĩ kha-té chhùi--khì
 Kòe tàu ê hong phah-khui chhiū-nâ ê mêng
 Thâu 1 ê bĩn-iông í-keng chhut-hiãn
 Tĩ liên-hiòh ê bô-á-kĩⁿ ē
 Tâng-tiòh hong kap thiⁿ-téng ê jít-thâu
 Tōa lúi ê bák-chiu-khut-á chhim-lòng ná-chhiūⁿ sī ta-sò ê chéⁿ
 Lúi-chek kúi-á-chheng mê bô-bĩn ê tâng-lō

Chiàn-tàu kin ê áu-hûn jiáu tī keng-kah-thâu
 Láng-á hûn-jiah chhim koh âng
 Sán-thiu ê 2 pêng keng-kah
 Thèⁿ kui chheng kin

...

In koh khí-kiâⁿ
 Chhin-chhiūⁿ hit khoán ê e-pō' sī
 Kap góa kâng sè-tāi ê lāng
 Tī chhùi-kô' kô' ê jít-thâu-kng ē-kha
 Thiⁿ-piⁿ chhin-chhiūⁿ hóe-sio-pō' hiah iām
 Liū-lōng chhōe phōaⁿ ê chiáu-á
 Àm-mī háp-bān ê hoe-lúí
 Thiⁿ chheng-chheng koh tiām-chēng
 Gîn-sek ê hûn kâu kah ná chhiūⁿ chím-thâu
 In kha-pō' ná kiâⁿ ná kín
 Hiáh-thâu kháp-tiōh o' àm
 Kha-chiah-phiaⁿ òng jít-thâu
 Té-tīⁿ hòe-mih ê lán-á chhiūⁿ soaⁿ kâng-khoán teh tī
 siang-pêng ê keng-kah
 Té-tīⁿ hòe-mih ê lán-á m̄-bat lī-khui in chít-tak-kú
 Ná chhiūⁿ chū in chhut-sì
 In ê miā-ūn tō kap lán-á tīⁿ-tiâu-tiâu
 Cha-bó' gín-á sin koân 1 bí 55
 DK phàu-tôaⁿ chhiau-kòe thâu-khak pòⁿ bí koân

Sèⁿ-miã kap sí-bông tĩ keng-kah-thâu sio-siám
Chhin-chhiūⁿ Lú-o thèh chiòh pó thiⁿ
Kap góa kâng sè-tài ê lāng
Kā kang-san taⁿ tĩ sán-thiu ê keng-kah-thâu
In ê kòng-hiàn pí in ê hêng-íaⁿ khah koân



SIANG KENG Ê KOA

BÀI CA VỀ NHỮNG ĐÔI VAI

Chài hòe tò-tít--lâi
Keng-kah lóng iām-hóe
Láng-á chiah khng--lòh
Liâm-mi tō koh kiāⁿ

Hong hōi tiāⁿ-chēng à
Phoe-bah piàn thih-chiòh
Kin-á siuⁿ siâu-liân
Keng-kah m̄ jîn lâu

Chiàn-cheng kòe-khi à
Keng-kah iáu sio-lō
Siūⁿ khí siâu-lú sī
Thâu-chang phoah keng-kah

20 tang hêng-kun
Chít sì-lâng kan-khó
Chhiūⁿ kó-jîn pó-thiⁿ
Kui sin lóng sī khī

Kā lí lám-tiâu-tiâu

Láng-á choân-choân chhi

Thiàⁿ-sioh keng-kah-thâu

Āiⁿ ài-chêng kòe-kiô

Tǵ-lâi lí sin-piⁿ

Kòe bân-têng chiàn-hóe

Kám-chêng hiah kî-biâu

Lán sio óa sio kêng

...

Tiong-pō' lâm-pêng, 1975/3/4

Hô-lâi, 1977/3

Siu-kái: 1993



Giók Pài

NGOC BAI

Giók Pài tī 1943 nî tī An-pài
séng Tìn-an koân chhut-sì.
Oát-lâm Chok-ka Hiáp-hōe
hōe-oân. Bat tít tiòh Oát-
lâm Kok-ka Bùn-gē Siúⁿ.

aslan

CHIÀN-SŪ Ê BÔNG

MỘ NGƯỜI CHIẾN SĨ

30 tang lâi lí tó-tĩ kớ-nớ ê chhiū-nâ lâi-té
 30 tang lâi chhiū-hiòh sap-sap-á iā tĩ lí ê bông--lìn
 Bô bông-pâi, bô miâ sèⁿ
 Kan-taⁿ, m̄-kam lí ê chhoan-bîn kã lí liam-hiūⁿ

Tèk-jîn tĩ siông-ngô chhiū-kha kã lí thâi--sí
 Lí kap siông-ngô chò-hóe tiòh-chhèng
 Lí âng-kì-kì ê hoèh siáp-jíp-khì thò--lìn
 Hiàn-chhut lí ê sèⁿ-miâ kò lán chhùi-chhiⁿ ê chhân-hng

Lâng bô miâ, hoe-chháu m̄ bô miâ
 Chit chhok thò iā tĩ chiòh-thâu téng-bîn
 Chhiū-hiòh-á ơ kah bē-su bô-bîn ê bák-kho
 Chhin-chhiūⁿ su-liām ê bák-chiu it-tít nih

Kap lí kăng sī-tāi ê chiàn-sū í-keng lâu-khok-khok
 Keng-kòe bû-sò ê chiàn-iáh thâu-mô lóng pèh-chhang-chhang
 Chiàn-sū in khiã-thêng-thêng chhin-chhiūⁿ tú thiⁿ ê chhiū-châng
 Lí iû-goân chhùi-chhiⁿ, ná sin hoat-íⁿ

Tī lí bōng-thâu tiám 1 ki huiⁿ
Hong sūn kó-nó ê chhiū-nâ táuh-táuh-á poe
Hong sūn su-liām ê jîn-seng bî-bî-á chhoe
Tī chit-tè góa thiàⁿ-sioh ê tó-tōe

1982/4





Chhiu Phùn

THU BỒN

Chhiu Phùn pún-miâ sī
Hô Tek-tiong, 1935/12/1
tī Kńg-lâm séng chhut-sì,
2003/6/17 kòe-sin. Oát-
lâm Chok-ka Hiáp-hōe
hōe-oân. Bat tít tiōh Ô Chì-
bêng Bún-gē Siúⁿ.

asian

KENG-KÒE A-BÚ Ê KÒ-HIONG

QUA QUÊ MẸ

Chit tiâu khe tò-pêng ê hōaⁿ teh chhau-hoân chiàⁿ-pêng ê hōaⁿ
 Góa khiā-tī chit tah, sî-kan tit-chiap phak tī bîn-bah
 Keng-kòe a-bú ê kò-hiong soah bô-hoat-tō sūn-sòa khi khòaⁿ i
 Khe-chúi oan-oan khiau-khiu, hiông-hiông piàn-sêng Hân-kang¹

Péh-sek ê hái-chiáu poe seh kúi-á pah lîn
 Nng ki sít-kó kiông-jūn chhin-chhiūⁿ góa ê jîn-seng
 Âm-mê hiông-hiông kàng-lîm, chàu-kha teh tâng tiáⁿ-chàu
 Tàk liáp chhiⁿ lóng chiú tī hng-hng ê ú-tiū

Chiah eh ê só-chāi lí kám bat lâi--kòe
 Chhin-chhiūⁿ chiàn-tiūⁿ ê kha-lō
 Góa kiò-sī éng-oán bē hông bán--lōh-lâi
 Chhin-chhiūⁿ lí ê chhui-tūn hit khoán chāi-châng-êg ê phang-tiⁿ

Keng-kòe pêⁿ-iūⁿ thiaⁿ tiòh chhin-chhiat ê koa-siaⁿ
 Sék-sāi kah éng-oán bē chheⁿ-hūn
 Sék-sāi kah múi 1 pái lōh-hō lóng ak tâm--khì
 Jit-thâu kám kâ lí ê thâu-mơ phak ta á?

1. Êk-chiá chù-kái: Oát-lâm tiong-pō Đà Nẵng ê 1 tiâu khe-á ê miâ.

Góa ê kò-hiong hái pí chúí khah chē
 Hái-éng chhèng chiūⁿ thiⁿ-téng, siap-lòh-khì chhim-chhim ê
 thô-té

Hái-hong thau--lâi, siàn--tiòh góa iau-ki ê òng-bāng
 Thian-chín sūn-kiat ê goân-thâu, lí ê bák-chiū tī tó-ūi?

Hái-chúí teh khó-lâu
 Chit tiâu khe chit sì-lâng mã jioh bē-tiòh
 Hia-ê chúí-chhiâng tui thiⁿ hán-hoah
 Chheng-ni ê hūn-lúi kâng-khoán tī thiⁿ-téng

Chiáu-á chiuh-chiuh kiò, hong mã leh ngiā-chiap
 Góa heng-khám khang-khang chhin-chhiūⁿ bô m̄g ê chhù
 Sim-koaⁿ sio kah bē-su iām-joáh ê hóe-thòahⁿ
 Chhèng koân, kā kui ê thiⁿ sio kah iūⁿ-kô-kô

Tī lí ê hūg-á, goéh-niū kâng-khoán hiah iⁿ
 Lí ê bīn-iōng lóng sī goéh iⁿ
 Lí mài koài góa sī hong
 Éng-oán tòe lí ê hēng-chong



Hui Kīn

HUY CẬN

Hui Kīn, 1919 nî 5 goèh 31
tī Hô-chēng séng Hiong-san
koān Un-hók chhoan chhut-
sì, 2005 nî 2 goèh 19 kòe-
sin. Oát-lâm Chok-ka Hiáp-
hōe hōe-oân. Bat tit tiōh Ô
Chì-bêng Bùn-gē Siúⁿ.

aslan

KHE-CHÚI TNG CHHOAH-LÂU

TRÀNG GIANG

Khe-chúi tng chhoah-lâu, sim cho-cho
 Chûn-chiah pòe khui chúi-éng hiòng chiân kiâⁿ
 Chûn khò-hōaⁿ, sim-thâu iáu sng-sng
 Chhiūⁿ chít ki hoan-á-hóe, kò-kò toaⁿ-toaⁿ phû chúi-bĩn

Léng-léng chheng-chheng ê hong chhoe kòe soa-po'
 Hng-hng thoân lâi chng-thâu hông-hun chhi-tiūⁿ ê koaiⁿ-mng
 siaⁿ
 Hông-hun ê kò-hiong hām khiā theng-theng ê thiⁿ
 Khe-chúi tng chhoah-lâu, bû-hān ê tē-pêng-sòⁿ, kò-toaⁿ ê pò-
 hōaⁿ

Hia-ê chúi-phiô beh phû khi tó-ūi?
 Chhoah-lâu ê khe-chúi, hām chít chiah tō-chûn mā bô
 Liên-hē lán kám-chêng ê chûn mā bô
 Kan-taⁿ ũ chhui-chhiⁿ ê chháu-po' hām thō-soa-po'

Tēng-tēng tháh-tháh ê hûn kauh chò gín-soaⁿ
 Kò-toaⁿ ê chiáu-chiah pòe hông-hun kàng-lĩm
 Chhoah-lâu ê khe-chúi sĩ kò-hiong ê sim-thiâu
 Bô chàu-kha hóe-hun ê hông-hun mā ē su-liām kò-hiong



Nông Kok-chìn

NÔNG QUỐC CHẨN

Nông Kok-chìn (1923-2002),
pún-miâ sī Nōng Būn-
khêng. I sī Pak-khiân séng
Gîn-san koân ê lâng. Oát-
lâm Chok-ka Hiáp-hōe hōe-
oân. Bat tit tiōh Ô-chì-bêng
Būn-gē Siúⁿ.

asian

SU-LIÂM

NHỚ

...Teng su-liâm sáng
Teng bẽ hoa...
(koa-iâu)

Khe su-liâm sáng
Lâu lâu koh lâu khi
Bô mê koh bô jít
Tiām-tiām bẽ oàn-thàn

Chiáu-chiah su-liâm sáng
Poe lâu koh poe khi
Âng-hâ kap jít-kng
M̄-kiaⁿ lō-tō h̄ng

Koe-lèh su-liâm sáng
Hō lâm koh jít phak
Pôe lí kiāⁿ h̄ng lō
Bẽ kō-hū kià-thok

Thâu-kín su-liâm sáng
Sim-thâu loãn-hun-hun

Si-sòaⁿ bē thè-sek
 Phoah tī thâu-chang téng

Gû-lê su-liām siáng
 Chá-àm teh lê-chhân
 Chúí-gû keng-kah-thâu
 Kî-thāi lāi hong-siū

Khôe-siⁿ su-liām siáng
 Chhiūⁿ iáh-á leh poe
 Hong bì-bi-á chhoe
 Sim-chêng hó bē thòe

Teng-hóe su-liām siáng
 Kui-mê lóng m̃-khùn
 Bák-chiu kim-kim siòng
 Hong-tiong chit pha hóe
 Siáng teh siūⁿ tō siūⁿ
 Siáng beh khi tō khi
 Chiàn-tiūⁿ ê chhèng-siaⁿ
 Sèng-lī hôe kò-hiong!

06

Lîm Sî Bí Iă

LÂM THỊ MỸ DẠ

Lîm Sî Bí Iă, 1947/9/18 tĩ
Kóng-pêng séng Lē-chúi koăn
chhut-sì. I ê lâu-pē sī Oát-lâm
ê Hôa-jîn, lâu-bó sī Sùn-hòa-
lâng. Oát-lâm Chok-ka Hiáp-
hōe hōe-oân. Bat tióh-tiôh
Kok-ka Bûn-gê Siúⁿ.

aslan

|| THIⁿ, CHÀ-TÔAⁿ-KHANG

KHOẢNG TRỜI, HỒ BOM

Thiaⁿ tiòh kò-sū: lí, khui lō̃ ê siàu-lú
 Hit ê àm-mī, ūi-tiòh pī-bián lō̃ hāi--khì
 Thang hō̃ chhia-tūi kóaⁿ chiūⁿ chiàn-tiūⁿ
 Lí iōng tui chók-kok ê ài ká hóe-pèh tiám hō̃ tòh
 lōng sin-khu té-khòng kui liáp chà-tôaⁿ ê pòk-chà

Goán tan-ūi hêng-kun kiâⁿ kòe sió-lō̃
 Tú-tiòh hit ê khang kóng tiòh siàu-lú ê kò-sū
 Chit ê bōng, chhiah-iāⁿ ê jít-thâu-kng iā tī bōng-thâu
 Tui lí ê keng-gióng chhiūⁿ jít-thâu...

Góa liáh hit ê thài-lâng ê khang kim-kim siòng
 Hō̃-chúi í-keng lúi-chek chò sió-siό̃ ê thiⁿ
 Lán ê chók-kok chiaⁿ chū-siòng
 Ū hō̃-chúi an-tah thiàⁿ-thàng ê hūn-jiah

Lí tó tī thō̃ lín
 Tī thiⁿ-chhiⁿ pōe-phōaⁿ hā an-hiōh
 Thiⁿ-chhiⁿ sī lí ê lēng-hūn
 Tāk kang sih--leh sih--leh

Kám-sī lí iù-mī-mī chheng-péh ê bah-thé
 Í-keng piàn-sêng pèh-phau-phau ê hùn-lúi?
 Hó-thiⁿ ê sī, kui ê thiⁿ-téng kng-iāⁿ-iāⁿ
 Keng-kòe lí ê thiⁿ
 Jít-thâu chìn hiau-pai
 Sī jít-thâu iáh-sī lí ê sim
 Kā góa chhiō lō̍
 Hō̍ góa kè-siōk kiāⁿ tiàu-oán ê lō̍?

Lí ê miâ hông lâu lōh-lâi chò lō̍-miâ
 Lí ê sí í-keng chiāⁿ-chò thiⁿ-téng ê pèh-hùn
 Góa khòaⁿ tiōh góa ka-tī tī lí ê seng-oáh lìn

Lí ê bīn-iông, goán pêng-iú lóng bô sèk-sāi
 Sô̍-pái ták-lâng lóng ũ sióng-siōng ê lí

Tng-soaⁿ, 1972/10



Chhun Biâu

XUÂN DIỆU

Chhun Biâu, pún-miâ Ngô
 Chhun-biâu, 1916/2/2 tī
 Pêng-tēng séng Sui-hok koân
 chhut-sì. Goân-chék sī Hô-
 chēng séng Kan-lók koân. I
 tī 1985/12/18 kòe-sin. Oát-
 lâm Chok-ka Hiáp-hōe hōe-
 oân. Bat tiòh-tiòh Ô-chì-bēng
 Bùn-gē Siúⁿ.

GOEH-KHÎM

NGUYỆT CẨM

Goèh-kng chhiō tī léng-léng ê goèh-khîm
 Goèh thiàⁿ-sioh, goèh su-liām, goèh sùn-kiat
 Khîm ut-chut, khîm tiām-chēng, khîm bân tōaⁿ
 Khîm-siaⁿ ká-ná bák-sái liàn bē-lī

Thiⁿ chheng-chheng, hûn pòh-pòh, àm-iā chhiūⁿ po-lê
 Iau-kiau ê hêng-iaⁿ io-lâi-iô-khì
 Koa-siaⁿ sò ai-pi
 Niū-kiáⁿ tī goèh-îⁿ àm-mī thiàu káng chū-sat

Chhiu-thiⁿ ê goèh koh khah îⁿ
 Khîm-siaⁿ ná peng-chúi, án-niâ-ôe!
 Goèh-khîm siaⁿ-siaⁿ sò ai-pi
 Goèh-kng chhiō chú-i-bīn, gák-khek hōi lāng bák-sái pòe bē-lī

Sì tōaⁿ gák-khek: chhiūⁿ chú-i-chiⁿ hái
 Góa ê lêng-hûn chhiūⁿ chit chō pha-hng ê kō-tó
 Thian kàng tàng sng, chhim-iā kìm-khùi
 Thiaⁿ tiòh im-gák, iu-chhiūⁿ kàu khoe-chhiⁿ

**Hoan Chìn-út*****PHẠM TIẾN DUẬT***

Hoan Chìn-út 1941/1/14
chhut-sì, 2007/12/4 kòe-
sin. I goân-chék sī Hok-siū
séng. Oát-lâm Chok-ka Hiáp-
hōe hōe-oân. Bat tit kòe Ô
Chì-bêng Bùn-gē Siúⁿ.

aslan

TÌ TŨNG-SOAN Ê NŨNG-PÊNG

TRƯỜNG SƠN ĐÔNG TRƯỜNG SƠN TÂY

Kâng-khoán tì Tũng-soanⁿ chhiũ-nâ kòa tiàu-chhng
 M̄-koh nũg-lâng tì tiàu-oán ê nũg thâu
 Chhiũⁿ chiàn-tiũⁿ ê lǝ, chit chũn tng súi
 Tang-pêng Tũng-soanⁿ siàu-liām sai-pêng ê Tũng-soanⁿ

Tũg-tũg ê soanⁿ-meh, nũg khoán hũn-sek
 Chit pêng lǝh-hǝ, hit pêng chhut-jit
 Chhiũⁿ góa hām lí, chit lām chit pak
 Chhiũⁿ chhiũ-nâ ê tang-pêng hām sai-pêng

Góa tì Tũng-soanⁿ ê sai-pêng kiāⁿ, sim-bũn lí
 Lí hĩa kǝu hǝ-chúi, sĩ kng bí ê sió-lǝ
 Chhiũ-nâ bǝng kǝu, ài ē-kì-tit chhẽng tũg-ńg
 Chhài bǝ à, beh tek-sún bǝ?

Góa thiāⁿ-sioh lí chiú tì kǝaⁿ--lâng ê sai-pêng
 Khe-chúi ta-ta, iǝh-á tì chiǝh-thau tẽng poe
 Lí chai-iǝⁿ góa sahⁿ tiǝh chit ê chheⁿ-hũn ê só-chǝi
 Mã hoǝn-ló góa beh ǝn-chóaⁿ tòng tẽk-jĩn ê chà-tǝaⁿ

Góa chiūⁿ-chhia, hō chìn tōa-chūn
 Hō-sut-á kā su-liām póa-tiâu
 Lí lóh-soaⁿ, jít-thâu chhiah-iāⁿ-iāⁿ
 Chhiū-ki póa-khui sim-būn

Tang-pêng kàu sai-pêng m̄-sī sàng phoe ê lō
 Sī leh poaⁿ-ūn chhèng-ióh hām niū-sit
 Tang-pêng ê Tng-soaⁿ, hoah “chún-pī” ê chheⁿ-saⁿ siáu-lú
 Sai-pêng ê Tng-soaⁿ, chhēng chheⁿ-sek kun-hók ê pō-tūi

Ùi lí hia kàu góa chia
 Goán kun-thoân, sio-sòa chiūⁿ chiàn-tiūⁿ
 Chhiūⁿ ài-chèng tìⁿ-bít ê ôe kóng bē soah
 Tang-pêng Tng-soaⁿ chiap sai-pêng



Kng Lóng

QUANG DŨNG

Kng Lóng pún-miâ Pôe Têng-iám, 1921 nî tī Tan Hông koân (chit-má Hô-lāi) ê Hông Tī chhoan chhut-sì, 1988 nî kòe-sin. Oát-lâm Chok-ka Hiáp-hôe hōe-oân. Bat tit kòe Kok-ka Bùn-gē Siúⁿ.

aslan

SE CHÌN

TÂY TIẾN

Má khe² lú lăi lú hng, se chìn!

Su-liâm san-lîm, bông-bông biáu-biáu

Khā bông, kun-thoân tī Sai Khao³ chū-iâⁿ

Tī Muong Lat⁴ ê bũ-iã ũ chūn-chūn ê hoe-phang

Chit chūn chiũⁿ kiā, chit chūn lỏh kiā

Tī hũn-hái lìn, chhèng-ki tú tiỏh thiⁿ

Peh soaⁿ-kiā, lỏh soaⁿ-niá

Hng-hng lỏh-hỏ ê Pha Luong⁵ sī siáng in tau

Hoeh-chúi iáu teh chháp-chháp-tih, chiàn-iú bô chài-tiâu kiāⁿ

Hiông-hiông phak tī chhèng-ki kun-bỏ téng

Chò i khì, bô saⁿ-sĩ

Chúi-chhiang ták-kang háu

Muong Hich⁶ ê bég hó ták-mê kă lằg hẻ-kiaⁿ

Se chìn, sio-hut-hut ê png! Siàu-liâm!

Mũi Chiu⁷ koãn chút-bí-png phang-kỏng-kỏng ê kùi-chiat

2. Ẽk-chiá chũ-kái: 1 tiâu khe ê miã, tĩ Oát-lâm hãm Liâu kok ê pian-kài.

3. Ẽk-chiá chũ-kái: Chheng-hòa séng ê 1 ê chng-thâu.

4. Ẽk-chiá chũ-kái: Chheng-hòa séng ê 1 ê tẻ-miã.

5. Ẽk-chiá chũ-kái: Chheng-hòa séng ê 1 ê soaⁿ miã.

6. Ẽk-chiá chũ-kái: Oát-lâm Hỏ-pẻng séng 1 ê só-chài ê miã.

7. Ẽk-chiá chũ-kái: Oát-lâm Hỏ-pẻng sẻn ê koãn.

Hóe-péh kã àm-hōe ê iâⁿ-hóe ín tòh
 Lí tang-sí òaⁿ chit-su lé-hók
 Phín-á-siaⁿ pōe-phōaⁿ bìn-âng-âng ê lí
 Gák-siaⁿ chhin-chhiūⁿ teh chò-băng ê Vieng Chan⁸

Bông-bū tiong khi Moc Chau ê lāng
 Kám ũ khoàiⁿ hōaⁿ-piⁿ ê koaⁿ-bang
 Kám ũ hoài-liām báng-kah téng-thâu ê hêng-iáⁿ
 Sūn khe-lâu ê hoe-lúi

Se chìn kun-thoan ták-ê lóng lak thau-mo'
 Chhiūⁿ chhiū-á hiah chheⁿ, chhiūⁿ hó hiah bég
 Goán kã băng-sióng aiⁿ kòe pian-kài
 Ták àm kã Hô-lai⁹ lám leh khùn

Hng-hng sì-kè lóng sĩ bông
 Bô sioh chheng-chhun chiūⁿ chiàn-tiūⁿ
 Chháu-chhiòh chò siū-i, hōe-kui chū-jiân
 Khe-chúi chhoah-lâu chhiūⁿ tók-hêng-khek

Se chìn peng-á m-káⁿ kóng chàì-hōe
 Hiám-ok ê lō-tô chhin-chhiūⁿ saⁿ-sí
 Hit nī ê chhun-thiⁿ, siáng se chìn
 Lêng-hún lâu tī Sam Nua¹⁰ thaⁿ-hiong-gōa-lí

Phù Lưu Chanh¹¹, 1948

8. Êk-chiá chù-kái: Liâu kok ê siú-to.

9. Êk-chiá chù-kái: Oát-lâm siú-to.

10. Êk-chiá chù-kái: Liâu-kok ê 1 ê siāⁿ-chhi.

11. Êk-chiá chù-kái: Oát-lâm Hô-lâm séng ê 1 ê chng-thau.



Pôaⁿ Châi Thoân

BÀN TÀI ĐOÀN

Pôaⁿ Châi Thoân (1913-2007), pún-miâ Pôaⁿ Châi Soan. Goân-chèk Soan-kong séng soaⁿ-iông koân ê lāng. Oát-lâm Chok-ka Hiáp-hōe hōe-oân. Bat tit kòe Kok-ka Bûn-gē Siúⁿ.

aslan

Ô PEH-KONG Ê IÂM

MUỐI CỦA CỤ HỒ

Biâu-chòk-lâng chá-chêng tãi tãi kiáⁿ-sun
 Tĩ Dong Van soaⁿ-tég sàⁿ-chhih iau pak-tó
 Giáh-thâu khòaⁿ sĩ koân tú thiⁿ ê soaⁿ
 Àⁿ-thâu khòaⁿ sĩ chiòh-thâu tú chiòh-thâu
 Kā chí iā tĩ chiòh-thâu phăng
 Kan-taⁿ hoat-íⁿ soah m̃ khui-hoe
 Gín-á háu beh chiáh chham iâm-hoe ê p̃ng
 A-bú thái ũ iâm?
 Lí m̃-thang háu, a-bú kā gín-á an-tah
 Lín lâu-pē ē hiahⁿ chhâ khì chhī-tiūⁿ ōaⁿ iâm
 Lí mài háu, thiaⁿ a-bú ē ōe
 A-pa nā ōaⁿ iâm tng-lâi, kan-taⁿ tĩ ùn iâm m̃ piàn san-tin hái-bĩ
 Phah-khui sĩⁿ-sĩⁿ-soáihⁿ-soáihⁿ ê m̃g
 Chìn hoaⁿ-hí khòaⁿ tiòh a-pa tng-lâi
 Gín-á m̃g: kám ũ iâm? Lâu-pē hòiⁿ-thâu
 Bô kàu chíⁿ, lêng m̃ bē
 Ng-bāng soah piàn sit-bōng
 Gín-á kui bĩn bák-sái póc bē-lĩ
 Lâu-pē liáh gín-á khòaⁿ, m̃-chai beh án-chóaⁿ

Kàu kah bô ték-jîn ê hui-hêng-ki iāⁿ-iāⁿ poe ê jít-chí
 Hoat-kok-peng ùi Hô-kang séng thiat-thè
 Chít ê sio-loah ê chái-khí
 Jít-thâu-kng chhiō tī kui ê chng-thâu
 Ū chít-ê chheⁿ-hūn-lâng lâi lán chia
 Sin-khu chhēng thō-sek ê saⁿ
 I kóng ê ôe, a-bú thiaⁿ bô
 I pài-hóng sàh-chhiāh ê ka-têng
 A-bú m̄g: lí ùi tó-ūi lâi?
 Jíp-lâi hông tê lah
 Chheⁿ-hūn-lâng chhiò-chhiò-á ìn
 Goá sī Ō peh-kong ê kàn-pō'

 Chū hit chūn khai-sí
 Chhī-tiūⁿ ke chin-chē hòe
 Ū-ê bē iām, siók-siók-á bē
 Ū-ê bē ták khoán pò-liāu
 Ō peh-kong chah saⁿ lâi, ták-ke chhēng
 Ō peh-kong chah iām lâi, ták-ke chhiāh
 Lí chhōa goán chò-hóe khui lō'
 Khui chít tiâu lâi Dong Van ê tōa-lō'
 Hō khah chē chia chà khah chē iām
 Lán Biâu-chók-lâng tō m̄-kiaⁿ sàh-chhiāh

**Nguyễn Khoa Tiām****NGUYỄN KHOA ĐIỀM**

Nguyễn Khoa Tiām, tī 1943/4/15
chhut-sì. Goân-chèk Sūn-hòa
Chúi-an siā ê lâng. Oát-lâm
Chok-ka Hiáp-hōe hōe-oân.
Bat tit kòe Kok-ka Bùn-gē
Siúⁿ.

aslan

HIA Ê KOA, LÕ'HÂM LÂNG

NHỮNG BÀI HÁT, CON ĐƯỜNG VÀ CON NGƯỜI

Hit kóa bô-lâng koh chhiùⁿ ê koa
 Tĩ góa ê chhui-tũn ká-ná bĩ-bĩ-á hong lóng sì-sòaⁿ à
 Hông-hun, lõ-piⁿ ê chháu lóng thâu-lê-lê
 In-ũi thiàⁿ-sioh, koh tiám 1 pèh hóc
 Hit kóa bô-lâng koh chhiùⁿ ê koa
 Tĩ góa ê chhui-tũn ká-ná bĩ-bĩ-á hong lóng sì-sòaⁿ à

Hit kóa bô lêng koh kiâⁿ ê sió-lõ
 Í-keng hòa chò góa ê hoeh-méh
 Góa thiaⁿ tiòh chiàn-iú ê kha-põ-siaⁿ
 He chiàn-hóc lăi-té ê sió-lõ
 Hit kóa bô lêng koh tng-khì ê sió-lõ
 Í-keng hòa chò góa ê hoeh-méh

Hit kóa bô lêng koh khoàiⁿ ê bĩn-iông
 Í-keng kă siông-bóc ê tâng-tàⁿ khng tĩ góa ê keng-kah-thâu
 Hit kóa ta-sán koh lōng-băn ê bĩn-iông
 Chhiũⁿ hit phiàn chhiũ-nâ í-keng siók lán ê
 Hit kóa bô lêng koh khoàiⁿ ê bĩn-iông
 Tng teh hăm góa hiáng-siũ kui-ê chheng-chhun...

**Chè Heng*****TẾ HANH***

Chè Heng, 1921/6/20
chhut-sì, 2009/7/16 kòe-
sin, goân-chèk Kóng-gí séng
Pêng-san koân ê lâng. Oát-
lâm Chok-ka Hiáp-hōe hōe-
oân. Bat tit kòe Ô Chì-bêng
Bûn-gē Siúⁿ

aslan

HONG-THAI

BÃO

Hit pái hong-thai mê
 Chhiū-oe t̄ng liáu liáu
 Khan lí ê chhiú
 Chò-hóe kòe lō̍

Hong-thai chá tō lí-khui
 Chhiū-châng mā hoe-hók chheⁿ-chhùi
 M̄-koh lí soah oán lí

Góa sim-koaⁿ-lāi ê hong-thai bē pêng-chēng

aslan

1957



Tân Lêng-ô'

TRẦN NINH HỒ

Tân Lêng-ô' pún-miâ Tán Iú-hí, 1943 nî tĩ Pak-kang séng chhut-sì. Oát-lâm Chok-ka Hiáp-hōe hōe-oân. Bat tit kòe Kok-ka Bùn-gē Siúⁿ.

aslan

SIÀU-LIÂM ANG-SÀI

VIÊNG CHÔNG

- Só--á...

Kan-nā ē-sái kóng kàu chia

Chhōa lō ē peng-á hiông-hiông âu-tīⁿ

Ōe án-nóa tō kóng bē-chhut-chhùi:

- Lí ē hoe khng m̄-tiòh pêng à

I ē bōng sī tò-pêng chit-ê

Só--á ùi kò-hiông chah chit-sok hoe lâi niâ

Lêng-gōa hit-ê bōng goán ē chhú-lí!

- Góa liáu-kái ah

Tō hō góa kà hoe khng tī chit-ê bōng-thâu

Kui-ê chhiū-nâ kan-taⁿ nng ē bōng niâ

Góa seng-lé í-keng khoán hó à!

**Si Hong****THI HOÀNG**

Si Hong pún-miâ Ng Bùn-pō,
1943/5/25 tū Hái-hông chhī
Éng-pó koân chhut-sì. Oát-
lâm Chok-ka Hiáp-hōe hōe-
oân. Bat tit kòe Kok-ka Bùn-
gē Siúⁿ.

aslan

CHHIŪ-Á HĀM THIⁿ CHI-KAN

Ở GIỮA CÂY VÀ NỀN TRỜI

Ká-ná m̄-bat ũ chit khoán ê e-pơ
 Thiⁿ chheng-chheng, hūn pòh-pòh
 Chhiū-á chheng koân chhiūⁿ teh hām thiⁿ pí koân-kē
 Chhiūⁿ bóe chò i puh sin íⁿ

Lán ê jít-chí ē lú lāi lú hó kòe
 Tāi-chū-jīn hām lán tàu-tīn chin úi-tāi
 Chhiū-hiòh sáh-sáh-kiò chhin-chhiūⁿ a-bú ê oe
 Khoah-bóng-bóng ê thiⁿ chhin-chhiūⁿ lâu-pē

M̄-thang bē kì bīn-tùi tèk-jīn ê sĩ-chūn
 Mài kā jīn-seng tòng-chò hái lín ê pho
 Chheⁿ-lín-lín ê san-līm kā lán thē-chhiⁿ
 Oát-lâm chhui-chhiⁿ ē ũi lán chūn-chāi

Koah-bóng-bóng ê thiⁿ chiah nih nā
 Chhiū-á ũi-tiòh seng-chūn tiòh oan-khiau tiòh hoat-íⁿ
 Jít-thau-kng chiah jiát-chêng
 Tī chit ê ũ jīn-jī ē e-pơ

Góa thiaⁿ ũ lāng teh hoah-hiu ê siaⁿ...



Chèng Lú

CHÍNH HỮU

Chèng Lú pún-miâ Tân
Têng Tit, 1926/12/15 tĩ Gĩ-
an séng Êng chhĩ chhut-sì,
2007/11/27 kòe-sin. Goân-
chék Hô-chèng séng Kan-lòk
koân. Oát-lâm Chok-ka Hiáp-
hōe hōe-oân. Bat tit kòe Ô-
Chì-bêng Bùn-gē Siúⁿ.

TÔNG-CHÌ

ĐỒNG CHÍ

Lí ê kò-hiong chúí kiâm thōi sng
 Góa ê chng-thâu sànn-chhih, thōi péng--khí-lâi lóng sī chhui-chhiòh-á
 Lí kap góa chheⁿ-hūn ê 2 ê lāng
 M̄-chai tui tó lâi, ũ-iân tī chia sèk-sāi
 Chhèng tú chhèng, thâu óa thâu
 Hân-iā kah kâng 1 nía mī-phōe, chiāⁿ-chò ti-kí
 Tông-chì!

Chhân-hng lí kià pēng-iú chēng-choh
 Kù-chāi hong-hō chauh-that ê khang-chhù
 Kó-chéⁿ, chhēng-á, siàu-liām chò-peng ê lí
 Lí góa chò-hóe keng-kòe kōaⁿ-thiⁿ
 Hoat-sio kah phih-phih-chhoah
 Hiáh-thâu piāⁿ chhìn-kōaⁿ

Lí ê saⁿ tī keng-kah-thâu phòh-lang-lang
 Góa ê khò mã pǒ kah lóng khang
 Tō sng ka-léng-sún, mã tiòh chhui-á chhiò chhiò
 Siang kha bô ê, kan-taⁿ kha tǎh sít-tē
 Lán chhiú khan chhiú, hō-siōng thiāⁿ-sioh!

Eng-àm iá-gōa sng tàng
 Lán sin-khu sio-óa tng tèk-jín
 Goéh-niú tiâu tī chhèng ê téng-thâu



16

Sồ Íú

TỔ HỮU

Sồ Íú pún-miâ Ng Kim Sêng,
1920 nî chhut-sì, 2002 nî
kòe-sin. Goân-chèk Sūn-hòa
séng Kóng Tiân koān ê lāng.
Goân-chèk Hô-chēng séng
Kan-lòk koān. Oát-lâm Chok-
ka Hiáp-hōe hōe-oân. Bat tit
kòe Ô Chì-bēng Būn-gē Siúⁿ.

aslan

UI HIT TANG-CHŪN

TỪ ẤY

Ủi hit tang-chūn góa sim-koaⁿ-thâu ê jít-kng tóh--khí-lâi
 Chin-lí ê jít-thâu chin kng-iāⁿ thàng kòe góa ê sim-koaⁿ
 Góa ê lêng-hûn chhin-chhiūⁿ hoe-hûn
 Lóng sī hoe-phang, sì-kè chiáu-chiah...

Kā ka-tī ê sim hām chêng-lâng kat sio-óa
 Hō góa ê jiát-chêng sì-kè thòaⁿ
 Hō góa ê lêng-hûn hām kan-khó-lâng sio pàng-phōaⁿ
 Saⁿ-kap hū-chhi bē thoa-bôa

Góa í-keng sī kui bân kháu-châu ê kiáⁿ
 Chiáⁿ chò kui bân lêng ê sió-tī
 Chiáⁿ chò kui bân lêng ê a-hiaⁿ
 Chiah-chhêng lóng bô, sì-kè liū-lông...



Tân Teng-kho

TRẦN ĐĂNG KHOA

Tân Teng-kho, 1958 nî tī
Oát-lâm pak-pō Hái-iûⁿ séng
chhut-sì. Hiân-chhú-sī Oát-
lâm Chok-ka Hiáp-hōe ê hù-
hōe-tiúⁿ. Bat tit-kòe Kok-ka
Bûn-gē Siúⁿ.

aslan

CHÚI-PENG Ê CHÈNG-PHOE

THƠ TÌNH NGƯỜI LÍNH BIỂN

Góa tòe tōa-chûn chhut-phâng
 Pèh-hûn sī thiⁿ-téng ê phâng
 Lí-khui ê sī, góa tī káng-piⁿ sàⁿ-pō
 Hái chit pêng, lí hit pêng

Hái-pho-lông kún-ká, lí soah chiaⁿ un-jiū
 Lí ká-ná teh kóng siáⁿ, koh bí-bí-á chhiò
 Góa ká-ná sī chûn-chiaⁿ, tī hái-éng tong-tiong siám-chhōe
 pêng-chēng
 Hái chit pêng, lí hit pêng

Mī-á-chài, mī-á-chài, tng tōi-chhiⁿ tiān-hóe siám-sih
 Góa chûn tī hng-hng ê thiⁿ-chhiⁿ pōe-phōaⁿ hā pha-tiāⁿ
 Bông-bông ê tãi-hái, sim-lāi ũ lí góa tō bē kō-toaⁿ
 Hái chit pêng, lí hit pêng

Chó-kok ê khó-lân iáu bōe pêng-chēng
 Hong-thai mā bē in-ùi chhēng môa-saⁿ tō lāi tiām-chēng
 Góa kò-mê. Thàu-mê. Pha-hng ê tó-sū.
 Hái chit pêng, lí hit pêng

Hái hit-pêng ê thiⁿ-téng ē hoān-sè bô lí
 Mā bô hái. Kan-taⁿ chhun góa hām chháu-po
 Sui-bóng án-ne, góa iáu ē-kì--chit
 Hái chit pêng, lí hit pêng...



18

Ng Tek-bō

NGUYỄN ĐỨC MẬU

Ng Tek-bō, 1948 nî tī Lâm-hô séng Lâm-lêng koān chhut-sì. Goân-chhek Lâm-tēng séng Lâm-tit koān. Oát-lâm Chok-ka Hiáp-hōe ê hōe-oân. Bat tit-kòe Kok-ka Bùn-gē Siúⁿ.

aslan

|| Ū HÓE-KIM-KO'Ê CHHIŪ-NÂ

CÁNH RỪNG NHIỀU ĐOM ĐÓM BAY

Àm-mĩ. Goán tan-ũi tī chhiū-nâ lāi tau hioh-khùn. Ū lāng tī ta--khì ê khe-á lín ó 1 kháu chéⁿ. Chhùi-ta siuⁿ kú à, ták-ke khoàiⁿ chúí tō piàⁿ-miā koàn. Kam-tiⁿ ê chúí hō goán ta-lian ê bah-thé koh oah--khí-lāi. Thái ē chai, hit kháu chéⁿ lāi-té kóng ū lāng ê si-thé. Hit àm tah-bū, ū chín chē hóe-kim-ko' teh sih, ká-ná bîn-bāng.

Góa ùi tiâu-chhng thiàu lóh-lāi, kā chhèng phāiⁿ leh, khì tit-pan. Tī àm-mĩ ê chhiū-nâ kiāⁿ-sóa, hiông-hiông that-tiòh àu--khì ê mih-kiāⁿ, koh ū tòng-bē-tiâu ê chhàu-bī. Hoān-sè sī hông tōaⁿ-tiòh ê lók-á? Góa án-ne ioh. Tít-pan soah góa kè-siòk chiú tī tiâu-chhng khùn. Hit àm kui chhiū-nâ lóng sī hóe-kim-ko', ká-ná teh khùn, koh ká-ná teh hām-bîn. Góa m-chai chhiū kha ê káu-hiā tī si-thé ó-khang sī hām-bîn iah-sī chín-sít?

Keh-kang thàu-chá, āu-khîn--ê teh iúⁿ-chúi chú-png ê sī hoat-hiān 2 ê cha-bó-peng ê si-thé. Goán kui chơ chhut-tōng tī chiòh-thâu phāng iah chhiū-châng lāi-té koh chhōe tiòh 3 ê cha-pò-peng ê si-thé. In sin-khu piⁿ ū bô-siaⁿ ê bô-sòaⁿ-tiān hām tiān-sòaⁿ. In eng-kai sī thông-sìn-peng khì hông châu--khì. Goán tō ó 5 ê khang kā in tâi--leh.

Chiàn-cheng í-keng soah, góa tang-sî ũ ki-hōe tóg-khì
Tng-soaⁿ hia khòaⁿ khòaⁿ leh? Hia ũ góa chhin-chhùi lim
tiòh ũ sí-lâng ê chéⁿ-chúi. Hia ũ káu-hiā bô mê bô jít teh
ó khang. Hia ũ iōng bák-sái hām thiàⁿ-thàng ó ê 5 ê bōng.
Hia ũ chin-chē hóe-kim-ko' teh poe ê chhiū-nâ.





Lê Sĩ-hùn

LÊ THỊ MÂY

Lê Sĩ-hùn pún-miâ Hoãn Sĩ
Soat Mí, 1948 nî tī Kóng-tī
séng Tiâu-hong koân chhut-
sì. Oát-lâm Chok-ka Hiáp-hõe
ê hōe-oân. Bat tit-kòe Kok-
ka Bùn-gē Siúⁿ.


 aslan

NG-BĂNG Ê GOEH-NIŨ KUI-CHEH

NHỮNG MÙA TRĂNG MONG CHỜ

Lí siá phoe kóng beh tng-lâi ah
 Goeh-niũ í-keng tī hia tán-thâi
 Hoe-lúi mã hiù phang-chúi
 Hùn-lúi mã piàn-sek kī-thâi

Goeh-niũ chhiâ-chhiâ
 Ká-ná hō hng-hng ê pòk-chà chùn--tiòh
 Oán-hong ê chùn-chiah mã tīm--khì
 Tī hiám-ok ê san-līm hit pêng

Lí chóng-sng phâiⁿ phâiⁿ-á tng--lâi
 Thian tē lóng ũi lí hoaⁿ-hí
 Góa hoaⁿ-hí kah pèh-chhang-chhang
 Chhiũⁿ jīt--sī ê goeh-niũ

Kui-ê goeh-niũ ê kui-cheh hām lí tàu-tin
 Góa chhiũⁿ thiⁿ-téng hiah siàu-liân
 Lí ê lám chín sio-loáh
 Chhùi-tún lóng sī piàn lāng khùn ê koa-khek

Mí-á-chài koh ài sio sàng
 Goéh-niû oan-khiau chhiūⁿ 1 liáp bí
 Iā-iā káu chheng liáp chhiⁿ
 Tih lóh sim-koaⁿ chhiūⁿ hóe-chhiⁿ

Ng-bāng, góa òg-bāng
 Goéh-niû... Súi ê bīn-iông
 Kng koh íⁿ, tíⁿ-tòe lí
 Kui-ê chiàn-tàu ê lō̍ lìn

1973 nî





Tân Lũn-bêng

TRẦN NHUẬN MINH

Tân Lũn-bêng 1944/8/20
 tĩ Oát-lâm pak-pō Hái-iũⁿ
 séng chhut-sì, hiãn-chhú-sĩ
 tēng-ki tĩ Kóng-lêng séng ê
 Hã-liông-oan chhi. Oát-lâm
 Chok-ka Hiáp-hōe ê hōe-oân.
 Bat tit-kòe Kok-ka Bùn-gē
 Siúⁿ.

asian

CHIOH MŨNG LEH...

CHO TA HỎI...

Chioh mŭng leh chhiū-á! Lí thái ẽ beh puh-íⁿ

Tō sng̃ chhun-hō jít-thâu lóng m̃ lâi

Iu-chhiū kâ tiām-chēng tīⁿ-tiâu-tiâu

Bóe-àm-á ẽ goeh-bâi lak tī khe-té

Chioh mŭng leh hóe-chhia! Lí thái ẽ thêng--lòh

Khui-khoah ẽ jîn-seng lú-tô, lí beh kiâⁿ khi tò?

Hoãn-sè âu chit pang chia, góa í-keng khiàm sék

Lâng kâ góa pàng bē-kì...tiāⁿ-tiāⁿ tō-sī án-ne...

Góa kâ lí mŭng, lí thái ẽ siūⁿ-khi

Ōaⁿ chò góa...góa mã tiòh saⁿ-sī

Kan-taⁿ ài-chēng ẽ sim, iáu teh phók-phók-thiàu

Kiaⁿ-hiāⁿ, sim-thiàⁿ...

Chiú tī chheⁿ-chhiūi ẽ bōng-á-po'...

Hô-lâi, K pēⁿ-īⁿ, 2012 nī Chiaⁿ--goeh 16

**Kang Lâm****GIANG NAM**

Kang Lâm, pún-miâ Ng lông,
1929 nî chhut-sì. Goân-chèk
Khèng-hô séng. Oát-lâm
Chok-ka Hiáp-hôe ê hōe-oân.
Bat tit tiòh Kok-ka Bùn-gê
Siúⁿ.

aslan

KỜ-HIONG

QUÊ HƯƠNG

Sè-hàn ê sí-chūn 1 kang khi hák-hâu 2 pái
 Kàu-kho-su kà lán ài kờ-hiong ê tōa tō-lí
 “siáng kóng pàng gû chin kan-khó?”
 Góa ē-sái pàng-sang thiaⁿ chhiū-téng ê chiáu siaⁿ
 Siōng-khò làng-káng ê jít-chí
 Tī chúí-tī ê kiô téng jiok iah-á
 Hō lâu-bú liáh tióh...
 Láu bōe phah tō háu à!
 Chhù-piⁿ ê chō-gín-á
 Bún-bún-á chhiò koh kim-kim siòng

Kek-bēng pòk-hoat
 Chiap-sòa sĩ tng-kí khòng-chiàn
 Kā lâu-bú saⁿ-sĩ chiūⁿ chiàn-tiūⁿ
 Siáng chai keh-piah ê cha-bó gín-á
 Mã ka-jíp iū-kék-tūi
 Tú tióh góa hit kang kāng-khoán chhiò-bún-bún
 I o koh iⁿ koh kó-chui ê bák-chiu
 Teh hêng-kun, bē-tàng kóng-ōe
 Pō-tūi keng-kòe, góa hoan-thâu kā khòaⁿ...
 Thiⁿ lóh tōa hō, góa ê sim-lái soah chin un-loán...

Hô-pêng, góa tng--lâi à
 Khah-chá ê hâk-hâu, kam-chià hng, tiū-á hng
 Koh khòaⁿ tiòh lí
 Lí bih tī mng̃ âu bīn ăng-ăng...
 Kăng-khoán chhiò-bún-bún, tng góa mng̃ lí
 Kè--lâng seⁿ-kiáⁿ ê tãi-chì lí soah pháiⁿ-sè kóng!
 Góa hó-lé-á khan lí ê siang chhiú
 I tiām-tiām tī góa ê chhiú-pô, sio-hut-hut...

Kin-á-jit thiàⁿ tiòh lí ê siau-sit
 Kàu taⁿ góa iáu m̃-sin
 Tèk-jîn kã lí thài kah iūⁿ-kô-kô
 Kan-taⁿ in-ùi lí sĩ iū-kék-tūi!
 Phòa-pak ê thiàⁿ, hō' góa ê sam hūn chhit phek chhōe bô
 sin-khu!

Khah chá ài kò-hiong sĩ in-ùi ũ chiáu-á hām iah-á
 Ū làng-káng hông hoat ê jít-chí...
 Chit-má ài kò-hiong, sĩ in-ùi chit tè thót-tē
 Ū góa ì-ài ê lí ê chheng-chhun hām hiat-jiók



Phoaⁿ Sî Chheng Hiân

PHAN THỊ THANH NHÀN

Phoaⁿ Sî Chheng Hiân, 1943
nî chhut-sì, goân-chék Hô-
lâi. Oát-lâm Chok-ka Hiáp-
hõe hõe-oân. Bat tit tióh
Kok-ka Bûn-hák Siúⁿ.

asian

TIÂM-CHĒNG Ê IŨ-Á-HOE PHANG

HƯƠNG THẦM

Hăng-á-bóe hit nṅ keng pāng ê thang-á-mṅg
 M̄-chai ũi siáⁿ tãi, lóng m̄-bat koaiⁿ--khài
 Khah-chá thak kâng pan ê siang-lāng
 Chhù āu ê iũ-á-chhiũ thòaⁿ bī phang-phang

Kā chit chhok hoe chhàng tī chhiú-kin-á
 Siàu-lú ná tiũ-tũ ná kiāⁿ khi keh-piah
 Hia ũ chit ê lāng keh-kang ài chiũⁿ chiàn-tiũⁿ

In tiām-tiām chē leh, m̄-chai beh kóng siáⁿ
 Siũⁿ beh khòaⁿ tui-hong, koh hiông-hiông oát-thau
 Bô lāng beh seng khui-chhùi...
 Iũ-á-hoe ê phang-bī hō i sim khah cho
 Cha-po--ê m̄-káⁿ kiũ, cha-bó--ê m̄-káⁿ sàng
 Kan-taⁿ iũ-á-hoe ê chheng-phang
 Tòng-bē-tiâu, it-tit teh thòaⁿ

Siàu-lú ká-ná he tiām-chēng ê hoe
Ńg-bāng phang-bī thè i soeh ài ì
“Lí thái ẽ bô-chēng, m̃-chai lāng sim-ì
Lāng í-keng lâi kàu lí sin-pi”...

In hun--khui, iu-oàn tiām-tiām
Tiām-chēng ê iū-á-hoe phang tīⁿ-tòe chiūⁿ chiàn-tiūⁿ ê
kha-pō-siaⁿ...





Mũi Bùn-hùn

MAI VĂN PHẤN

Mũi Bùn-hùn, 1955 nî tĩ
Lêng-pêng séng Kim-san
koãn chhut-sì, bók-chiân tòa
Hái-hông. I bat tit kòe Oát-
lâm Chok-ka Hiáp-hõe ê
chióng hām Sùi-tián ê Cikada
siúⁿ (2017 nî).

asian

KHÓ-IÒH

THUỐC ĐẰNG

(hō 'Giòk Chiam)

Hoat-sio hāi lí ná hók-lô

A-pa kam-goān thè-lí sio chò hók-hu

Khók-iòh bē-sái koh tán

Khan lí ê chhiú

Góa kā iòh-á tò--lòe

Gōng-sîn gōng-sîn kā óaⁿ khng leh

Cha-bók-kiáⁿ ah! Iā-iā thiaⁿ kìⁿ sng kàng ê siaⁿ

Kan-khók tō kòe hân-iā

Hia nng-chiáⁿ ê hōe-bān

Mā tiòh chhiū-kin ê saⁿ-chhi chiah thang thòaⁿ phang-bī

Kōaⁿ-chúi kiát chò chhiú-pô ê lan

Chhun-thiⁿ piàⁿ jip khók-thàn ê óaⁿ

Góa thâu-mōi chhui-chhiu pèh, kui-bīn liâu-hūn

Kan-taⁿ ē-sái iōng bák-sái lâi bīn-tùi sū-sít

Lí bāng kìⁿ tng teh chiáh mih-kiāⁿ

Góa kā óaⁿ khng thang-á-chêng

Tán lí oah kàu góa chit ê hòe

Hoān-sè óaⁿ lâi iáu ē chò hong-thai

**Oán Hong****VIỄN PHƯƠNG**

Oán Hong (1928-2005),
pún-miâ Phoaⁿ Chheng-
oán. Goân-chèk An Kang
séng Chu-tok koân Sin-
chiu. Oát-lâm Chok-ka
Hiáp-hōe hōe-oân. Bat tit
tiòh Kok-ka Bûn-hák Siúⁿ.

aslan

GÓA Ê SI HĀM LÍ Ê JĪN-SENG

THƠ ANH VÀ ĐỜI EM

Ơ-sô-sô ê àm-mi... lí hoàn-bê ài-chêng
 Sĩ lơ-chúi iah-sĩ lí ê bák-sái kã chháu-á-pơ chu-lũn
 Un-ài ê giân-gí tĩ hong lĩn thau
 M̃-koh ài-chêng... Lí tang-sĩ chiah ê lí-kai!

Góa it-seng siáu siá si
 Góa siá ê sĩ, bũn-jĩ kam-tiⁿ koh sũn-kiat
 Góa jĩn-ũi tĩ khong-tiong thiàu-bú ê iah-á
 Thián-khui súi-ê sĩt-á í-keng thè jĩn-seng tòa lải sek-chhái

Chhiũ-bóe iáu teh chò hong-thai, thiⁿ-tê mã tó-tng!
 Sĩ án-chóaⁿ sĩ-phian chhiũⁿ iah-á sĩt hiah pởh?!
 Chhiũⁿ chhiũ-hiòh tĩ khe-chúi phiau-liũ
 Siũⁿ beh kã pỏ-hỏ soah bô chài-tiâu

Góa sim-thiàⁿ lí kã chheng-chhun chhut-bê hỏ jĩn-seng
 Jĩn-seng soah iông kan-khỏ hăm thí-jiỏk kã lí hỏe-pỏ
 Góa siá ê sĩ lỏng bô khui-lát
 Siá hỏ lí mã thè góa ka-tĩ lẫu bák-sái

**Bú Kùn-hong****VỮ QUẦN PHƯƠNG**

Bú Kùn-hong pún-miâ sī
Bú Giòk-chiok, 1940/9/8
tī Hô-lāi chhut-sì. Goân-
chék Lâm-tēng séng Hái-
hiō koân. Oát-lâm Chok-ka
Hiáp-hōe hōe-oân. Bat tit
tiòh Kok-ka Bún-hák Siúⁿ.

asian

KUI-JĪN

NGƯỜI VỀ

Hiàn hō 'Sek It Hêng siâm-sû

Kĭn chín kĭn, hŭng chín hŭng
 Pút-chó' sĭ chhù-bóe-téng ê thiⁿ
 Kò-hiong ê chhân-hōaⁿ-á lō' iáu ũ pē-bú ê kha-jiah
 Chit tiâu lō' pút-chó' í-keng kiâⁿ--kòe

Biō-cheng ũi siáng lâi kòng, bók-hĭ ũi siáng lâi khòk
 Hân-iā ê hái-éng-siaⁿ ùi kiô-tun hia thoân-lâi
 Chit bák-nih, jĭn-seng í-keng tĭm tĭ chhong-song lâi-té
 Kan-taⁿ chhun goéh-niû kong-hui ê ài bân-sè liū-thoân

Chúi lâu jĭp khe, khe-chúi koh lâu lōh tōa-hái
 Khòaⁿ thau jĭn-sim hām ka-tĭ
 Khòaⁿ thau sè-kan-sū
 Kan-taⁿ chhun chhù-téng kng-iāⁿ ê goéh-niû teh tán-thāi

Bí-kok Ka-chiu 2005/1/18



I Hong

Y PHƯƠNG

I Hong pún-miâ sī Khó Éng-san, 1948/12/24 chhut-sì. Goân-chèk Ko-pêng séng Tiông-khèng koân. Oát-lâm Chok-ka Hiáp-hôe hōe-oân. Bat tit tiòh Kok-ka Bùn-hák Siúⁿ.

asian

|| KHÀU LIÊU HÔNG-SÒAⁿ¹²

|| PHÒNG TUYỂN KHAU LIÊU

Chhá hoan-bèh

Khe-chúi

Chhèng-ki

Kā lán sin-khu ùi-tiâu-tiâu

Lâng kā kui liáp soaⁿ ùi-tiâu-tiâu

Bó tī ang-sài ê sin-khu-piⁿ

Lâu-pē tī chú-lú ê sin-khu-piⁿ

Chèng-jîn tī chèng-jîn ê sin-khu-piⁿ

Hām soaⁿ-phiāⁿ háp chò it-thé

Hoe-châng lîn

Chháu-pû kha

Tē-it tō hông-sòaⁿ

Hiòh-á chiam-chiam

Bák-chiu siā chhut kng-iāⁿ-iāⁿ ê kng

Ní chò chhim-nâ ê siang-chhiú

Hiông-hiông ní chò âng-hoe-pò

12. Êk-chiá chù-kái: Khàu Liâu (Khaú Liêu) sī Oát-lâm ê tē-miâ, tī Ko-pêng séng Tiông-khèng koân hām Kóng-ian koân kau-kái. Tī 1979 nî Oát-Tiong pian-kài chiàn-cheng ê sī Khàu Liâu sī siang-hong kék-liát kau-chiàn ê só-chāi.

Siang-chhiú ká-ná chng thng chioh-thâu ngiá ng jit-thâu
ê kiuⁿ-châng

Lâu-bó hām sió-tĩ sió-moãi
Chhiong-boán su-liām ê soaⁿ-phiãⁿ
Hām tōa-lõ mã kám-tōng kah oan-khiau

Tê-jĩ tō hông-sòaⁿ
Tàk liáp chioh-thâu âu-piah lóng ũ giáh chhèng ê lāng

aslan 1979 nĩ



Chheng Kùì

THANH QUẾ

Chheng Kùì pún-miâ Phoaⁿ
Chheng-kùì, 1945 nî chhut-
sì. Goân-chék Hù-an séng.
Oát-lâm Chok-ka Hiáp-hōe
hōe-oân. Bat tit tiòh Kok-ka
Bùn-hák Siúⁿ.

aslan

A-BÚ CHÍT-LÂNG TÒA CHHÙ

MÌNH MÁ NGÔI NHÀ HOANG

A-pa kòe-sin à
 A-bú chít ê lêng tòa
 Oát-thâu khoàiⁿ ang-keh-toh
 Koh oát-thâu khoàiⁿ chũn-chũn hiuⁿ-ian

Àm-sê chít chũn hong chhoe jíp mng
 Ká-ná ũ lêng teh hoah góa
 Thiaⁿ tiòh keh-piah ê kha-pō-siaⁿ
 Chhéⁿ--lâi bô khoàiⁿ iáⁿ
 Jit--sê khoán png pài ang-sài
 Pài oân tō chiáh hia png-chhài
 Kó-toaⁿ chít lêng tī châu-kha lăi
 Ná pe png ná póc bák-sái

Hâu-seⁿ kan-taⁿ tng-lâi kúi-kang
 Lâi bô tiuⁿ-tí khi bô saⁿ-sĩ
 A-bú kó-toaⁿ chít ê lêng
 Iă-iă su-liâm a-pa ê hêng-iáⁿ

Kó-toaⁿ khang khang ê chhù
 A-bú ê hêng-iáⁿ
 Hông-hun ê pèh thâu-chang
 Kiáⁿ-jĩ sim thiàⁿ...

1994/2/15

28

Pì Kiàn-kok

BẾ KIẾN QUỐC

Pì Kiàn-kok (1949-2002)
goân-chhek Hô-lâi chhī. Oát-
lâm Chok-ka Hiáp-hōe hōe-
oân. Bat tit tiòh Kok-ka Bùn-
hák Siúⁿ.

asian

TÙI KA-TĪ Ê HOAN-HÙ

TỰ NHỮ

Siang kha ah, chhiáⁿ lí chhōa góa cháu
 Tō-sng ũ-sī ē poah-tó
 Ũ-sī ē láp tiòh chhi-á, hoān-sè, ũ-sī...
 Lán mā tiòh òng lí-sióng hiòng chiân kiāⁿ

Siang hīⁿ ah, chhiáⁿ lí chhōa góa cháu
 Sui-bóng ũ-sī ē thiaⁿ tiòh kiām-tok-tok ê êng-á-ōe
 Chhō-ló ê ōe, hoān-sè, ũ-sī...
 Lán mā tiòh òng koa-siaⁿ thí-khui hīⁿ-á

Siang bák ah, chhiáⁿ lí chhōa góa cháu
 Khi sī-kè khòaⁿ tãi-chì ê chin-siòng
 Tō-sng khoàiⁿ tiòh thòng-khó ê tãi-chì, hoān-sè, ũ-sī...
 Lán tiòh khòaⁿ, in-ũi lán òng-bāng bí-hó ê bī-lai

Góa ê sim ah, chhiáⁿ lí chhōa góa cháu
 Lī-khui góa ê heng-khám
 Kā tãi-tē hiàn hō lí
 Sui-bóng ũ thòng-khó, ũ sim-sng
 Sui-bóng ũ-sī khó-chhó ē hō sim-thiàu tiāⁿ--khi...

Lán tiòh saⁿ hū-chhi, in-ũi lán siòng-sìn hēng-hok tek-khak ē lai



Tân Kong-kùi

TRẦN QUANG QUÝ

Tân Kong-kùi, 1955/1/2 tĩ
Hù-siũ séng Sam Chheng
koãn Chhun Lók khu
chhut-sì. Oát-lâm Chok-ka
Hiáp-hōe hōe-oân. Bat tit
tiòh Kok-ka Bùn-hák Siúⁿ.

aslan

CHNG-THÂU Ê ÀM-MÎ

ĐÊM Ở LÀNG

Góa koh tóg-lâi băng-tiong lóng sī chheⁿ-tī ê gîm-chîⁿ

Kiâⁿ kòe hong-siu ê kóe-chí-hng

Thoa-thê ê chúí-gû hām teh khùn ê chò-sit-lâng

Chhân-ia̍ ñg-bāng siàu-hū ê heng-chêng

Chng-thâu kâ thiám-thâu chhàng tī ơ-àm

Àm-mî kâ chng-thâu chhàng tī chhian-liân sī-tāi

Hít kóa tek-khoe-siⁿ kui-mê pháiⁿ-khùn

Hong kò-kò-toaⁿ-toaⁿ tī khe-piⁿ

Àm thi ê ke-á siaⁿ tī góa sim-lāi

Chít pèh àm-tām ê hók tī àm-mî tō-lō ê chîn-pōng

Ñg-bāng tō ná tú iù-chíⁿ ê chheⁿ-kín-chio

A-bú tiám teng-á kiâⁿ ñg chhng-khò

Sim-koaⁿ phók-phók-chhài thiaⁿ he tiū-sūi ê chhoán-khùi
siaⁿ!

Ơ-iaⁿ tī thiⁿ-téng chū-iù sóa tín-tāng

Sim-cho-cho ê tek-nâ lak thâu-mơ

Ừi tiòh chhin-kín thót-tê, chít liáp kóe-chí chāi chāng ñg

Kóaⁿ-kông lak lóh àm-mî ê kóe-chí-hng!

Góa hām ám-pơ-chê lú lāi lú chió ê loáh-thiⁿ tàu-tin khùn

Chng-thâu ê kōaⁿ-chúi hiông-hiông lâu lāi góa sin-khu

Lâu-bú iáu chē tī hia khí-hók

Thàu-chá lāng lāi lāng khi ê kha-pō-siaⁿ...



Chhun Khêng

XUÂN QUỲNH

Chhun Khêng pún-miâ Ng
Sì Chhun Khêng, 1942 nî
chhut-sì. Goân-chék Hô-lâi
chhi. Oát-lâm Chok-ka Hiáp-
hōe hōe-oân. Bat tit tiōh
Kok-ka Bùn-hák Siúⁿ hām Ô
Chì-bêng Bùn-gē Siúⁿ.

aslan

SIO-HONG¹³ HÂM PÊH-SOA

GIÓ LÀO CÁT TRẮNG

Góa jîn-seng ê sio-hong hâm pêh-soa
lâm-joah sio-hong hâm pêh-soa ê góa

Tī chhoe sio-hong ê hit kóa e-pò sī
A-bú chhui kâm pêh-soa ùi góa chhiùⁿ io-gín-á koa
Góa tú tōa-hàn tō òh ē-hiáu ó-khang
M̄-nā chà-tōaⁿ, pêh-soa sio-hong mā kā lán kong-kek
Soa-lūn thiáp kòe soa-lūn
Lâm-bí-kiòk hoe-bân ná pháng-séh ê chia-lián
Góa ê jîn-seng ũ soa teh pó-hō
Sio-chiàn ê sī soa chò tiau-pó
Chiàn-iú hām góa ê hoech ná chôaⁿ-chúi bunn--chhut-lâi
Hoech tī pêh-soa téng hō sio-hong siàn ta
Góa cheng ê chhiū-á iáu bē-tàng chah n̄g
Ték-jîn ê chà-tōaⁿ í-keng kā ki-hiòh pōng nōa
Chia ê han-chī mā mī-chiāⁿ-iūⁿ bē tōa

Phak ta ê sek-khia hō hong chhoe--kòe
Soa kan-taⁿ khiām jit m̄ khiām hō

13. Êk-chiá chù-kái: Sio-hong sī kí Oát-lâm-ōe ê “Gió Lào;” tiāⁿ chhut-hiān tī Oát-lâm tiong-pō¹
Kóng-pêng, Kóng-tī hām Sūn-hòa chit kóa só-chāi, ùi Liâu-kok chhoe--lâi ê sio-hong.

Kha-pō tǎh--ê lóng sī sio-loáh
 Hong-poe-soa, kan-khó ê jít-chí
 Góa hiàng-óng chit khoán hô-hâi ê chheⁿ
 Lóng sī kóe-chí ê chhùi-chheⁿ
 Góa ak-pûi, bán kóe-chí
 Goán tau, góa beh tiông kiàn
 Ang-chng-á chhù hām chhàn-lân bī-lâi sè-tâi ê bīn-iông

 Lí tú tng-lâi, siáⁿ-mih lóng bô khoàⁿ
 Kan-taⁿ pèh-soa hām ē-sái tòh hóe ê sio-hong
 Sio-loáh ê hong tī lī-piát liáu chiáⁿ chò su-liām
 ngē-kak ê soa chiong-kī-bóe seng-hôa chò thiàⁿ-sioh
 Sui-bóng ũ-sī bô móa-ì
 Che pèh-soa hāi góa kha-pô phòng-phā
 Che sio-hong hāi góa bīn-bah âng-kì-kì
 Sàn-chhiāh ê thó-tē hō han-chí chhiū-chī bē tōa
 Góa iáu sī goān-ì kā kui-ê jîn-seng
 Hiàn hō pèh-soa hām ē-tàng tòh-hóe ê sio-hong

1969 nī



Tân Ông-san

TRẦN VÀNG SAO

Tân Ông-san pún-miâ Ng
Têng (1941-2018). Goân-
chèk Sūn-hòa.

aslan

CHÌT-Ê ÀI-KOK-CHÍÁ Ê SI-PHIAN

BÀI THƠ CỦA MỘT NGƯỜI YÊU NƯỚC MÌNH

Chái-khí góa chhēng saⁿ hām ê-á kō-toaⁿ khiā tī lō lìn
 Hong chhoe thang-á gōa ê tek-á pēh-hoe
 Thâu-chang iáu ũ téng chít kùi ê tiū-á phang-bī
 Gín-á teh thau khòaⁿ
 Hioh tī tiāⁿ lìn ê chhù-kak-chiáu
 Góa chiaⁿ ài chít ê kok-ka
 Ták-kang chái-khí
 Khòaⁿ hia ê chhù-kak-chiáu
 Hiáng-siū he liāng-sóng ê hong
 Khòaⁿ he lō-piⁿ lóng sī oáh-lék ê chháu-á-ki
 Góa iáu oáh leh
 teh chiáh
 teh chhoán-khùi
 hām ták-ke kăng-khoán
 Ū-sī hiông-hiông siūⁿ tióh chheⁿ-hūn ê chhiò-siaⁿ
 Iáh-sī ũ iū-á-hoe hām ngau-hoe¹⁴ ê pi-siong bîn-iâu
 Chióh-thâu ũ ta--khì ê hūn-jiah
 Bô lāng saⁿ-sī
 Iáu ũ hóe-chhia tân chúí-lê ê siaⁿ

14. Êk-chiá chù-kái: “Ngau-hoe” (hoa ngâu) sī chít khoán Oát-lâm goân-seng ê hoe, hák-miá sī *Agláia duperreana*.

Góa lâu-bó òaⁿ khùn chá khí
 Kin-nê 50 gôa
 Ang-sài sí 10 gôa tang
 Góa tú bat jī ê sí
 Lâu-bó sin-khóⁿ kâ goán chhiâⁿ
 Ủi tióh âu chít têng cháu-chông
 Chít kang 2 pái put-sī ũ lêng lăi thó-chiⁿ
 Kan-taⁿ ē-sái chhui-khí-kin kâ--leh
 A-bú chin chió ũ chhiò-iông
 E-pòⁿ hām àm-sī
 Tiāⁿ-tiāⁿ chít-ê lêng teh háu
 Kan-taⁿ thó-khùi
 Khó-lân hâu-seⁿ bô lâu-pē
 Kò-toaⁿ chít-ê
 Góa ài chít ê kok-ka, thiāⁿ-sioh i
 Lâu-bó chhiâⁿ góa 10 kúi nī bô koh kè
 Ủi góa chiú-kóa
 Hō hit kóa hó-giáh-lêng ták-kang chau-that
 In si-sià goán ká-ná tui-thāi thái-ko pēⁿ-lêng
 Lâu-pē chò-kì bô pòⁿ ê chhin-chiāⁿ kiāⁿ kha kàu
 Kâ lâu-pē tiám kúi châng hiuⁿ
 Chhah kúi lúi hoe
 Goán lâu-bó bák-sái lâu bák-sái tih
 Kî-kiû lâu-pē pò-pì góa tōa-hàn
 Ang--ê, gín-á iáu sè-hàn
 Iáu bô tì-hui iáu bē-hiáu kiāⁿ

Bô-lûn hong-hō, 1 lāng chhiáⁿ kiáⁿ-jī
 Góa ài chit ê kok-ka, chin sim-sng
 Tī àm-mī giáh hóe-pé kiâⁿ
 In-ūi sèk-sāi, bô lāng kì-tit i ê miá
 Kòe-khì ê tâng-tàⁿ teh tī kha-chiah-phiaⁿ
 Tō saⁿ tòng ê jīt-chí chin kan-khó
 Jîn-seng chin pi-chiān, hām seⁿ-ko' ê bí mã tiòh chhiúⁿ
 Múi chit pèh chhài, múi chit liáp iām
 Gín-á saⁿ-tòng bē pá beh thái ē hoaⁿ-hí
 A-bú sioh góa, nī-kiaⁿ kau-thong gōa kan-lân
 Taⁿ tâng-tàⁿ kòe kiô chiūⁿ kiā
 A-bú ták àm to háu
 Tá k àm to àⁿ-thâu kí-tó
 Nng-bāng góa ē-tàng tōa-hàn, khiā-thêng-thêng
 Góa ài chit ê kok-ka, kàu góa lâu--khì
 Góa ài lâu-bó hit niá phò saⁿ
 Bē-kì-tit ka-tī ũ gōa lâu à
 Góa lī-khui
 Hō lú lóh lú chho'
 Kin-á-jīt soah sim-cho-cho
 Chhin-chhiūⁿ kôaⁿ-thiⁿ chái-khí bô khoàⁿ jīt-thâu
 Tng-tng ê khe-chúi sèh kòe chhiūⁿ-nā
 Kám-tōng khe-chúi
 Chiáu-chiah tiām-tiām hioh tī chhiū téng
 Chhiu-thiⁿ tiām-tiām hioh tī koaⁿ-bāng-hoe

Góa ài chít ê kok-ka ê chái-khí
 Bô lâng ê chhiò-siaⁿ mā bô gín-á ê koa-siaⁿ
 Thô-chiòh chháu-bók ah
 Su-su-liām-liām sī lâu-pē lâu-bó
 Tiām-thâu chiáh pŋg khùn kiô-kha
 Nŋg chōa bák-sái lian--lòh-lâi
 Ták-kang to kī-tó Siōng-tè, òg-băng hong hong hòa kiát
 Góa ài chít ê kok-ka ê phòa-saⁿ
 Phòa chhù lâu-chúi, piáh-tó bô chài-tiâu cháh hong
 Múi chít pái chhoán-khùi lóng sī ài
 Sioh hoe tiòh lian phún
 Àm-sī tiám hók chē kàu thiⁿ-kng
 Góa ài chít ê kok-ka, chiah nih kàu
 Chhiūⁿ ài hoe-hŋg ê chháu-bák
 Chhiūⁿ ài góa giám-ngē ê lâu-bó
 Kín-á-jit ká góa chhiāⁿ tōa-hàn
 Kah-ì chít-ê hó-thiaⁿ ê koa-siaⁿ
 Ū iá-chháu phang-khùi ê pē-chûn-koa
 Kám-chêng hong-hù ê Bōng-kó-koa¹⁵
 Ū hong-thāi tī chàu-kha ê saⁿ chun chàu-sîn
 Ū hām lian-hoe-hiòh téng-bīn ê chúi-tih kăng-khoán bô
 hoaⁿ-hí ê gín-á sī
 Góa ài chít ê kok-ka, mā ài lí
 Pák thau-chang-bóe koai-khá ê gín-á sī
 Péh-saⁿ hām âng-kì-kì ê hong-hong-hoe

15. Ēk-chiá chù-kái: Bōng-kó-khek (vọng cổ) sī Oát-lâm lâm-pō ũ-miā ê khek-tiâu.

Chhù-kak-chiáu thiàu lâi thiàu khi
 Chē leh thak chheh, sè-siaⁿ kiò góa ê miâ
 Khai-káng kóng bē soah
 Kóng thiⁿ kóng tē
 kóng hâu-hiáh kóng pŋg-lē
 Tiāⁿ chhiò kah m̄-chai lāng
 Thàu-chá léng-hong iáu tī leh
 Lī-khui ê sī oát-thâu khòaⁿ
 Khòaⁿ he kam-á-chhiū, nāi-chi-chhiū
 Thiāⁿ-sioh ê lâu-bó
 Lí iáu bōe siong-sim
 In-ūi m̄-bat chhēng kòe phòa saⁿ
 Góa ài chit ê kok-ka ê chhài-pó-kin-á
 Sī chheng nī ê kut-lát phah-piàⁿ
 Saⁿ ê liú-á lak--khi, kòe kiô hō hong chhoe--khi

 Lí iáu chhiūⁿ gín-á sī hiáh koai-khá
 Góa ài chit ê kok-ka, phòa-kô-kô
 Lâu-bó tī soaⁿ-téng hiāⁿ chhâ, lâu-pē tī hái-piⁿ
 liáh-hī
 Chiáh kok-chióng iá-chhài
 Chhiāⁿ-ióng peh-sēⁿ
 Sī chheng nī ê kut-lát phah-piàⁿ
 Lán sī Au Ki¹⁶ ê kiáⁿ-jī
 Lán ê siaⁿ-im ũ Hū-tóng Thian-ông¹⁷ ê lêng-hūn

Góa kiãⁿ 1 kang
 Tú--tiòh-ê lóng sī chheⁿ-hūn-lâng
 Bô lêng chai, bô lêng bat
 M-chai hòe-sò m̄-chai miã-jī
 Chò-hóe tī chit tè thố-tē seng-oáh
 Chò-hóe sêng-tam lâm-pak hun-koah ê thòng-khó
 Chò-hóe ũ chit-ê miã-jī hō-chò Oát-lâm
 Khang-chhùi iáu teh lâu-hoeh
 Kám-siū óng-seng-chiá ê thiãⁿ-thàng
 Hùn-nō tui heng-khám
 Hām tông-pau chò-hóe hoah
 Chit chheng sì pah bân lêng iau-kiú tók-líp chū-iū ê soan-
 giân
 Ták tng chiáh ē pá
 Tang-thiⁿ chhēng ē sio
 Ē-tàng khai-káng, chhiò, chhiuⁿ-koa, loan-ài, bián hō lêng
 kìm-chí
 Ē-tàng pài ka-tī ē chhin-lâng
 20 tang jîn-seng lóng bián phah-sèg

Góa tóg-lai ka-tī sè-keng ê chhù
 Tiám chit-ê iū-teng

-
16. Ēk-chiá chū-kái: Au Ki (Ấu Cơ) sī Oát-lâm sîn-ōe kò-sū ē jîn-bút, siòng-thoân i sī Oát-lâm-lâng ê chó-má. I hām Lak-liông-kun kiat-hun seⁿ 100 ē kiãⁿ, chiãⁿ chò Oát-lâm-lâng ê chó-sian.
 17. Ēk-chiá chū-kái: Hū-tóng Thian-ông (Thánh Gióng) Oát-lâm sîn-ōe kò-sū ē jîn-bút, nī-kí chin sê, m̄-koh ióng-kám tòa-niã Oát-lâm-lâng tui-không tèk-jîn.

Hong-bí-bí chhōe tī chhiū-hiōh
 Chheng-sóng ũ phang-bī hng-á ê iā-àm-mī
 Chit óaⁿ hēng-chhài chham hiam-chio-á thng
 Keh-piah ê gín-á mà-mà-háu
 Lâu-bó kā gín-á phō khì Ài-chú-kiô¹⁸ chē
 Taⁿ kok-ka í-keng tò-kòe jîn-bîn ê lēng-hûn
 Âm-pó-chê beh lâi ê loah--lâng
 Liâm-mi tō koh chhiu-thiⁿ
 Chit ê kok-ka iáu teh thòng-khó
 Tán-thāi thóng-it ê hit kang
 Hō hit pēng bē kiò chit pēng Lâm Oát lâng
 Hō chit pēng bē kiò hit pēng Pak Oát lâng
 Chhiong-boán hoaⁿ-hí-sim, bē sim-cho-cho
 Góa ài chit ê kok-ka, ũ-iaⁿ
 Chhiūⁿ ài ũ goán lâu-bó ê tau
 Chhiūⁿ ài lí chhui-tûn tīⁿ-bit ê chìm
 Mā ài í-keng kak-chhéⁿ ê góa
 It-tit òng-bāng ka-tī kok-ka ê thóng-it

1967 nî 12 goeh 19

18. Êk-chiá chù-kái: Ài-chú-kiô (cầu Ái Tử) tī tiong-pō ê Kóng-tī séng.

**Lô Gîn-sím****LÒ NGÂN SŨN**

Lô Gîn-sím (1945-2013),
goân-chèk Lâu Ke séng. Oát-
lâm Chok-ka Hiáp-hōe hōe-
oân. Bat tit tiòh Kok-ka Bùn-
hák Siúⁿ.

aslan

CHHEⁿ-MÊ-LÂNG

NGƯỜI MÙ

Chheⁿ-mê-lâng iông hīⁿ-á thiaⁿ, iông kha khòaⁿ, iông chhiú
him-sióng

Chheⁿ-mê ê chú-jīm teh óh gōa-gí

Chheⁿ-mê ê keng-lí teh óh chhī phang ê kī-sút

Chheⁿ-mê ê ôe-ka iông sèⁿ-miā teh ôe tô

Chheⁿ-mê ê koa-chhiú teh chhiùⁿ o-ló jîn-seng ê koa

Chheⁿ-mê ê si-jîn teh thak kong-bêng ê koa-si...

Góa khòaⁿ tiòh hia chheⁿ-mê mī-koh bē chheⁿ-mê ê lâng chin
tiòh-kiaⁿ

Góa koh khah tiòh-kiaⁿ ê sī hia bô chheⁿ-mê soah ká-ná
chheⁿ-mê ê lâng



Ng Tiông-chō

NGUYỄN TRỌNG TẠO

Ng Tiông-chō 1947/8/25
tĩ Gĩ-an séng lán-chiũ koãn
chhut-sì, 2019/1/7 kòe-sin.
Oát-lâm Chok-ka Hiáp-hōe
hōe-oân. Bat tit tiòh Kok-ka
Bùn-hàk Siúⁿ.

aslan

HỒ TỎA-LÂNG Ê GÍN-Á-KOA

ĐỒNG DAO CHO NGƯỜI LỚN

Ũ ta--sí ê chhiū-nâ tī góa sim-lāi iáu chin chhui-chhiⁿ
 Ũ oah--leh m̄-koh chhin-chhiūⁿ sí--khì ê lâng

Ũ hōe-tap soah chiāⁿ chò m̄ng-kù ê jī-kù
 Ũ chhōa sè-î soah tòng-chò chhōa bó ê lâng

Ũ lâu-pē lâu-bó m̄ ũ kó-jī
 Ũ chin íⁿ ê goēh-niū, m̄-koh bô p̄ng thang chia^h
 Ũ kui-ê ú-tiū, m̄-koh bô chhū thang tòa
 Ũ bī-bī ê hoaⁿ-hí soah ũ tōa-tōa ê ai-pi

Chun iáu tī hái lîn, chháu iáu chin chheⁿ-chhui
 Jîn-seng hái-hái, lêng-hùn m̄ chhin-chhái

Ũ ai-pi ũ su-liām ũ lâu bák-sái m̄ ũ hoaⁿ-hí
 Bák chit nih tō kòe chheng nī

1992 nī

Chheⁿ Chháu*THANH THẢO*

Chheⁿ Chháu pún-miâ Ô[·]
 Sêng-kong, 1946 nî chhut-
 sî. Goân-chék Kóng-gī séng
 Bō-tek koân. Oát-lâm Chok-
 ka Hiáp-hōe hōe-oân. Bat tit
 tióh Kok-ka Bûn-hák Siúⁿ.

asian

KOÀN-THÂU Ê KOA

BÀI CA ỒNG CÓNG

Kòe-khì hit-kóa pi-chòng ê koa-iâu
 Kan-taⁿ tī chheh lìn thák tióh
 Hit kóa bé-oaⁿ téng-thâu ê kiàm
 Chit-má í-keng siuⁿ kū

Goán ê koa-khek
 Sī koàn-thâu ê koa
 Kái-hòng-kun ê hêng-lí
 Choân sè-kài siōng kán-tan

Pŋg tú sék tú hian oe-á-kòa
 Iáu ũ ỹ-á thng
 Soaⁿ-téng ê chheⁿ tê-bí iáu siap-siap
 Ná lim ná o-ló

Ừi chit ê koàn-thâu
 Goán ẽ-sái chò pah-hāng lō-iōng
 Lú khùn-khó' lú khiáu
 Goán ê peng-á siōng piàn-khiàu

Chít kóa tiòh ma-lá-lí-á ê peng-á
 Kiò-sī bô khùi-lát kóaⁿ hō-sîn
 M-koh 1 chām kòe 1 chām
 Chít thè-sio tō sūi chhut-hoat hêng-kun

Khang koàn-thâu kat tī io--lìn
 I sī tong-kim ê Chiòh-seng¹⁹ oe-á
 Chín chē eng-hiông hiông-hiông tōa-hàn
 Lóng sī chiáh chít khaⁿ pŋg

Sòe-goát ē hō lāng bē-kì
 Chín-chē bē-lāng ē koa-khek
 M-koh góa chai ùi chít-chām
 Chhiūⁿ khek tī chiòh-pôaⁿ
 Iáh-sī oe tī chhiū-khơ

Kin-á-jit ê koa-khek
 Pháiⁿ-thiaⁿ iáh hó-thiaⁿ
 Lóng sī kán-tan ê jîn-seng thiat-lí
 Chhiong-boán kam-tiⁿ hām sim-sng

19. Êk-chiá chù-kái: Chiòh-seng oe-á (Nồi Thạch Sanh) sī Oát-lâm ê bîn-kan kò-sū, biâu-siá l
 ê sán-chhiáh kó-i koh ióng-kám ê siâu-liân-lāng “Chiòh-seng” ū 1 khaⁿ ē-tàng it-tit ū bí ê
 oe-á.



Ng Teng-si

NGUYỄN ĐÌNH THI

Ng Teng-si, 1924/12/20 tĩ
Liâu-kok Luang Prabang
chhut-sì, 2013/4/18 kòe-
sin. Goân-chèk Hô-lâi. Oát-
lâm Chok-ka Hiáp-hôe hōe-
oân. Bat tit tiòh Ô Chì-bêng
Bùn-gê Siúⁿ.

asian

SIÀU-LIÂM

NHỚ

Thiⁿ-chhiⁿ siám-sih teh siàu-liām siáng
 Thiⁿ-chhiⁿ chhiō tī chiàn-sū hêng-kun ê lō̍ lìn
 Hóe-pêh tī hân-léng ê àm-mî teh siàu-liām siáng
 Hō̍ chiàn-sū ê sim-koāⁿ-lāi un-loán

Góa ài lí tō chhìn-chhiūⁿ ài chók-kok
 Kan-khó̍, siong-pi hām bû-hân ê chhàn-lân
 Góa ták kha-pō̍ lóng teh siūⁿ lí
 Ták àm ták tng mā sī siūⁿ lí

Àm-mî ê thiⁿ-chhiⁿ lóng bē hoa--khì
 Lán sio-ì-ài, chit sì-lâng siō kēng
 Chhiūⁿ-nâ lāi ê hóe-pêh tng iām
 Lán siong-ài, kiau-ngō̍ teh chò-lâng

1945 nî

36

Ng Kong-siâu

NGUYỄN QUANG THIỀU



Ng Kong-siâu, 1957 nî tī Hô-se séng Èng-hô koân chhut-sì. Oát-lâm Chok-ka Hiáp-hōe hōe-oân. Bat tit tiòh Kok-ka Bùn-hák Siúⁿ.

asian

HIT KÓA PÍ-JŨ

NHỮNG VÍ DỤ

Hiàn hō' goán chng-thâu liát-sū ê khan-chhiú

Sî-kan tiām-tiām lâu jip kó-chá ê hui-á àng lăi-té. Goán chng-thâu hit kóa sí-ang ê cha-bó-lâng ká-ná chháu-mé-á siau-sit tī chháu-pû lăi-té. Hng-hng ê tē-pêng-sòaⁿ ká chit chûn hong lăi. Hong ná liáh-kông ká chháu-pû chhoe kah oai-ko-chhih-chhoah. Góa tī chng-thâu ê chîn-pông, háu kah ná chhiūⁿ gín-á chhoe bô lâu-bó. Góa beh án-chóaⁿ chiaⁿ ē-tàng ká hia ê cha-bó-lâng chhoe tít-lăi leh...

Goán chng-thâu hia bô ang ê cha-bó-lâng keng-kah-thâu lóng sī tâng-tàⁿ, tī oan-khiau ná khiau-ku ê sió-lō lín cháu-chông. In băng tiòh hong-iá khí chûn-hong, jít-thâu lak lóh ớ-àm-kho. In băng tiòh kui-mê hoạt-sio liáu koh tú-tiòh thiⁿ-kng chêng ê chûn-hō. Ah góa ná siáu--ê teh liáh in kim-kim-siòng. Kim-kim-siòng múi chit-ê pí-jũ.

Goán chng-thâu hia bô ang ê cha-bó-lâng, hia ê pí-jũ, kha bô chhêng ê bô súi. In chek-pī hit tiâu ũ goeh-kng àm-mī ê lō. In ê ni-thâu thiám kah oai-ko-chhih-chhoah, bô kui-sin hun-bī hām thô-bī ê cha-po-lâng ē koh ká in phāⁿ. Kan-taⁿ tng niáu-chhiⁿ bih tī koaⁿ-chhâ lăi-té thau chiaⁿ chhek-á ê siaⁿ chiaⁿ ē-tàng ká chia ê cha-bó-lâng kiò chhéⁿ. Chiù-thâng ká koaⁿ-chhâ ê siaⁿ mã ē hō in hoan-ló bē khùn tit.

Sî-kan tiām-tiām... tiām-chēng lâu lóh chiah tōa ê húi-á àng. Goán chng-thâu hit kóa sí-ang ê cha-bó-lâng ká-ná chháu-mé-á siau-sit... siau-sit tī chháu-pû lăi-té. Góa sêng khiā leh háu ê siáu--ê. Góa thè hia siau-sit ê pí-jū tōa-siaⁿ háu.

Tán kah góa bô thang sng. Goán chng-thâu hia bô ang ê cha-bó-lâng koh chhut-hiān. In sūn goēh-kng tī 10 goēh phák chhek-á lō kiāⁿ. In ē thâu-chang kām tióh iū-á phang-bī tōe goēh-kng sì-kè thòⁿ. In ē ni-thâu tng chheng-chhun tng siāⁿ--lâng. In ē kha-pō̍ āu-piah, khui-mńg liáu sī koa-siaⁿ. Koa-siaⁿ thàng kàu sit-bîn ê cheng-sîn hoān-chiá hia. Hit kóa cheng-sîn hoān-chiá khui-mńg kiāⁿ chhut-khì. Hit kóa cha-bó-lâng mā chhiūⁿ hit tiâu koa, it-tit kiāⁿ, it-tit kiāⁿ, kiāⁿ kàu bô hia pí-jū ê só-chāi.

Chhun-biō, 1992 nî



Lú Chhiáⁿ

HỮU THỈNH

Si-jîn Lú Chhiáⁿ, kong-goân
1942 nî Oát-lâm pak-pō Éng-
hù séng chhut-sì, hiân-chhú-
sî tam-jīm Oát-lâm Chok-ka
Hiáp-hōe ê hōe-tiúⁿ, Oát-lâm
Bûn-hák Gē-sút Liân-háp-
hōe ê chú-sék. Bat tit kòe Ô
Chì-bêng Bûn-gē Siúⁿ.

aslan

PHOAⁿ-CHHIAT²⁰ Ū GÚN HIAⁿ-KO

PHAN THIẾT CÓ ANH TÔI

Tô sng̃ sī 1 ki chháu-á-ki lí mã bē lâu hō ka-tī
Hiah khoah ê soaⁿ-phiāⁿ, lí mã bē chiām-iú
Phoaⁿ-chhiat ê thiⁿ hām tē ū gún hiaⁿ-ko chò-phōaⁿ
Tī chia lí tē-it-pái khòaⁿ tiòh hái.

Kòe hông-khong-hô
Peh kòe he soaⁿ-kiā ê jít-chí
Tōa hái hiah khoah, hông-khong-hô eh-chiⁿ-chiⁿ
Sió-khóa hoan-sin, pēh-soa lak lōh keng-kah-thâu

Hông-khong-hô lāi-té lóng sī hóe-iōh-bī hām chhau-kōaⁿ-
sng-bī
Lí ê sim-thiàu í-keng sit-khì không-chè
Tāk chūn hong lóng kām chúi-khì
Tōa-hái ká-ná sī tân chúi-lê beh chhut-phâng ê chūn-chiah

Thiⁿ chhiⁿ siūⁿ chīn phiat-pō lú àm lú kng
Peng-á cháu-chhōe chúi-goân
Tī 12 goēh ê chhiū-nâ lāi-té chhiau-chhōe
Hit tīn lāng lāi-té ū gún hiaⁿ-ko.

Hái-éng chhîⁿ lâi kâ ták-ke lám--leh
 In-ũi kah-ì hái soah sit-kak-chhat
 Gún hiaⁿ-ko tī hit pái pòk-chà kòe-sin
 I ê bīn lī chúí kan-taⁿ kúi chhùn!

Lí tī chia, góa soah kò teh cháu-chhōe lí
 Góa òng-bāng ũ khui-lát peh kòe soaⁿ-kiā
 Tân Cảnh
 Sa Thầy
 Đắc Pét
 Đắc Tô

Góa keng-lék kòe lí ê hoat-sio
 Góa tú-tiōh lí kiāⁿ-kòe ê hō-nâ
 Siūⁿ bē kàu Phoaⁿ-chhiat ê tiòng-tàu
 Góa kò 1 lāng bih tī chhia āu-piah hấu

Chhiū-nâ goân-chāi, chiàn-tiūⁿ mã iáu tī leh
 Koh kúi pō tō kàu kok-tō 1 hō à
 Cheng-chha kúi pō
 M-koh
 Bô chāi-tiāu kái-piàn siáⁿ.

Tng lí saⁿ-sī ê sī, chhim-bóng-bóng ê hái sī siáⁿ-mih sek?
 Lí iáu mī-chai hit phiàn chhiū-nâ hō-chò siáⁿ-mih miā
 M-koh góa chai-iaⁿ, lí ták-kang lóng khiā tī hia

20. Êk-chiá chủ-kái: Phoaⁿ-chhiat goân-miā Phan Thiết, Oát-lâm Pêng-sūn séng ê keng-chè, cheng-tī hām bûn-hòa ê tiòng-sim.

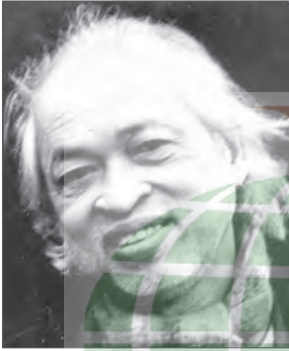
Lí iáu m̄-chai kéng-pò í-keng chhú-siau
 Iáu bô chhù-lāi ê siau-sit, bē-jīn-chit góa chit-ê sió-tī
 Ka-chài góa iáu bô hông khiā bōng-pài.

Lí hām soaⁿ-kiā khiā chò-hóe, hām chháu-po' kâng-khoán
 chhùi-chhiⁿ
 Chia ê chháu-po' chiâⁿ chò lán ê hiuⁿ-hóe
 Chia ê soaⁿ-kiā má sī lán lāu-bó ê kiáⁿ-jī
 Chhù-lāi ê saⁿ-tèng lóng taⁿ tī góa keng-kah-thâu.

Phoaⁿ-chhiat pòⁿ-mê chhia ê lat-pah siaⁿ
 Siâⁿ-chhi ê tiān-hóe chhiō tiòh tiò-hi--ê
 Lí bô khùn, tiò-hi--ê mā bô khùn
 Hái ták-kang hām lín nng lāng sio-pàng-phōaⁿ
 Tō án-ne, Phoaⁿ-chhiat ták-kang ũ gún hiaⁿ-ko.

aslan

1981 nī



Ng Tiong-chhong

HOÀNG TRUNG THÔNG

Ng Tiong-chhong (1925-1993).
Goân-chék Gĩ-an séng. Oát-lâm
Chok-ka Hiáp-hōe hōe-oân. Bat
tit tiòh Kok-ka Bùn-hák Siúⁿ.

asian

TÌ TIONG-LIÁT-SŪ

TRONG NGHĨA TRANG LIỆT SĨ

Góa tī chia, kò-hiong ê hong bì-bi-á chhoe
 Khòaⁿ he chháu-pò' chheⁿ-chheⁿ ê bông
 M-chai beh kóng siáⁿ
 Jít-thâu iām-joáh ê hit e-po'
 Tiū-á chhiⁿ-chhiⁿ-chhiⁿ
 Hoe-lúi ng-ng-ng
 Góa tī sī-kan ê tōa-hái lín
 Hong kā kui pài ê bông-pài sàng phang-khùi
 Chhiū-hiòh khin-khin lak--lòh-lái
 Chhin-chhiūⁿ lín ê hoeh tih--lòh
 Thê-chhéⁿ lán chiàn-tàu ê tō-lō'
 Sī iōng kui bân lāng ê hi-seng khí--ê
 Góa ê chók-kok ùi hái-iūⁿ kàu chhiū-nâ
 Sī-kè lóng sī tiong-liát-sū

Góa àⁿ thâu thak bông-pài ê miâ-jī
 Àⁿ thâu thak múi chit ê chiàn-kong
 Thiaⁿ kìⁿ chúi-kau-á ín chúi jip chhân ê siaⁿ

Thiaⁿ kìⁿ gín-á tòe chiat-chàu pheng-jī ê siaⁿ
Thiaⁿ kìⁿ gû pō chháu ê kha-pō siaⁿ
Thiaⁿ kìⁿ lê-chhân ê siaⁿ hām chêng-koa ê siaⁿ
Cha-hng iáu sī chiàn-tiūⁿ
Taⁿ, seng-oáh bí-boán
Tông-chì ah!
Lí khòaⁿ lán ê chók-kok í-keng bô kâng à

Tiong-liát-sū, hong chhoe chhiū-hiòh
Kui pài tiām-chēng ê bōng-pài
Kui chōa n̄g-n̄g-n̄g ê hoe-lúi
Phōaⁿ góa kòe iām-joáh ê kui e-pōi



Tek Chhong

TRÚC THÔNG

Tek Chhong pún-miâ Tô Bég-chhong, 1940 nî chhut-sì. Bók-chiân tòa Hô-lâi. Oát-lâm Chok-ka Hiáp-hôe hōe-oân. Bat tit tiòh Kok-ka Bùn-hák Siúⁿ.

asian

KHE-PIⁿ CHHUN HONG

BỜ SÔNG VẪN GIÓ

Kiáⁿ-jî hiàn hō bó-chhin

Hoan-béh hióh tī khe-piⁿ iát-chhiú

Khe-piⁿ hong teh chhoe

M̃-koh bô khoàìⁿ lāng tī tōe

A-bú, tng-lâi ơ h!

Siōng-bóe chít pái...koh chít pái tō hó

Koh tng-lâi thiàⁿ-siōh he khe-piⁿ liū-súi

Koh tng-lâi hoài-liām lán sit khi ê chheng-chhun

Chhiáⁿ kā siōng-bóe chít tih bák-sái kām leh

A-bú ê bōng-thâu ũ a-pa ê hêng-iaⁿ

Lâu chheⁿ-á-châng hām chhù chēng ê tek-hong-pang²¹

Koh thiaⁿ 1 kái hng-hng khe piⁿ ê thau-hong siaⁿ

Góa ñg-bāng sok-té he tiâu-oán ê lō

Koh chít pái tō hó... A-bú chiah chò lí khi...

21. Êk-chiá chù-kái: Tek-hong-pang (cái gai) sī Oát-lâm pak-pō' lōng-chhoan tiāⁿ khoàìⁿ ê tek-á chò ê hong-pang (pín-hong).



Pêh-chiáu

CHIM TRẮNG

Pêh-chiáu (1938-2011),
pún-miâ Ô Bùn-pa. Goân-
chék Ben-tre chhī. Oát-lâm
Chok-ka Hiáp-hōe hōe-oân.
Bat tit tiōh Kok-ka Bùn-hák
Siúⁿ.



aslan

HÂN-LÉNG Ê E-PO'SI

CHIỀU LẠNH

Láh-goéh, táh kòe kū ê kha-ìn

Kòe-óng ê lǝ hoat chín chē chháu-íⁿ

Soaⁿ-kha àu--khì ê si-thé, chít chūn léng hong

Góa kha-té ê hoeh-jiah iáu o'-tò-âng

Jít-chí tō án-ne kòe

Chháu-íⁿ chhiⁿ-chhiⁿ, chhiⁿ kah hǝ lǝng ùi-kôaⁿ

Hia ê hoeh-jiók, í-keng bô-hô

Hân-léng ê e-po'si, tiàu-oán ê lǝ, ùi-kôaⁿ ah!

aslan



Ông Tiông

VƯƠNG TRỌNG

Ông Tiông, pún-miâ Ông
Têng-tiông, 1943 nî tī Gĩ-an
séng Tò-niû koân chhut-sì.
Oát-lâm Chok-ka Hiáp-hōe
hōe-oân. Bat tit tióh Kok-ka
Bûn-hák Siúⁿ.

aslan

TÌ BĂNG-TIONG HÁU

KHÓC GIỮA CHIÊM BAO

Siâu-liām A-bú

Ủ chít pái góa ná chò băng ná háu
 Tng chhut-hiān a-bú siōng kan-khó' hit nî ê hêng-iaⁿ
 Hit nî chò tōa-chúi, pò-hōaⁿ pang--khì
 A-bú tī boeh-àm-á taⁿ tâng-tàⁿ

Goán hiaⁿ-tī-á iau kui-kang
 Àm-thâu-á goán kui tī hō-tēng hia chē
 Bô mih-kiāⁿ thang chú thái tō khí hóc
 Beh hoan-bēh iah han-chī mã tiòh tán a-bú tng-lai...

Băng chhéⁿ bák-khó' iáu tâm-tâm
 Góa chít-ê lāng tī àm-iā hoah a-bú
 Sui-bóng góa chai-iaⁿ
 Góa ê hoah-siaⁿ thoân bē kàu kò-hiong soaⁿ-kha a-bú ê bōng-thâu

Góa ê jîn-seng lóng teh liū-lōng
 Ták giah to tòa, ták giah lóng m̄-sī kò-hiong
 A-bú ê kò-hiong hiah nih hng
 A-bú kòe-sin liáu góa tō chin hán leh tng-khì

Thaⁿ hiong ê jít-chí góa chhōe tiòh siáⁿ
 Tī chin-sít jîn-seng lâi-té chhōe bô
 Òng-bāng bāng tiong koh khoàìⁿ tiòh a-bú ê hêng-iaⁿ
 Tō sng góa ē háu kah mī-chai lāng!

1988 nî



**Chè Lân-hng****CHẾ LAN VIÊN**

Chè Lân-hng pún-mià Phoaⁿ
Giòk-hoan, 1920/10/20 tĩ
Gĩ-an chhut-sì. Goân-chék
Kóng-tĩ séng Kam-lō koân.
1989/6/19 tĩ Saigon kòe-
sin. Oát-lâm Chok-ka Hiáp-
hōe hōe-oân. Bat tit tióh Ô
Chì-bêng Bùn-gē Siúⁿ.

aslan

SAⁿ-SÎ Ê KOA-SI

TỪ THỂ THI CA

I.

Góa bô-hoat-tō' éng-oán lâu lóh-lâi khoàⁿ hoe
Hóe-chòng soah, góa ē títg-khì lóng sī hoe ê thian-tông
Khó-sioh hia bô ài-chêng!

II.

Góa chiâⁿ chò àng-á lâi-té ê kut-hu
Lí m̄-thang háu
Hoe-hng ê hoe-chháu iáu chheⁿ-chheⁿ

III.

Tō-sèng góa ùi tē-kiû siau-sit
Góa iáu ùi kui-ê tē-kiû
Sàng hō' ka-tī

IV.

Chiu-chhàm góa ê lāng ē kan-khó pháiⁿ-kòe
In bô chài-tiâu koh thài góa
To-á chhoân piān-piān, in bē pàng lán soah

V.

Góa ē chhin-chiâⁿ pêng-iú ē koh khoàiⁿ tiòh góa

Tī chháu-pō'

Tī bông-bū

Tī chiòh-thâu

Tàk sì-kè

Góa éng-oán chûn-châi

M̄-sī kō bah-thé

Ná hong-poe-soa

Ná ta-chháu tī chhun-thiⁿ koh hoạt-íⁿ



Pêng Oát

BẰNG VIỆT

Pêng Oát pún-miâ Ng Oát-pêng, 1941/6/15 chhut-sì. Goân-chèk Hô-lâi chhī. Oát-lâm Chok-ka Hiáp-hōe hōe-oân. Bat tit tiōh Kok-ka Bûn-hák Siúⁿ.

aslan

HIT KÓA BĪN-IÔNG HIT PHIÀN THIⁿ

NHỮNG GUỜNG MẶT NHỮNG KHOẢNG TRỜI

Sék-săi ê chiàn-tiûⁿ, liam-mi ài koh lî-khui
Hong ùi góa ê sin-piⁿ sêh khì thiⁿ-piⁿ
Hit kóa siàu-liân chiàn-sū siong-iok chài-hôe
In ê bĭn-iông pêng-hoân kah ná chin-lí
Múi chit ê bĭn-iông lóng teh ngiâ-chiap chit-ê thiⁿ!

Tō-sng tī tó-ùi mã hām jĭn-seng sio khiâm-khoeh
Hit kóa chêng-sòaⁿ ê peng-á tī thō-khang chú-png
Hit kóa Van Kieu²² ê gĭn-á, bák-chiu kim-sih-sih ná chhiūⁿ-koa
Koàn-sì khòaⁿ thau bông-bông o-àm lăi-té ê chhèng-hóe
Chit bák nih tī pêng-an ê thiⁿ-kha-ê thiⁿ khui bák-chiu!

Su-liām Tng-soaⁿ²³ ê lâu-bú, tī àm-bong-bong ê chhiū-nâ
Chú kóa kin-chio-thng hō gĭn-á chí-ki
Siàu-liām Sêng-thian²⁴ ê sió-môe, hông hi-seng à, bô chài-tiâu
kóng-ôe

22. Êk-chiá chù-kái: Van Kieu (Vân Kiều) sĩ hun-pò tī Oát-lâm tiang-pō Kóng-pêng hām Sūn-hòa ê chió-sò bĭn-chòk.

23. Êk-chiá chù-kái: Van Kieu (Vân Kiều) sĩ hun-pò tī Oát-lâm tiang-pō Kóng-pêng hām Sūn-hòa ê chió-sò bĭn-chòk.

24. Êk-chiá chù-kái: Sêng-thian (Thừa Thiên) tō sĩ Sūn-hòa séng.

Éng-oán lâu hō' góa không-khoah ê thiⁿ
 Góa thè i ká bák-chiu háp leh, hiah nih kim ê bák-chiu!
 Tī thông-khó chêng tiām-chēng, tī hoaⁿ-hí chêng tōa siaⁿ háu

Góa ē-kì-tit kong-tá Kóng-tī²⁵ hit àm
 Goán bân gōa tòi tōa-phàu chò-tīn phah tui thiⁿ-téng
 Chhàn-lân ê hóe-hái siā tui ték-jîn hia khi
 Ták-ke hiòng chiân chhiong, bák-sái kâm bák-kīⁿ

Góa it-seng lóng oah tī kám-tōng lai-té, chiàn-tiūⁿ chók-kok ah!
 Góa sék-sái ê bīn-iông, tō-sng kan-taⁿ khòaⁿ 1 pái, chit sì-lâng
 thiàⁿ-sioh...

Gōa-chē thian-chin ê gín-á, gōa-chē chhong-song ê lâu-bó
 Hit kóa chiàn-sū nng kòe choân kok ê chiàn-hô
 Múi chit ê pêng-hoân ê bīn-iông, keng-kòe chheng pái ê seⁿ-sí
 In ê êng-kng chhiō tī góa hām hit phiàn thiⁿ

1970 nî

25. Ék- chiá chú-kái: Kóng-tī (Quảng Trị) sĩ Oát-lâm tiong-pō'ê 1 ê séng.

**Lê Eng-chhun****LÊ ANH XUÂN - CALÊ HIÊN**

Lê Eng-chhun, tú chhut-sì ê sĩ mã
 hông hō chò “Ko Lê-hiàn”, 1940
 nî 6 goèh chhe 5 tī Oát-lâm Ben-
 tre séng Chiu-siâⁿ koân chhut-sì.
 I sĩ 1968 nî lâm-pō chiàn-tiûⁿ hi-
 seng ê liát-sū, hông hong-chò bú-
 chong lék-liông eng-hiông. Oát-
 lâm Chok-ka hiáp-hōe ê hōe-oân.
 Bat tit tiòh Kok-ka Bûn-gē Siúⁿ.

TNG-LÂI A-KONG A-MÁ Ê KÒ-HIONG

TRỞ VỀ QUÊ NỘI

Ū chheⁿ-lìn-lìn iâ-chí-chhiū iáⁿ ê kò-hiong ah!
 Siūⁿ-bē-kàu góa kin-á-jít ē-tàng oah leh tng--lâi
 Góa kò-hiong ê it-chheh lóng goân-châi
 Sui-jiân chhin-lâng í-keng tī chit-tê thó-tê lâu-hoeh
 Góa koh khòaⁿ-tiòh ka-tī thiàⁿ-sioh ê hia ê bîn-iông
 Goán hō-siong khòaⁿ, him-sióng, chùi koh pá
 Goán kā phī-phī-chhoah ê chhiú lăk hō ân-ân-ân
 Su-liām hō goán ê chhiú piàn sio-loah

Che tō sī chá-chêng ê tōa-lō
 Góa tiāⁿ-tiāⁿ tī bāng-tiong kiāⁿ-tâh ê só-châi
 Siáⁿ-lâng in tau tiông-tàu-sī tiâu-chhng kī-koâiⁿ ê siaⁿ
 Chhin thiàⁿ-sioh, chin su-liām ê kóng-ōe ê siaⁿ
 Hia ê pēh--ê, âng--ê sian-tan-hoe ah!
 Chhin-chhiūⁿ lí hiah thian-chin, ũ thâu ũ bók
 Chhin-chhiūⁿ lí hiah bí-lê tan-sûn
 Lán gín-á-sí bat tī hia sé sin-khu ê sè-tiâu-khe

Khe-chúi chiàu lâu iû-goán bô kái-piàn
 Khe-á-kĩⁿ lóng sī kiô-á-sek ê pò-tē-liân

A-bú thâu-chang pèh-pèh-pèh, kha-chiah ku-ku-ku
 Ná thó-tōa-khùi nā kóng kó hō góa thiaⁿ
 8 ê gín-á tī hā-khò tng-khì chhù ê lō-lìn
 In-ùi sio kah chín méh ê chà-tōaⁿ sit-khì sīⁿ-miā
 Ték-jîn tī 1 ê chng-thâu lāi-té thài-sí 10 ê lāng
 Chit chiah chûn hō sī-thé thiap kah tīⁿ-tīⁿ-tīⁿ

Chài-khì Ben-tre²⁶ kā ték-jîn khòng-cheng
 Goán ê chng-thâu hông khong-síp kúi-lō-pái
 Iā-chí-chhiū tó kui-piàn, tek-á-nā pha-hng
 A-bú lîm-sī tah chit ê jia hong-hō ê pēⁿ-á
 Siūⁿ-bē-kàu a-bú ê pēⁿ-á
 Hóe-chhiⁿ iû-goân lâu-tī hit tè thó-tē
 A-bú jít-iā chhau-lô
 Tī pì-bit ê hông-khong-hô chhiáⁿ-ióng goán ê tông-chì
 A-bú it-seng íóng-kám hi-seng

20 nī pò-hō thó-tē, pò-hō chng-thâu
 Lí sī Oát-lâm lâm-pō ê bó-chhin ah
 Siūⁿ-bē-kàu góa ê sió-mōe
 Tī hit-ê lîm-sī tah ê pēⁿ-á kha ê lí í-keng tōa-hàn

26. Êk-chiá chù-kái: Ben-tre (Bến Tre) sī Oát-lâm lâm-pō' Bến Tre séng, chit ê só-chhi in-ùi cheng iā-chí ũ miā.

Lí súi kah chhin-chhiūⁿ chhiong-boán oáh-lék ê chhun-thiⁿ
 Keng-kah-thâu ê chhèng mā kah lí kâng-khoán súi
 Lí ah! Ūi-siáⁿ-mih lí ê thâu-chang chiaⁿ-nī-á phang
 Iáh-sī lí tú keng-kòe chèng liū-liân ê hng-á
 Góa kah-ì lí ê chhiò-siaⁿ
 Tìⁿ kah chhin-chhiūⁿ he iâ-chí-chiap

Góa ài lí kiâⁿ-kòe tek-kiō iau-kiau ê chu-sè
 Un-jiū ná thiⁿ-téng ê sian-lú
 Lí sī iū-kek tui-oân, lí sī thoân-lēng-peng
 Lí sī tãi-piáu goán ê kò-hiong
 11 tang à, góa sū, góa liām

Tē 1 àm góa tī kò-hiong khùn-khì
 Sim-lāi kám-kak gōa-nī-á un-loán
 Tō-sng gōa-bīn tng teh piàⁿ hō
 Hán-hoah ê tōa-phàu-siaⁿ chùn kah līh-sai-sai
 Ah! Goán ê kò-hiong chiok súi--ê
 Tō-sng tōa-lō koh ū chin chē chà-tōaⁿ-khang
 Tō-sng lí ê saⁿ koh ū pó-thīⁿ ê hūn-giah
 Kan-taⁿ ū tióng-sēng, ū-thâu-ū-bóe ê sim
 Kah chhiú-lìn tng teh tòh hóe ê chhèng

**Lâu Kong-bú****LƯU QUANG VŨ**

Lâu Kong-bú (1948-1988).
Oát-lâm Kín-lâm-séng ê
lâng. Oát-lâm Chok-ka Hiáp-
hõe ê hõe-oân. Bat tit tiòh
Ờ Chì-bêng Gē-sút Bùn-hák
Siúⁿ.

asian

SIÂⁿ-CHHĪ HOE-HŨNG

VƯỜN TRONG PHỐ

Siâⁿ-chhĭ lăi ũ 1 ê chiok liâng-sóng ê hoe-hŭng
 Tĭ jĭn-hái tang-tiong ũ góa ê lí
 Sio-loah ê kòe-tàu phang-kûn chhut-hoat chhōe bĭt
 Jĭp-hŭng liáu-āu bĭt-phang chhōe bô hong-hiòng

Chhun-hong tiāⁿ tĭ chĭt ê hoe-hŭng liū-loân
 Kiô-á-sek ê hoe, chiáu-á ê kiò-siaⁿ, se-lang ê lám-jĭn-chhiū,
 jĭt-thâu-kha ê hiòh-á
 Ti-tu lăi-hōe bô-êng thờ pĕh-si
 Kóe-chí hong-siu, chhiong-boán oah-lĕk

Chái-khí chháu-kĭ tâm-lok-lok, sng-lō kàng lōh-lăi ê sớ-chāi
 Chĭt-liáp sng lak lōh chhùi-phóe bĭn-téng
 Siáⁿ khoán ê léng-khong-khì kā chhiú-pô piàn kah léng-ki-ki?
 Chĭt-sì-lâng mã m̃-chai goân-in.....

Àm-mĭ thiaⁿ-tiòh hóe-chhia chúi-lê hōe-im ê sớ-chāi
 Hiông-hiông siūⁿ tiòh chin hŭng ê kò-hiong
 Lán iok-sok beh tōa-siaⁿ chhiūⁿ kun-koa ê sớ-chāi
 Lán bē-kĭ-lih kā hoe-sok khng tĭ hoe-hŭng ê tó chĭt-tah.....

Hong hō lāi, chhiū-bóe tng teh chò hong-thai
 Kóe-chí kàu hun, tī ám-po-chê lāi ê sī, tng tiⁿ tng súi
 Hia ê âng--ê, kiô-á-sek ê tē-pêng-sòaⁿ
 Hia ê gín-sek ê chhiⁿ-kún hō kui ê bóe-àm-á kim-sih-sih

Kin-chio-hiōh kán-ná chún-phâng
 Tī hēng-hok tang-tiong lāi-lāi-khì-khì ê hi-bāng phâng-chún
 Ài khin-khin, nā bô chún-phâng ē poe--khì
 Chhiūⁿ chhùi-tún hiah tâm-sip koh un-jiū

Phòa-pêng ê si-koe phang kui-kang
 Lí mā chhin-chhiūⁿ loah-thiⁿ ê kóe-chí-chhiū chheng-sóng hō
 lāng hoaⁿ-hí
 Kó-tāng hit-khoán ê phoe-hu-sek kap pì-sū ê chhiò-iông
 Lí chhin-chhiūⁿ lōh-hō-liáu thàm-thâu ê chhit sek khēng

Taⁿ góa khi chìn hng ê só-chāi chham-chiàn
 Koh 1 pái khòaⁿ khah-chá ê hoe-hng kám-kak eh-chiⁿ-chiⁿ
 Chìn chē ôe góa iáu bē-hù kóng chhut chhùi
 Kui-sim kan-taⁿ kòa-liām góa ê lí

Góa bat poaⁿ-soaⁿ kòe-niá
 Jiok gín-á-sí hóe-chhia ê tân-lê-siaⁿ

Hoe-hng lâu-bē-tiâu tng--lâi ê kha-pō
 M̄-koh chhiū-oe iû-goân tī hêng-kun ê lō-tō-tiong thè góa
 cháh-ńg

Lí chit ê hoe-hng iû-goân sī chheⁿ-chheⁿ-chheⁿ
 Sim-lâi ê ài-ì tī chia khai-sí puh-íⁿ
 Lán tī hia bán tē 1 pha ê si-kù
 Che sī chhiu-thiⁿ nā kàu péh-hûn iû-goân ē tng--lâi ê só-
 chāi

1967 nî



|| About this book

This poetry collection was originally published by the Vietnam Writers' Association for the event of Vietnamese literature and international poetry festival in February 2019. This book collected poems from 45 famous Vietnamese poets. Those poems were translated into Taiwanese and Chinese, and published in Taiwan. The translators include Wi-vun CHIUNG (Trường Vi Văn), Thái Thị Thanh Thủy, Lù Việt Hùng, Trần Lý Dương and Trần Chính Hùng. This Taiwan edition was co-sponsored by Taiwanese Pen, Association for Taiwanese-Vietnamese Cultural Exchange, Center for Vietnamese Studies at the National Cheng Kung University, Taiwanese Romanization Association, Taiwan's Ministry of Culture and Foundation for New Immigrants - Ministry of Interior Affairs.

Note





Note

